

KẾT QUẢ THI NĂNG KHIẾU THỂ DỤC THỂ THAO ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1	TDS.01.0001	BÙI THÁI	AN	18/09/2007	Nữ	Cầu lông	7.0	
2	TDS.01.0002	DANH TRƯỜNG	AN	28/09/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
3	TDS.01.0004	ĐỖ NGUYỄN PHÚC	AN	29/11/2006	Nam	Năng khiếu chung	6.25	
4	TDS.01.0005	HUỲNH VĂN	AN	21/01/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
5	TDS.01.0006	LÊ CHÂU HOÀNG	AN	05/07/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
6	TDS.01.0008	LÊ HUỲNH VIỆT	AN	11/04/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
7	TDS.01.0009	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG	AN	07/02/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
8	TDS.01.0010	LÊ PHƯỚC TÂM	AN	24/10/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.25	
9	TDS.01.0011	LÊ VĂN BÌNH	AN	08/02/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
10	TDS.01.0012	MAI TRẦN PHƯỚC	AN	17/04/2007	Nam	Bóng rổ	6.75	
11	TDS.01.0013	NGHIÊM THIỆN	AN	02/12/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
12	TDS.01.0016	NGUYỄN BẢO TÂM	AN	20/10/2007	Nữ	Năng khiếu chung	8.75	
13	TDS.01.0017	NGUYỄN BÌNH	AN	08/06/2006	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
14	TDS.01.0020	NGUYỄN KẾ	AN	12/05/2006	Nam	Bóng đá	2.5	
15	TDS.01.0022	NGUYỄN NGỌC THIÊN	AN	26/12/2007	Nữ	Cầu lông	8.25	
16	TDS.01.0024	NGUYỄN THÀNH	AN	01/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
17	TDS.01.0025	NGUYỄN THÀNH	AN	13/05/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
18	TDS.01.0026	NGUYỄN THIỆN	AN	01/02/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
19	TDS.01.0027	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	17/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.25	
20	TDS.01.0028	NGUYỄN VĂN QUỐC	AN	25/04/2006	Nam	Bóng đá	5.5	
21	TDS.01.0029	PHẠM HOÀI	AN	11/02/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
22	TDS.01.0030	PHẠM TẤN	AN	13/09/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
23	TDS.01.0031	PHAN HÀ	AN	27/05/2007	Nam	Điện kinh	8.25	
24	TDS.01.0033	TRẦN NGUYỄN NHẬT	AN	18/12/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
25	TDS.01.0034	TRẦN TIẾN	AN	19/07/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
26	TDS.01.0035	TRẦN VÕ HOÀNG	AN	11/09/2006	Nam	Cầu lông	4.5	
27	TDS.01.0038	VŨ TRỌNG HOÀI	AN	10/08/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
28	TDS.01.0039	CAO LÊ QUYÊN	ANH	14/10/2005	Nam	Bóng chuyền	9.0	
29	TDS.01.0042	DƯƠNG TUẤN	ANH	13/10/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
30	TDS.01.0043	ĐÀO ĐỨC	ANH	01/03/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
31	TDS.01.0044	ĐẶNG NGỌC	ANH	20/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
32	TDS.01.0045	ĐẶNG QUỐC	ANH	13/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
33	TDS.01.0046	ĐẶNG THỊ HOÀI	ANH	16/11/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.0	
34	TDS.01.0049	ĐOÀN NHẬT	ANH	19/04/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
35	TDS.01.0050	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG	ANH	11/02/2007	Nữ	Bơi lội	9.75	
36	TDS.01.0051	HUỲNH HOÀNG	ANH	10/12/2006	Nam	Bóng đá	3.75	
37	TDS.01.0052	HUỲNH QUỐC	ANH	14/12/2005	Nam	Vật - Judo	9.0	



Handwritten signature/initials.

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
38	TDS.01.0055	LÊ ĐÔN VIỆT	ANH	28/08/2006	Nam	Bóng đá	4.5	
39	TDS.01.0057	LÊ NGUYỄN LAN	ANH	21/08/2006	Nữ	Điền kinh	2.25	
40	TDS.01.0059	LÊ PHƯỚC	ANH	28/01/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
41	TDS.01.0060	LÊ TUẤN	ANH	17/03/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
42	TDS.01.0062	LÊ THÁI	ANH	28/01/2006	Nam	Điền kinh	9.25	
43	TDS.01.0063	LÊ THỊ NGỌC	ANH	15/06/2006	Nữ	Điền kinh	9.0	
44	TDS.01.0065	LÊ THỌ DUY	ANH	03/03/2006	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
45	TDS.01.0066	LÊ TRÂM	ANH	08/11/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
46	TDS.01.0067	LÊ TRẦN NAM	ANH	16/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
47	TDS.01.0068	LÊ VŨ	ANH	21/10/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
48	TDS.01.0070	MÃ HUỲNH QUỐC	ANH	25/08/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
49	TDS.01.0071	MAI KIM	ANH	19/03/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.25	
50	TDS.01.0072	MAI TUẤN	ANH	13/12/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
51	TDS.01.0073	NGÔ NGUYỄN KỶ	ANH	15/09/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
52	TDS.01.0076	NGUYỄN ĐẶNG NHẬT	ANH	21/03/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
53	TDS.01.0078	NGUYỄN ĐÌNH NHỰT	ANH	31/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
54	TDS.01.0080	NGUYỄN ĐỨC QUỐC	ANH	25/11/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
55	TDS.01.0081	NGUYỄN HOÀNG BẢO	ANH	04/05/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
56	TDS.01.0083	NGUYỄN KIM QUỲNH	ANH	28/02/2005	Nữ	Thể dục	8.25	
57	TDS.01.0084	NGUYỄN NHẬT	ANH	05/11/2007	Nam	Thể dục	8.0	
58	TDS.01.0085	NGUYỄN PHƯỚC NHẬT	ANH	24/01/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
59	TDS.01.0086	NGUYỄN QUỐC	ANH	08/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
60	TDS.01.0087	NGUYỄN QUỐC	ANH	11/09/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
61	TDS.01.0088	NGUYỄN SỸ THẾ	ANH	18/07/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
62	TDS.01.0090	NGUYỄN TUẤN	ANH	22/12/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
63	TDS.01.0091	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	23/05/2007	Nữ	Cầu lông	5.5	
64	TDS.01.0093	NGUYỄN TRẦN LAN	ANH	23/10/2007	Nữ	Năng khiếu chung	8.75	
65	TDS.01.0096	PHẠM LÊ TUẤN	ANH	12/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
66	TDS.01.0099	PHẠM TRẦN HỒNG	ANH	27/04/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
67	TDS.01.0100	PHAN VŨ TÀI	ANH	24/10/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
68	TDS.01.0101	SƠN QUANG	ANH	13/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
69	TDS.01.0102	TẠ TUẤN	ANH	27/02/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
70	TDS.01.0104	TRẦN HOÀNG	ANH	09/11/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
71	TDS.01.0106	TRẦN NGỌC	ANH	10/01/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
72	TDS.01.0107	TRẦN NHẬT	ANH	20/02/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
73	TDS.01.0108	TRẦN NHẬT	ANH	29/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
74	TDS.01.0110	TRẦN TUẤN	ANH	04/10/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
75	TDS.01.0113	TRƯƠNG HUỲNH TUẤN	ANH	27/07/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
76	TDS.01.0114	TRƯƠNG THỊ VÂN	ANH	17/05/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.0	
77	TDS.01.0115	VÕ NGỌC TUẤN	ANH	10/05/2007	Nam	Điền kinh	9.0	
78	TDS.01.0116	VÕ NGUYỄN TUẤN	ANH	05/12/2007	Nam	Bóng đá	10	
79	TDS.01.0117	VŨ ĐỨC	ANH	30/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
80	TDS.01.0118	VŨ THẾ	ANH	09/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	

HỆ
TRU
ĐẠI
DỤC
THỂ
HỌC

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
81	TDS.01.0120	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH	09/04/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.75	
82	TDS.01.0122	ĐINH HOÀNG	ÂN	04/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
83	TDS.01.0123	ĐỖ PHẠM HOÀNG	ÂN	01/01/2003	Nam	Năng khiếu chung	7.5	
84	TDS.01.0124	HỒ THIÊN	ÂN	12/11/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
85	TDS.01.0125	LÊ NGUYỄN NHẬT	ÂN	06/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
86	TDS.01.0126	LÊ NGUYỄN PHÚC	ÂN	03/02/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.75	
87	TDS.01.0127	NGUYỄN HOÀNG	ÂN	30/05/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
88	TDS.01.0129	NGUYỄN NGỌC PHÚ	ÂN	26/04/2006	Nam	Bóng đá	10	
89	TDS.01.0130	NGUYỄN PHẠM THIÊN	ÂN	11/09/2006	Nam	Bóng đá	3.75	
90	TDS.01.0131	NGUYỄN VĂN THIÊN	ÂN	10/01/2007	Nam	Cầu lông	6.75	
91	TDS.01.0132	PHAN NHẬT THIÊN	ÂN	29/04/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
92	TDS.01.0133	TRẦN THÁI THIÊN	ÂN	06/11/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
93	TDS.01.0134	NGUYỄN ĐĂNG	ÂN	14/03/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
94	TDS.01.0136	DƯƠNG HOÀNG	BÁCH	03/12/2007	Nam	Điền kinh	9.75	
95	TDS.01.0137	HOÀNG GIA	BÁCH	22/10/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
96	TDS.01.0138	BÙI TRỊNH QUỐC	BẢO	01/01/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
97	TDS.01.0141	ĐẶNG GIA	BẢO	28/10/2005	Nam	Bóng rổ	5.25	
98	TDS.01.0143	ĐINH GIA	BẢO	01/08/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
99	TDS.01.0144	ĐOÀN DUY	BẢO	14/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
100	TDS.01.0145	HÀN THẾ	BẢO	18/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
101	TDS.01.0148	HOÀNG LÊ GIA	BẢO	01/09/2007	Nam	Thể dục	9.25	
102	TDS.01.0149	HOÀNG TRẦN THIÊN	BẢO	21/04/2007	Nam	Boi lội	8.25	
103	TDS.01.0150	HỒ CHÍ	BẢO	20/03/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
104	TDS.01.0151	HỒ NGỌC GIA	BẢO	03/11/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
105	TDS.01.0152	HUỖNH ANH GIA	BẢO	17/08/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
106	TDS.01.0153	HUỖNH CHÍ	BẢO	13/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
107	TDS.01.0154	HUỖNH HIỂU	BẢO	28/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
108	TDS.01.0155	HUỖNH LÊ THIÊN	BẢO	01/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
109	TDS.01.0156	HUỖNH MINH	BẢO	22/04/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
110	TDS.01.0158	LÊ ĐÀO KHÁNH	BẢO	22/02/2007	Nữ	Bóng rổ	2.75	
111	TDS.01.0159	LÊ HOÀI	BẢO	10/01/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
112	TDS.01.0160	LÊ HOÀNG GIA	BẢO	11/05/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
113	TDS.01.0161	LÊ QUỐC	BẢO	24/06/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
114	TDS.01.0162	LÊ VŨ ANH	BẢO	29/09/2006	Nam	Bóng chuyền	8.0	
115	TDS.01.0163	NGÔ GIA	BẢO	01/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
116	TDS.01.0164	NGUYỄN BẢO	BẢO	23/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	2.5	
117	TDS.01.0165	NGUYỄN CHÍ	BẢO	16/10/2006	Nam	Điền kinh	8.5	
118	TDS.01.0166	NGUYỄN ĐẶNG HUY	BẢO	30/06/2006	Nam	Bóng đá	8.0	
119	TDS.01.0168	NGUYỄN GIA	BẢO	09/02/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
120	TDS.01.0170	NGUYỄN GIA	BẢO	26/03/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
121	TDS.01.0171	NGUYỄN GIA	BẢO	28/08/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
122	TDS.01.0172	NGUYỄN GIA	BẢO	28/09/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
123	TDS.01.0173	NGUYỄN GIA	BẢO	30/04/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	

TH
ÔNG
HỘ
THỂ
H PH
HÍ M



STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
124	TDS.01.0174	NGUYỄN HOÀI	BẢO	01/10/2004	Nam	Bóng đá	8.25	
125	TDS.01.0175	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	BẢO	04/01/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
126	TDS.01.0176	NGUYỄN HỮU THIÊN	BẢO	03/09/2007	Nam	Cầu lông	6.75	
127	TDS.01.0177	NGUYỄN LÊ HOÀNG	BẢO	06/03/2007	Nam	Cầu lông	2.0	
128	TDS.01.0182	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	06/06/2007	Nam	Quần vợt	9.0	
129	TDS.01.0183	NGUYỄN TRỌNG GIA	BẢO	21/12/2007	Nam	Cầu lông	7.5	
130	TDS.01.0184	NGUYỄN VIỆT	BẢO	02/05/2007	Nam	Điền kinh	8.5	
131	TDS.01.0185	NGUYỄN VŨ GIA	BẢO	28/01/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
132	TDS.01.0187	PHẠM GIA	BẢO	12/12/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
133	TDS.01.0189	PHẠM HOÀI	BẢO	12/02/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
134	TDS.01.0191	PHẠM NGÔ GIA	BẢO	02/10/2006	Nam	Bóng chuyền	9.0	
135	TDS.01.0192	PHẠM QUANG THÁI	BẢO	23/07/2007	Nam	Điền kinh	7.75	
136	TDS.01.0194	PHẠM THẾ	BẢO	08/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
137	TDS.01.0197	TÔ THÁI	BẢO	06/07/2006	Nam	Bóng đá	7.5	
138	TDS.01.0198	TỔNG NGÔ GIA	BẢO	25/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
139	TDS.01.0200	TRẦN ANH	BẢO	14/08/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
140	TDS.01.0202	TRẦN DUY	BẢO	14/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
141	TDS.01.0203	TRẦN GIA	BẢO	07/07/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
142	TDS.01.0204	TRẦN GIA	BẢO	18/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
143	TDS.01.0205	TRẦN GIA	BẢO	19/04/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
144	TDS.01.0207	TRẦN GIA	BẢO	29/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
145	TDS.01.0208	TRẦN HỒ HOÀI	BẢO	15/10/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
146	TDS.01.0210	TRẦN LÊ ĐÌNH	BẢO	03/01/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
147	TDS.01.0211	TRẦN LÝ GIA	BẢO	16/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
148	TDS.01.0213	TRẦN QUỐC	BẢO	03/06/2007	Nam	Cầu lông	7.5	
149	TDS.01.0214	TRẦN TUẤN	BẢO	22/05/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
150	TDS.01.0216	TRƯƠNG ĐỨC	BẢO	23/12/2006	Nam	Võ thuật	8.5	
151	TDS.01.0218	VÕ GIA	BẢO	28/08/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
152	TDS.01.0220	VÕ NGUYỄN VĂN	BẢO	26/06/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
153	TDS.01.0221	VŨ TRUNG	BẢO	08/11/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
154	TDS.01.0224	NGUYỄN QUỲNH KHÁNH	BĂNG	10/11/2007	Nữ	Bơi lội	9.5	
155	TDS.01.0225	PHẠM KHÁNH	BĂNG	17/05/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
156	TDS.01.0227	HUỖNH QUANG	BI	10/01/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
157	TDS.01.0228	NGUYỄN QUỐC	BI	21/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
158	TDS.01.0230	TRẦN QUÍ	BI	09/06/2007	Nam	Điền kinh	5.75	
159	TDS.01.0233	ĐẶNG THANH	BÌNH	09/11/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
160	TDS.01.0234	ĐÌNH NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	14/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
161	TDS.01.0235	GIP Y	BÌNH	15/07/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
162	TDS.01.0236	HUỖNH DUY	BÌNH	22/03/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
163	TDS.01.0238	LÊ XUÂN	BÌNH	27/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
164	TDS.01.0239	MẠC NGUYỄN	BÌNH	18/01/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
165	TDS.01.0240	NGUYỄN AN	BÌNH	20/11/2006	Nam	Điền kinh	6.5	
166	TDS.01.0241	NGUYỄN AN	BÌNH	29/06/2007	Nam	Cầu lông	3.5	

THAI
NH
H

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
167	TDS.01.0242	NGUYỄN ĐẠI	BÌNH	27/12/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
168	TDS.01.0243	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	24/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
169	TDS.01.0244	NGUYỄN THANH	BÌNH	07/11/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
170	TDS.01.0245	NGUYỄN THANH	BÌNH	18/01/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
171	TDS.01.0246	NGUYỄN THỊ NHƯ	BÌNH	08/12/2007	Nữ	Điền kinh	7.25	
172	TDS.01.0249	PHẠM VÕ THANH	BÌNH	09/11/2007	Nam	Võ thuật	6.0	
173	TDS.01.0254	TRẦN THANH	BÌNH	26/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
174	TDS.01.0255	TRẦN VÕ THÁI	BÌNH	08/06/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
175	TDS.01.0256	VŨ THANH	BÌNH	10/10/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
176	TDS.01.0258	NGUYỄN MINH	CẢNH	16/02/2007	Nam	Thể dục	9.0	
177	TDS.01.0260	HỒ NGỌC	CẦN	22/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
178	TDS.01.0261	NGÔ TÙNG	CẦN	02/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
179	TDS.01.0263	HỒ HOÀNG	CÔNG	07/02/2006	Nam	Bóng đá	8.25	
180	TDS.01.0265	LÊ CHIẾN	CÔNG	18/10/2003	Nam	Bóng chuyền	7.25	
181	TDS.01.0267	NGUYỄN ĐÌNH CHÍ	CÔNG	26/10/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	
182	TDS.01.0269	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	25/02/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
183	TDS.01.0270	TRƯƠNG NGÔ THÀNH	CÔNG	10/03/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
184	TDS.01.0272	VÕ VĂN	CÔNG	26/08/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
185	TDS.01.0273	PHẠM DƯƠNG	CƠ	14/02/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
186	TDS.01.0274	ĐOÀN TẤN	CÚC	21/11/2007	Nam	Bóng rổ	4.25	
187	TDS.01.0276	VÕ LÊ KIM	CƯỜNG	04/06/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
188	TDS.01.0279	LÊ DUY	CƯỜNG	30/11/2006	Nam	Cầu lông	5.5	
189	TDS.01.0282	PHẠM QUANG	CƯỜNG	23/07/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
190	TDS.01.0283	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	09/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
191	TDS.01.0284	TÔ HÙNG	CƯỜNG	26/10/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
192	TDS.01.0286	TRƯƠNG QUỐC	CƯỜNG	29/08/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
193	TDS.01.0287	VÕ QUỐC	CƯỜNG	16/12/2007	Nam	Bóng rổ	5.0	
194	TDS.01.0289	NGUYỄN LÂM THIÊN	CHẤN	12/07/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
195	TDS.01.0290	THÁI BẢO	CHẤN	16/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
196	TDS.01.0291	CHU ĐÌNH	CHÂU	02/04/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
197	TDS.01.0292	HÁN HÀ BẢO	CHÂU	30/07/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
198	TDS.01.0295	NGÔ NGỌC MINH	CHÂU	16/05/2007	Nữ	Bóng bàn	8.75	
199	TDS.01.0297	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	06/10/2007	Nữ	Điền kinh	7.5	
200	TDS.01.0299	TRƯƠNG QUANG	CHÂU	02/07/2006	Nam	Điền kinh	5.25	
201	TDS.01.0300	BÙI TRẦN LINH	CHI	14/05/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.5	
202	TDS.01.0301	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	27/12/2007	Nữ	Bóng đá	3.75	
203	TDS.01.0304	KHA ĐÌNH	CHÍ	22/12/2007	Nam	Thể dục	7.75	
204	TDS.01.0305	LƯU DŨNG	CHÍ	07/12/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
205	TDS.01.0306	NGUYỄN ĐỨC MINH	CHIẾN	20/06/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
206	TDS.01.0307	NGUYỄN MINH	CHIẾN	22/07/2007	Nam	Bóng đá	10	
207	TDS.01.0309	PHAN MINH	CHIẾN	22/07/2006	Nam	Bóng đá	3.75	
208	TDS.01.0310	PHAN VĂN	CHIẾN	22/04/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
209	TDS.01.0311	THÔNG MINH	CHIẾN	18/12/2007	Nam	Bóng chuyền	6.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
210	TDS.01.0312	TRẦN PHONG	CHIẾN	17/10/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
211	TDS.01.0315	HUỖNH CAO	CHỌN	12/07/2007	Nam	Bóng đá	10	
212	TDS.01.0316	CAO	CHUẨN	04/11/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
213	TDS.01.0318	NGUYỄN VĂN	CHUÔNG	16/12/2006	Nam	Bóng chuyền	7.5	
214	TDS.01.0319	NGUYỄN MINH	CHUYỀN	24/09/2007	Nam	Bóng đá	2.75	
215	TDS.01.0320	TRẦN CÔNG	CHỨC	13/05/2006	Nam	Bóng đá	6.75	
216	TDS.01.0325	PHAN QUỐC	CHƯƠNG	08/08/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
217	TDS.01.0328	ĐOÀN XUÂN	DANH	14/10/2007	Nam	Bóng bàn	9.25	
218	TDS.01.0329	ĐỖ THÀNH	DANH	01/07/2007	Nam	Bóng đá	2.75	
219	TDS.01.0331	LÊ THÀNH	DANH	19/08/2007	Nam	Bóng đá	9.75	
220	TDS.01.0332	LÊ THÀNH	DANH	20/02/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
221	TDS.01.0333	LÝ PHÚC	DANH	12/12/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
222	TDS.01.0335	NGUYỄN CÔNG	DANH	09/01/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
223	TDS.01.0336	NGUYỄN TIẾN	DANH	10/08/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
224	TDS.01.0338	NGUYỄN THÀNH	DANH	21/10/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
225	TDS.01.0339	NGUYỄN THÀNH	DANH	26/03/2007	Nam	Bóng rổ	2.25	
226	TDS.01.0340	NGUYỄN VÕ DUY	DANH	04/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
227	TDS.01.0343	TRẦN LÊ QUANG	DANH	23/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
228	TDS.01.0344	TRẦN THÀNH	DANH	20/07/2007	Nam	Bóng chuyền	5.75	
229	TDS.01.0345	VÕ CÔNG	DANH	10/03/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
230	TDS.01.0346	VÕ QUỐC	DANH	26/09/2005	Nam	Bóng đá	4.25	
231	TDS.01.0347	DANH THANH	DÂN	15/12/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
232	TDS.01.0348	NGUYỄN HUỖNH	DÂN	22/10/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
233	TDS.01.0350	PHAN THANH	DÂN	05/10/2007	Nam	Bóng đá	1.5	
234	TDS.01.0351	RƠ LAN	DÂN	30/07/2005	Nam	Bóng đá	4.75	
235	TDS.01.0352	LƯƠNG THẾ	DĂNG	13/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
236	TDS.01.0353	ĐẶNG XUÂN	DĨ	01/01/2007	Nam	Cầu lông	9.75	
237	TDS.01.0358	KHA GIA	DIỆM	16/12/2007	Nam	Bóng rổ	6.75	
238	TDS.01.0359	CAO MINH	DIỆP	08/05/2007	Nam	Bắn súng	9.75	
239	TDS.01.0362	NGUYỄN THÀNH	DINH	09/04/2006	Nam	Bóng chuyền	7.0	
240	TDS.01.0363	VÕ QUANG	DINH	22/01/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
241	TDS.01.0364	NGUYỄN CHÍ	DÍNH	08/03/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
242	TDS.01.0365	LÂM CHÍ	DÍNH	10/04/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
243	TDS.01.0368	TRẦN KHÁNH	DU	23/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
244	TDS.01.0369	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	DU	24/11/2007	Nữ	Bóng đá	9.75	
245	TDS.01.0370	LÊ MINH	DUẬN	07/03/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
246	TDS.01.0371	ĐỖ THỊ NGỌC	DUNG	19/05/2007	Nữ	Bóng chuyền	5.75	
247	TDS.01.0372	NGUYỄN THỊ THUỖ	DUNG	01/05/2006	Nữ	Điền kinh	7.75	
248	TDS.01.0373	NGUYỄN THỦY	DUNG	23/06/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.25	
249	TDS.01.0374	VÕ THỊ THỦY	DUNG	08/02/2007	Nữ	Võ thuật	7.0	
250	TDS.01.0375	VŨ THỊ MAI	DUNG	30/09/2006	Nữ	Điền kinh	8.5	
251	TDS.01.0376	ĐẶNG NGHIÊM TÂN	DỪNG	12/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
252	TDS.01.0377	ĐOÀN VŨ TIẾN	DỪNG	22/04/2007	Nam	Bóng rổ	8.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
253	TDS.01.0378	HOÀNG VIỆT	DŨNG	14/02/2007	Nam	Cầu lông	7.75	
254	TDS.01.0379	LÊ ANH	DŨNG	04/05/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
255	TDS.01.0380	LÊ QUANG	DŨNG	27/09/2006	Nam	Bóng chuyền	7.5	
256	TDS.01.0381	LÊ TÂN	DŨNG	29/07/2007	Nam	Cầu lông	6.75	
257	TDS.01.0382	LÊ TIẾN	DŨNG	26/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.75	
258	TDS.01.0383	NÔNG VĂN	DŨNG	04/01/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
259	TDS.01.0384	NGÔ NGỌC	DŨNG	02/05/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
260	TDS.01.0386	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	01/11/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
261	TDS.01.0387	NGUYỄN TÂN	DŨNG	11/01/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
262	TDS.01.0388	NGUYỄN THÀNH TRÍ	DŨNG	14/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
263	TDS.01.0389	NGUYỄN VĂN CHÍ	DŨNG	10/12/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
264	TDS.01.0390	NGUYỄN VĂN TIẾN	DŨNG	09/02/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
265	TDS.01.0391	PHẠM VĂN	DŨNG	16/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
266	TDS.01.0393	RAH LANG	DŨNG	08/04/2007	Nam	Bóng đá	10	
267	TDS.01.0394	THỜI VĂN	DŨNG	27/06/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
268	TDS.01.0395	THƯỢNG HOÀNG	DŨNG	19/04/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
269	TDS.01.0396	TRẦN MẠNH	DŨNG	06/09/2007	Nam	Bóng rổ	7.0	
270	TDS.01.0397	TRẦN NGỌC QUỐC	DŨNG	13/12/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
271	TDS.01.0400	TRỊNH ĐỨC TIẾN	DŨNG	11/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.25	
272	TDS.01.0401	VÕ QUỐC	DŨNG	20/02/2007	Nam	Bóng rổ	8.0	
273	TDS.01.0402	VŨ NHẬT	DŨNG	28/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.25	
274	TDS.01.0403	VŨ QUANG	DŨNG	12/12/2004	Nam	Năng khiếu chung	6.75	
275	TDS.01.0404	BÙI KHÁNH	DUY	12/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
276	TDS.01.0405	BÙI NGUYỄN KHÁNH	DUY	28/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
277	TDS.01.0406	BÙI PHƯỚC	DUY	15/12/2007	Nam	Bóng đá	10	
278	TDS.01.0410	ĐẶNG PHÚC	DUY	21/12/2007	Nam	Bóng chuyền	6.75	
279	TDS.01.0411	ĐINH NGUYỄN KHÁNH	DUY	01/05/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
280	TDS.01.0413	ĐOÀN ĐỨC	DUY	29/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
281	TDS.01.0414	ĐOÀN KHÁNH	DUY	26/09/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
282	TDS.01.0415	ĐỖ PHÚC	DUY	17/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
283	TDS.01.0416	HUỖNH KHANH KHÁNH	DUY	25/03/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
284	TDS.01.0417	HUỖNH MINH	DUY	16/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
285	TDS.01.0420	HUỖNH QUỐC	DUY	01/12/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
286	TDS.01.0421	LÂM	DUY	29/01/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
287	TDS.01.0422	LÂM PHƯƠNG	DUY	14/12/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
288	TDS.01.0423	LÂM QUANG	DUY	03/11/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
289	TDS.01.0424	LÊ BẢO	DUY	25/11/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
290	TDS.01.0426	LÊ KHÁNH	DUY	13/07/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
291	TDS.01.0433	NGUYỄN ANH	DUY	30/03/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
292	TDS.01.0434	NGUYỄN BÁ	DUY	19/09/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
293	TDS.01.0435	NGUYỄN CÔNG	DUY	06/03/2006	Nam	Bóng đá	5.75	
294	TDS.01.0437	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG	DUY	25/10/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
295	TDS.01.0438	NGUYỄN ĐỨC	DUY	02/11/2007	Nam	Bóng đá	10	

1
 HƯỜN
 VI H
 IC TH
 ANH
 CHỈ

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
296	TDS.01.0440	NGUYỄN HOÀNG TÂN	DUY	09/06/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
297	TDS.01.0441	NGUYỄN HỮU	DUY	21/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
298	TDS.01.0442	NGUYỄN LÊ KHƯƠNG	DUY	17/05/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
299	TDS.01.0443	NGUYỄN MINH	DUY	01/04/2007	Nam	Bóng chuyền	5.25	
300	TDS.01.0445	NGUYỄN NHẬT	DUY	17/07/2007	Nam	Bóng đá	9.75	
301	TDS.01.0448	NGUYỄN NHỰT	DUY	26/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
302	TDS.01.0449	NGUYỄN PHÚC MINH	DUY	18/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
303	TDS.01.0451	NGUYỄN TÂN	DUY	28/12/2006	Nam	Bóng đá	7.25	
304	TDS.01.0452	NGUYỄN THANH	DUY	09/11/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
305	TDS.01.0453	NGUYỄN THANH	DUY	25/02/2005	Nam	Bơi lội	9.0	
306	TDS.01.0455	NGUYỄN THÀNH	DUY	18/08/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
307	TDS.01.0457	NGUYỄN THIÊN	DUY	04/09/2006	Nam	Bóng đá	9.5	
308	TDS.01.0458	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	DUY	25/05/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
309	TDS.01.0459	NGUYỄN TRƯỞNG KHÁNH	DUY	25/04/2007	Nam	Bóng đá	9.5	
310	TDS.01.0461	TẠ VĂN	DUY	25/07/2006	Nam	Bóng chuyền	6.5	
311	TDS.01.0462	TỔNG KHÁNH	DUY	09/02/2007	Nam	Cầu lông	8.0	
312	TDS.01.0464	TRẦN HUỖNH	DUY	20/08/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
313	TDS.01.0466	TRẦN QUANG	DUY	10/05/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
314	TDS.01.0469	TRƯƠNG KHÁNH	DUY	18/08/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
315	TDS.01.0470	TRƯƠNG TƯỜNG	DUY	31/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
316	TDS.01.0471	VÕ MẠNH	DUY	29/01/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
317	TDS.01.0472	VÕ MINH	DUY	04/10/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
318	TDS.01.0473	VÕ NGỌC	DUY	26/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
319	TDS.01.0474	VÕ NGUYỄN TUẤN	DUY	19/06/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
320	TDS.01.0475	VÕ NHẬT	DUY	15/04/2007	Nam	Điền kinh	8.25	
321	TDS.01.0476	VÕ THANH	DUY	23/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
322	TDS.01.0478	TRẦN ĐÀM MỸ	DUYÊN	18/11/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
323	TDS.01.0480	LÊ KIM	DƯỠC	25/07/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
324	TDS.01.0481	HUỖNH PHONG	DƯƠNG	15/05/2006	Nam	Bóng chuyền	9.0	
325	TDS.01.0482	LÊ ĐÔNG	DƯƠNG	04/05/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
326	TDS.01.0483	LÊ THỦY	DƯƠNG	26/08/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
327	TDS.01.0485	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	12/10/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
328	TDS.01.0486	NGUYỄN ĐÀO ĐÔNG	DƯƠNG	18/11/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
329	TDS.01.0487	NGUYỄN ĐẶNG QUỐC	DƯƠNG	22/01/0007	Nam	Cầu lông	4.5	
330	TDS.01.0488	NGUYỄN HUỖNH KHÁNH	DƯƠNG	31/08/2007	Nữ	Võ thuật	9.5	
331	TDS.01.0489	NGUYỄN HỮU	DƯƠNG	19/09/2007	Nam	Bơi lội	7.5	
332	TDS.01.0492	PHAN DŨ	DƯƠNG	17/05/2006	Nam	Võ thuật	8.0	
333	TDS.01.0494	TÔ ĐÔNG	DƯƠNG	17/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
334	TDS.01.0496	VÕ HOÀI	DƯƠNG	12/08/2003	Nam	Điền kinh	10	UTXT
335	TDS.01.0497	LƯƠNG HÀ LINH	ĐA	20/02/2007	Nữ	Cầu lông	4.25	
336	TDS.01.0498	NGUYỄN THỊ CẨM	ĐA	11/03/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.75	
337	TDS.01.0501	LƯƠNG HOÀNG GIA	ĐẠI	12/11/2006	Nam	Điền kinh	9.0	
338	TDS.01.0502	MAI QUỐC	ĐẠI	21/11/2007	Nam	Bóng đá	3.5	

HAI
NG
OC
IE TI
PHO
MIN

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
339	TDS.01.0505	PHẠM CÔNG	ĐẠI	13/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
340	TDS.01.0506	TOU NEH RIA DZA NA	ĐẠI	19/07/2007	Nam	Thẻ đục	8.75	
341	TDS.01.0508	TRẦN QUANG	ĐẠI	29/12/2006	Nam	Bóng chuyền	8.0	
342	TDS.01.0509	NGÔ NHẬT	ĐAN	08/11/2004	Nam	Cầu lông	8.0	
343	TDS.01.0510	NGUYỄN LINH	ĐAN	28/05/2007	Nữ	Cầu lông	9.0	
344	TDS.01.0512	NGUYỄN VĂN DUY	ĐAN	08/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
345	TDS.01.0515	BẠCH THÀNH	ĐẠT	19/12/2006	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
346	TDS.01.0517	CAO MINH	ĐẠT	14/02/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
347	TDS.01.0518	CÔNG GIA	ĐẠT	03/04/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
348	TDS.01.0519	CHÂU PHAN TIẾN	ĐẠT	22/01/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
349	TDS.01.0520	DƯƠNG PHÁT	ĐẠT	16/04/2006	Nam	Bắn súng	9.25	
350	TDS.01.0521	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	23/11/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
351	TDS.01.0522	DƯƠNG TUẤN	ĐẠT	03/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.0	
352	TDS.01.0523	ĐÀO ĐÌNH	ĐẠT	18/09/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
353	TDS.01.0524	ĐẶNG TÂN	ĐẠT	29/10/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
354	TDS.01.0525	ĐÌNH HOÀNG	ĐẠT	10/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
355	TDS.01.0526	ĐÌNH MINH	ĐẠT	30/07/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
356	TDS.01.0528	ĐỒNG THANH	ĐẠT	09/01/2007	Nam	Điền kinh	4.75	
357	TDS.01.0529	HÀ TẤN	ĐẠT	27/11/2001	Nam	Võ thuật	9.0	
358	TDS.01.0531	HOÀNG TUẤN	ĐẠT	22/02/2007	Nam	Bơi lội	9.0	
359	TDS.01.0532	HUỖNH QUỐC	ĐẠT	06/04/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
360	TDS.01.0533	HUỖNH TIẾN	ĐẠT	31/07/2006	Nam	Bóng chuyền	8.0	
361	TDS.01.0534	HUỖNH VĂN	ĐẠT	07/07/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
362	TDS.01.0535	HUỖNH XUÂN	ĐẠT	25/07/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
363	TDS.01.0536	LÊ HOÀNG	ĐẠT	12/06/2007	Nam	Bóng bàn	9.5	
364	TDS.01.0537	LÊ HOÀNG TIẾN	ĐẠT	15/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
365	TDS.01.0538	LÊ QUỐC	ĐẠT	02/12/2005	Nam	Võ thuật	9.5	
366	TDS.01.0539	LÊ TUẤN	ĐẠT	23/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
367	TDS.01.0540	LÊ THÀNH	ĐẠT	01/02/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
368	TDS.01.0541	LÊ THÀNH	ĐẠT	17/03/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
369	TDS.01.0543	LÊ THÀNH	ĐẠT	29/06/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
370	TDS.01.0544	MAI QUỐC	ĐẠT	27/05/2007	Nam	Điền kinh	4.5	
371	TDS.01.0546	NGÔ THÀNH	ĐẠT	21/09/2006	Nam	Bóng rổ	8.5	
372	TDS.01.0547	NGUYỄN ĐẠI PHÁT	ĐẠT	09/08/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
373	TDS.01.0548	NGUYỄN HUỖNH	ĐẠT	09/03/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
374	TDS.01.0549	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	28/12/2006	Nam	Bóng đá	5.5	
375	TDS.01.0553	NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	01/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
376	TDS.01.0554	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	04/06/2001	Nam	Bơi lội	9.25	
377	TDS.01.0556	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	19/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
378	TDS.01.0557	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	19/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
379	TDS.01.0558	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	03/09/2001	Nam	Cầu lông	4.75	
380	TDS.01.0559	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	17/03/2006	Nam	Bóng đá	8.75	
381	TDS.01.0560	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	22/04/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
382	TDS.01.0561	NGUYỄN TÂN	ĐẠT	30/12/2006	Nam	Điền kinh	5.25	
383	TDS.01.0562	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	29/01/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
384	TDS.01.0564	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	03/02/2007	Nam	Bóng đá	10	
385	TDS.01.0565	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	05/05/2005	Nam	Võ thuật	9.5	
386	TDS.01.0567	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	14/09/2003	Nam	Bóng rổ	9.5	
387	TDS.01.0568	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	15/07/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
388	TDS.01.0569	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	25/03/2007	Nam	Cầu lông	3.75	
389	TDS.01.0570	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	25/12/2007	Nam	Bóng chuyền	6.25	
390	TDS.01.0571	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	28/08/2006	Nam	Bóng đá	8.5	
391	TDS.01.0575	NGUYỄN VÕ THÀNH	ĐẠT	09/08/2007	Nam	Bóng rổ	5.5	
392	TDS.01.0577	PHẠM HUY	ĐẠT	24/12/2005	Nam	Bóng rổ	4.75	
393	TDS.01.0578	PHẠM NGỌC	ĐẠT	01/01/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
394	TDS.01.0579	PHAN DUY	ĐẠT	14/03/2006	Nam	Bóng đá	5.25	
395	TDS.01.0580	PHAN THÀNH	ĐẠT	22/12/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
396	TDS.01.0581	PHAN THÀNH	ĐẠT	27/10/2007	Nam	Cầu lông	3.75	
397	TDS.01.0582	PHAN XUÂN	ĐẠT	25/10/2006	Nam	Bơi lội	8.5	
398	TDS.01.0583	TẠ MINH	ĐẠT	28/02/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
399	TDS.01.0584	TỔNG DƯƠNG HỮU	ĐẠT	26/04/2007	Nam	Bóng đá	9.75	
400	TDS.01.0585	THÁI THÀNH	ĐẠT	02/01/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
401	TDS.01.0587	TRẦN PHƯỚC	ĐẠT	03/01/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
402	TDS.01.0589	TRẦN QUỐC	ĐẠT	24/11/2006	Nam	Bóng chuyền	7.5	
403	TDS.01.0590	TRẦN THANH	ĐẠT	03/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
404	TDS.01.0591	TRỊNH HỮU	ĐẠT	20/03/2006	Nam	Võ thuật	8.5	
405	TDS.01.0594	VÕ TÂN	ĐẠT	07/09/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
406	TDS.01.0596	VÒNG TRUNG	ĐẠT	27/05/2007	Nam	Bóng rổ	6.75	
407	TDS.01.0597	DƯƠNG HẢI	ĐĂNG	25/03/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
408	TDS.01.0599	HUỖNH HẢI	ĐĂNG	06/03/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
409	TDS.01.0600	HUỖNH NHẬT	ĐĂNG	01/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
410	TDS.01.0601	LÊ NHẬT	ĐĂNG	24/04/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
411	TDS.01.0602	LÊ NHỰT	ĐĂNG	10/06/2007	Nam	Quần vợt	9.5	
412	TDS.01.0603	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	01/09/2006	Nam	Cầu lông	4.25	
413	TDS.01.0604	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	01/10/2007	Nam	Bóng rổ	5.5	
414	TDS.01.0605	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	30/05/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
415	TDS.01.0606	NGUYỄN NGỌC HẢI	ĐĂNG	29/08/2007	Nam	Bóng đá	10	
416	TDS.01.0607	NGUYỄN VĂN HẢI	ĐĂNG	29/05/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
417	TDS.01.0609	TÔ NHỰT	ĐĂNG	17/11/2007	Nam	Điền kinh	6.0	
418	TDS.01.0611	TRẦN ĐOÀN HẢI	ĐĂNG	10/11/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
419	TDS.01.0612	TRẦN HẢI	ĐĂNG	20/12/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
420	TDS.01.0614	VÕ THÀNH HẢI	ĐĂNG	05/09/2007	Nam	Cầu lông	3.75	
421	TDS.01.0616	LÊ ĐÌNH HUYNH	ĐỆ	30/05/2007	Nam	Cầu lông	8.25	
422	TDS.01.0617	ĐÀO VĂN NHUẬN	ĐIỀN	27/02/2006	Nam	Bóng đá	8.25	
423	TDS.01.0618	LÊ MINH	ĐIỀN	16/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	10	UTXT
424	TDS.01.0621	NGUYỄN HỒNG	ĐIỀU	08/03/2006	Nữ	Điền kinh	9.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
425	TDS.01.0622	LỤC XUÂN	ĐÌNH	01/07/2006	Nam	Điền kinh	9.25	
426	TDS.01.0623	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐÌNH	05/03/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
427	TDS.01.0624	NGUYỄN VIỆT	ĐÌNH	04/08/2007	Nam	Bóng đá	10	
428	TDS.01.0625	NGUYỄN VĂN	ĐÌNH	26/02/2007	Nam	Điền kinh	10	
429	TDS.01.0627	BÙI TIÊN	ĐOAN	13/01/1995	Nam	Bơi lội	8.5	
430	TDS.01.0628	NGUYỄN TÂM	ĐOAN	19/02/2007	Nữ	Cầu lông	6.0	
431	TDS.01.0629	TRẦN TRÚC	ĐOAN	31/05/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
432	TDS.01.0630	NGUYỄN ANH	ĐOÀN	26/03/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
433	TDS.01.0631	VŨ ĐỨC	ĐOÀN	01/11/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
434	TDS.01.0632	LÂM NGUYỄN THÀNH	ĐÔ	25/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
435	TDS.01.0634	VŨ THÀNH	ĐÔ	15/06/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
436	TDS.01.0637	LÒ QUÝ	ĐÔNG	20/06/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
437	TDS.01.0638	DƯƠNG CHÍ	ĐÔNG	24/12/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
438	TDS.01.0639	HOÀNG VĂN	ĐÔNG	18/05/2003	Nam	Võ thuật	9.0	
439	TDS.01.0640	HOÀNG XUÂN	ĐÔNG	10/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
440	TDS.01.0641	LÊ HOÀNG BẢO	ĐÔNG	09/12/2007	Nữ	Bơi lội	9.25	
441	TDS.01.0642	MAI CHÍ	ĐÔNG	17/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
442	TDS.01.0643	NGUYỄN HOÀI	ĐÔNG	02/10/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
443	TDS.01.0644	NGUYỄN MINH	ĐÔNG	02/11/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
444	TDS.01.0646	THÁI VIỆT	ĐÔNG	07/03/2007	Nam	Điền kinh	6.0	
445	TDS.01.0647	DANH MINH	ĐÔNG	09/11/2002	Nam	Bóng chuyền	8.75	
446	TDS.01.0648	LÊ HỮU NHƯ	ĐÔNG	10/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
447	TDS.01.0649	NGUYỄN KIM	ĐÔNG	11/12/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
448	TDS.01.0650	PHAN LÊ PHƯỚC	ĐÔNG	01/09/2006	Nam	Bóng đá	9.75	
449	TDS.01.0651	BÙI ĐÌNH MINH	ĐỨC	23/09/2007	Nam	Điền kinh	9.75	
450	TDS.01.0652	HỒ THANH	ĐỨC	27/03/2004	Nam	Bóng đá	8.0	
451	TDS.01.0653	LÂM QUANG	ĐỨC	02/12/2006	Nam	Bóng đá	8.25	
452	TDS.01.0656	LÊ NGUYỄN THÀNH	ĐỨC	07/04/2004	Nam	Bóng đá	10	
453	TDS.01.0657	LÊ PHÚ	ĐỨC	11/04/2007	Nam	Điền kinh	3.75	
454	TDS.01.0658	LÊ QUANG HỒNG	ĐỨC	06/10/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
455	TDS.01.0659	LÊ TRỌNG	ĐỨC	14/03/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
456	TDS.01.0660	NGUYỄN ANH	ĐỨC	06/01/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
457	TDS.01.0661	NGUYỄN ANH	ĐỨC	07/06/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
458	TDS.01.0662	NGUYỄN ANH	ĐỨC	09/06/2006	Nam	Bóng đá	9.0	
459	TDS.01.0664	NGUYỄN DUY	ĐỨC	23/12/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
460	TDS.01.0665	NGUYỄN ĐÌNH ANH	ĐỨC	28/08/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
461	TDS.01.0667	NGUYỄN HUỖNH	ĐỨC	19/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
462	TDS.01.0669	NGUYỄN MINH	ĐỨC	16/12/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
463	TDS.01.0670	NGUYỄN MINH	ĐỨC	20/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
464	TDS.01.0671	NGUYỄN MINH	ĐỨC	24/05/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
465	TDS.01.0672	NGUYỄN NGÔ TẤN	ĐỨC	25/02/2006	Nam	Bóng rổ	5.5	
466	TDS.01.0674	PHẠM MINH	ĐỨC	29/03/2003	Nam	Bóng đá	4.5	
467	TDS.01.0675	PHẠM MINH	ĐỨC	29/09/2007	Nam	Bơi lội	9.75	

THẺ
TR
ĐA
HỆ DƯ
TH
HỒ
B

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
468	TDS.01.0676	PHẠM TRUNG	ĐỨC	29/07/2006	Nam	Bóng đá	5.75	
469	TDS.01.0677	PHAN NGUYỄN ANH	ĐỨC	24/11/2007	Nam	Bóng rổ	4.25	
470	TDS.01.0678	PHAN TRẦN DUY	ĐỨC	02/07/2006	Nam	Bóng chuyền	8.0	
471	TDS.01.0679	TRẦN THIÊN	ĐỨC	08/07/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
472	TDS.01.0681	TRƯƠNG HỮU	ĐỨC	31/01/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
473	TDS.01.0683	VŨ ANH	ĐỨC	24/04/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
474	TDS.01.0684	LÝ TUẤN	EM	30/08/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
475	TDS.01.0688	DÔNG GUR A	GHE	24/12/2007	Nam	Bóng đá	10	
476	TDS.01.0689	DÔNG GUR RƠ	GLIL	26/03/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
477	TDS.01.0690	HUỖNH HOÀNG	GIA	01/01/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
478	TDS.01.0691	LÊ PHƯƠNG	GIA	09/11/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
479	TDS.01.0692	LƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	GIA	06/12/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
480	TDS.01.0693	VŨ HOÀNG	GIA	06/12/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
481	TDS.01.0695	ĐINH TRỊNH HOÀNG	GIANG	09/04/2003	Nam	Bóng chuyền	8.75	
482	TDS.01.0696	LÊ THÀNH LONG	GIANG	10/10/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
483	TDS.01.0697	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	GIANG	05/03/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
484	TDS.01.0700	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	05/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.75	
485	TDS.01.0701	THÁI THANH	GIANG	27/01/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
486	TDS.01.0703	TRẦN THANH	GIANG	28/08/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
487	TDS.01.0704	VĂN PHÚ MINH	GIANG	01/01/2007	Nam	Điền kinh	9.5	
488	TDS.01.0706	NGÔ TẤN	GIÀU	04/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
489	TDS.01.0709	TRẦN THỊ NGỌC	GIÀU	16/12/2007	Nữ	Cầu lông	5.0	
490	TDS.01.0711	VŨ ĐÌNH	GIẢNG	27/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.25	
491	TDS.01.0712	BÙI THANH	HÀ	31/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
492	TDS.01.0713	LÂM THỊ NGỌC	HÀ	11/10/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
493	TDS.01.0714	LÊ THỊ HỒNG	HÀ	21/08/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
494	TDS.01.0715	NGUYỄN PHAN HỒNG	HÀ	27/02/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.0	
495	TDS.01.0717	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	05/12/2007	Nữ	Bơi lội	9.25	
496	TDS.01.0718	PHAN HOÀNG	HÀ	24/10/2007	Nam	Bóng chuyền	5.75	
497	TDS.01.0719	BÙI THỊ THANH	HẠ	15/11/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.75	
498	TDS.01.0720	CHÂU CHÍ	HẢI	01/08/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
499	TDS.01.0723	LÊ THANH	HẢI	16/02/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
500	TDS.01.0725	NGUYỄN MINH	HẢI	15/05/2007	Nam	Thể dục	8.25	
501	TDS.01.0726	NGUYỄN PHƯƠNG	HẢI	03/11/2007	Nam	Bơi lội	9.25	
502	TDS.01.0727	NGUYỄN THÀNH	HẢI	21/07/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
503	TDS.01.0729	TRẦN SANH DUY	HẢI	11/08/2004	Nam	Bóng đá	5.25	
504	TDS.01.0730	TRẦN THANH	HẢI	24/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.0	
505	TDS.01.0731	TRẦN THANH	HẢI	30/04/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
506	TDS.01.0734	VŨ THẠCH	HÃN	27/11/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
507	TDS.01.0735	PHAN THỊ HOÀNG	HẠNH	11/04/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.25	
508	TDS.01.0737	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	25/07/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
509	TDS.01.0738	TRƯƠNG THỊ HIẾU	HẠNH	30/03/2006	Nữ	Bắn súng	9.75	
510	TDS.01.0739	LÊ PHÚC	HÀO	27/06/2006	Nam	Võ thuật	10	UTXT

T
UỒN
I H
C TH
NH P
CHÍ M

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
511	TDS.01.0740	ĐINH QUANG	HÀO	14/03/2006	Nam	Cầu lông	5.5	
512	TDS.01.0741	ĐỖ ANH	HÀO	15/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
513	TDS.01.0742	HỒ TRẦN ANH	HÀO	30/08/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
514	TDS.01.0744	LÊ GIA	HÀO	11/12/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
515	TDS.01.0746	LÊ NGÔ GIA	HÀO	01/06/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
516	TDS.01.0750	NGUYỄN ANH	HÀO	27/02/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
517	TDS.01.0751	NGUYỄN DUY	HÀO	29/09/2007	Nam	Điền kinh	6.75	
518	TDS.01.0754	NGUYỄN KIẾN	HÀO	08/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	10	UTXT
519	TDS.01.0756	NGUYỄN NHẬT	HÀO	05/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
520	TDS.01.0759	NGUYỄN THẾ	HÀO	17/11/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
521	TDS.01.0760	NGUYỄN VÕ GIA	HÀO	07/09/2006	Nam	Bóng đá	9.0	
522	TDS.01.0761	NGUYỄN VŨ ANH	HÀO	26/08/2007	Nam	Cầu lông	2.5	
523	TDS.01.0764	PHAN KIẾN	HÀO	12/01/2007	Nam	Bơi lội	10	UTXT
524	TDS.01.0765	TỔNG GIA	HÀO	28/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
525	TDS.01.0766	THẠCH THẾ	HÀO	27/08/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
526	TDS.01.0769	VĂN TRÍ	HÀO	03/05/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
527	TDS.01.0770	VÕ MINH	HÀO	16/11/2007	Nam	Điền kinh	9.25	
528	TDS.01.0771	VŨ NHẬT	HÀO	14/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
529	TDS.01.0773	TRẦN XUÂN	HÀO	13/10/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
530	TDS.01.0774	LÊ QUANG	HẠO	13/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
531	TDS.01.0775	TRẦN NGUYỄN QUỐC	HẠO	22/03/2007	Nam	Bóng đá	10	
532	TDS.01.0776	DƯƠNG BẢO MINH	HẰNG	08/05/2006	Nữ	Võ thuật	8.5	
533	TDS.01.0777	NGUYỄN THỊ DIỄM	HẰNG	02/10/2007	Nữ	Bóng chuyền	5.5	
534	TDS.01.0778	NGUYỄN THỊ MINH	HẰNG	07/07/2007	Nữ	Cầu lông	9.25	
535	TDS.01.0779	ĐÀM NGỌC	HÂN	15/10/2006	Nữ	Võ thuật	8.0	
536	TDS.01.0780	HUỖNH GIA	HÂN	22/06/2007	Nữ	Bóng chuyền	6.25	
537	TDS.01.0783	LÊ NGỌC	HÂN	17/03/2007	Nữ	Năng khiếu chung	3.5	
538	TDS.01.0784	LÝ GIA	HÂN	18/03/2007	Nữ	Bơi lội	8.5	
539	TDS.01.0785	NGÔ GIA	HÂN	13/12/2006	Nam	Bóng đá	10	
540	TDS.01.0786	NGUYỄN GIA	HÂN	21/06/2007	Nữ	Bóng đá	9.0	
541	TDS.01.0787	NGUYỄN GIA	HÂN	28/05/2007	Nữ	Cầu lông	8.75	
542	TDS.01.0788	NGUYỄN HOÀNG	HÂN	19/08/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
543	TDS.01.0789	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	08/08/2007	Nữ	Bắn súng	9.75	
544	TDS.01.0790	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	HÂN	14/03/2007	Nữ	Bóng chuyền	6.5	
545	TDS.01.0791	NGUYỄN NGỌC	HÂN	30/12/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
546	TDS.01.0793	NGUYỄN THÀNH	HÂN	21/04/2005	Nam	Võ thuật	6.0	
547	TDS.01.0798	DƯƠNG ĐÌNH	HẬU	05/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
548	TDS.01.0800	ĐỖ NGUYỄN PHÚC	HẬU	16/07/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
549	TDS.01.0803	LẠI PHƯỚC	HẬU	15/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
550	TDS.01.0804	LÊ PHƯỚC	HẬU	30/04/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
551	TDS.01.0807	NGUYỄN PHƯỚC	HẬU	04/02/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
552	TDS.01.0808	NGUYỄN TẤN	HẬU	28/11/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
553	TDS.01.0811	TRẦN PHÚC	HẬU	28/08/2007	Nam	Điền kinh	6.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
554	TDS.01.0812	TRẦN THANH	HẬU	28/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	5.75	
555	TDS.01.0813	TRẦN TRUNG	HẬU	11/09/2007	Nam	Cầu lông	3.0	
556	TDS.01.0814	ĐIỀU NGUYỄN KIM	HI	03/05/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
557	TDS.01.0818	LÊ THỊ MỸ	HIỀN	05/01/2007	Nữ	Bơi lội	10	
558	TDS.01.0820	DƯƠNG THẾ	HIỀN	25/10/2007	Nam	Điền kinh	7.25	
559	TDS.01.0821	LÊ THẾ	HIỀN	24/06/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
560	TDS.01.0823	NGUYỄN TRẦN MINH	HIỀN	08/02/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
561	TDS.01.0824	NGUYỄN XUÂN	HIỀN	09/07/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
562	TDS.01.0826	THÁI HỌC	HIỀN	13/10/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
563	TDS.01.0828	ĐÀO VŨ	HIỆP	06/04/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.5	
564	TDS.01.0829	HOÀNG THẾ	HIỆP	02/01/2003	Nam	Bóng chuyền	8.5	
565	TDS.01.0830	LÂM HOÀNG	HIỆP	03/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
566	TDS.01.0831	LÊ NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	12/03/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
567	TDS.01.0832	TRẦN LÊ HỮU	HIỆP	05/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.25	
568	TDS.01.0834	ĐOÀN NGỌC	HIẾU	29/08/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
569	TDS.01.0836	ĐỖ CÔNG	HIẾU	24/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
570	TDS.01.0837	HÀ MINH	HIẾU	19/03/2006	Nam	Bóng chuyền	9.0	
571	TDS.01.0838	HÀ NGUYỄN HOÀNG	HIẾU	27/11/2007	Nam	Cầu lông	3.0	
572	TDS.01.0839	HUỖNH NGỌC	HIẾU	15/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
573	TDS.01.0840	HUỖNH TRUNG	HIẾU	21/11/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
574	TDS.01.0842	HỨA TRUNG	HIẾU	16/01/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
575	TDS.01.0843	LÊ BẢO	HIẾU	12/02/2007	Nam	Điền kinh	6.75	
576	TDS.01.0844	LÊ ĐÌNH	HIẾU	01/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
577	TDS.01.0845	LÊ THIÊN	HIẾU	05/09/2002	Nam	Bóng đá	5.0	
578	TDS.01.0846	LÊ TRUNG	HIẾU	20/11/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
579	TDS.01.0849	NGUYỄN DANH MINH	HIẾU	01/04/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
580	TDS.01.0850	NGUYỄN LÊ MINH	HIẾU	23/06/2006	Nam	Bóng đá	9.0	
581	TDS.01.0852	NGUYỄN LÊ THÁI	HIẾU	26/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
582	TDS.01.0853	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	04/11/2007	Nam	Điền kinh	6.75	
583	TDS.01.0855	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	06/03/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
584	TDS.01.0856	NGUYỄN VĂN	HIẾU	07/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
585	TDS.01.0857	NGUYỄN VĂN	HIẾU	23/01/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
586	TDS.01.0858	PHẠM TRUNG	HIẾU	06/09/2007	Nam	Điền kinh	5.0	
587	TDS.01.0859	PHẠM TRUNG	HIẾU	26/05/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
588	TDS.01.0861	THẠCH MINH	HIẾU	05/01/2007	Nam	Điền kinh	10	
589	TDS.01.0862	TRẦN DƯƠNG TRỌNG	HIẾU	13/08/2007	Nam	Bóng chuyền	5.5	
590	TDS.01.0865	TRƯƠNG VĂN	HIẾU	06/11/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
591	TDS.01.0867	VÕ HUY	HIỆU	12/09/2006	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
592	TDS.01.0868	LÂM KIM	HOA	06/12/2007	Nữ	Bơi lội	9.25	
593	TDS.01.0869	NGUYỄN THỊ VIỆT	HOA	12/09/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.0	
594	TDS.01.0871	ĐỖ XUÂN	HOÀ	15/02/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
595	TDS.01.0872	GIANG LƯƠNG THẾ	HOÀ	19/08/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
596	TDS.01.0873	HUỖNH PHƯỚC	HOÀ	15/07/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
597	TDS.01.0875	LÊ TRỌNG	HOÀ	25/04/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
598	TDS.01.0876	NGUYỄN HỮU	HOÀ	06/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
599	TDS.01.0877	NGUYỄN THÁI	HOÀ	02/11/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
600	TDS.01.0880	PHAN CHÂU	HOÀ	01/02/2006	Nam	Bóng chuyền	8.25	
601	TDS.01.0881	QUÁCH PHÚ	HOÀ	15/11/2004	Nam	Bóng đá	8.5	
602	TDS.01.0882	MAI NGỌC THÁI	HÒA	01/08/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
603	TDS.01.0883	NGUYỄN QUỐC	HÒA	10/12/2007	Nam	Vật - Judo	10	UTXT
604	TDS.01.0885	HUỖNH TRẦN NHẬT	HOÀI	03/03/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
605	TDS.01.0886	KHÂU TRỊNH ANH	HOÀI	01/06/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.0	
606	TDS.01.0887	LÊ DƯ	HOÀI	06/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
607	TDS.01.0888	TRẦN CHÍ	HOÀI	26/10/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
608	TDS.01.0891	TRẦN VĂN	HOÀN	27/08/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
609	TDS.01.0894	BÙI NGUYỄN MINH	HOÀNG	01/03/2007	Nam	Cầu lông	8.75	
610	TDS.01.0895	BÙI QUANG	HOÀNG	19/05/2007	Nam	Bóng đá	10	UTXT
611	TDS.01.0896	ĐẶNG HUY	HOÀNG	18/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
612	TDS.01.0898	ĐINH VĂN	HOÀNG	09/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
613	TDS.01.0899	ĐOÀN VĂN	HOÀNG	06/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
614	TDS.01.0900	ĐỖ HUY	HOÀNG	23/08/2001	Nam	Điền kinh	4.0	
615	TDS.01.0903	HUỖNH VIỆT	HOÀNG	11/02/2006	Nam	Cầu lông	5.5	
616	TDS.01.0905	LÊ ĐĂNG	HOÀNG	14/10/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
617	TDS.01.0908	LÊ VĂN	HOÀNG	13/06/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
618	TDS.01.0910	LƯU VIỆT	HOÀNG	12/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
619	TDS.01.0913	NGUYỄN ĐIỀN	HOÀNG	31/03/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
620	TDS.01.0914	NGUYỄN ĐỨC	HOÀNG	11/08/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
621	TDS.01.0915	NGUYỄN HUY	HOÀNG	15/12/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
622	TDS.01.0916	NGUYỄN HUY	HOÀNG	17/01/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
623	TDS.01.0918	NGUYỄN NHẬT	HOÀNG	08/09/2006	Nam	Cầu lông	9.0	
624	TDS.01.0919	NGUYỄN TRẦN	HOÀNG	19/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
625	TDS.01.0920	PHẠM HUY	HOÀNG	03/08/2007	Nam	Bóng rổ	5.25	
626	TDS.01.0922	PHAN NGUYỄN ĐỨC	HOÀNG	27/06/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
627	TDS.01.0923	PHAN QUỐC	HOÀNG	02/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
628	TDS.01.0925	TẠ HUY	HOÀNG	22/03/2006	Nam	Bóng rổ	7.25	
629	TDS.01.0926	THỐI TRẦN DUY	HOÀNG	11/01/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
630	TDS.01.0927	TRẦN HUY	HOÀNG	25/11/2007	Nam	Cầu lông	9.75	
631	TDS.01.0928	TRẦN HỮU ĐỨC	HOÀNG	11/04/2006	Nam	Bóng chuyền	8.75	
632	TDS.01.0931	TRẦN THANH	HOÀNG	05/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
633	TDS.01.0932	TRẦN VÕ HUY	HOÀNG	22/02/2007	Nam	Bóng rổ	8.25	
634	TDS.01.0933	TRƯƠNG VĂN TẮT	HOÀNG	20/10/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
635	TDS.01.0934	VÕ HUY	HOÀNG	01/01/2007	Nam	Bóng rổ	4.0	
636	TDS.01.0936	VƯƠNG QUỐC KIM	HOÀNG	28/09/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
637	TDS.01.0937	LÊ THÁI	HQC	15/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
638	TDS.01.0938	NGUYỄN DUY	HQC	09/06/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
639	TDS.01.0939	NGUYỄN THÁI	HQC	13/08/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	



STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
640	TDS.01.0940	PHẠM THANH	HỌC	01/05/2007	Nam	Điền kinh	5.75	
641	TDS.01.0941	VŨ ĐẠI	HỌC	30/10/2006	Nam	Bóng đá	7.5	
642	TDS.01.0942	NGUYỄN HỮU	HỘI	03/11/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
643	TDS.01.0944	NGUYỄN ÁNH	HỒNG	31/01/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
644	TDS.01.0946	PHẠM ĐÌNH	HỘI	25/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
645	TDS.01.0947	LƯƠNG VĂN	HỢP	03/03/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
646	TDS.01.0948	TRẦN HOÀI	HUA	13/07/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
647	TDS.01.0949	CHÂU MINH	HUÂN	21/08/2007	Nam	Bóng đá	9.75	
648	TDS.01.0950	HUỖNH PHAN GIA	HUÂN	18/03/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
649	TDS.01.0951	NGUYỄN QUỐC	HUÂN	29/01/2006	Nam	Cầu lông	6.25	
650	TDS.01.0952	PHẠM KHÁNH	HUÂN	02/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
651	TDS.01.0953	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	30/04/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.75	
652	TDS.01.0956	ĐẶNG TRÍ	HÙNG	24/12/2007	Nam	Bóng đá	10	
653	TDS.01.0957	LAI GIA	HÙNG	17/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
654	TDS.01.0959	LÊ NGUYỄN PHI	HÙNG	17/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
655	TDS.01.0964	NGÔ MẠNH	HÙNG	24/11/2007	Nam	Bóng rổ	6.0	
656	TDS.01.0965	NGUYỄN ANH	HÙNG	01/12/2006	Nam	Bơi lội	10	
657	TDS.01.0968	NGUYỄN PHI	HÙNG	23/11/2006	Nam	Thể dục	9.25	
658	TDS.01.0970	NGUYỄN TÂN	HÙNG	18/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
659	TDS.01.0971	NGUYỄN THÊ	HÙNG	28/02/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
660	TDS.01.0973	PHẠM QUANG	HÙNG	25/12/2006	Nam	Cờ vua	10	
661	TDS.01.0974	VŨ MẠNH	HÙNG	01/02/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
662	TDS.01.0975	VŨ TRỊNH VĂN	HÙNG	24/11/2007	Nam	Bóng đá	10	
663	TDS.01.0977	BÙI LÝ GIA	HUY	25/09/2006	Nam	Bóng đá	4.75	
664	TDS.01.0978	BÙI NGUYỄN NHẬT	HUY	14/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
665	TDS.01.0979	BÙI TRƯƠNG ĐỨC	HUY	01/01/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
666	TDS.01.0980	CHÂU HOÀNG	HUY	25/08/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
667	TDS.01.0981	DƯƠNG ĐĂNG	HUY	13/08/2007	Nam	Võ thuật	5.5	
668	TDS.01.0983	DƯƠNG ĐỨC	HUY	15/11/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
669	TDS.01.0984	ĐẶNG NGỌC GIA	HUY	25/11/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
670	TDS.01.0985	ĐẶNG NGUYỄN GIA	HUY	15/10/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
671	TDS.01.0987	ĐÌNH VĂN	HUY	26/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
672	TDS.01.0988	ĐOÀN GIA	HUY	10/05/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
673	TDS.01.0991	ĐỖ GIA	HUY	25/03/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
674	TDS.01.0992	ĐỖ QUỐC	HUY	07/05/2006	Nam	Điền kinh	7.25	
675	TDS.01.0993	ĐỖ QUỐC	HUY	28/10/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
676	TDS.01.0994	ĐỖ TRẦN THÊ	HUY	19/10/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
677	TDS.01.0995	ĐỒNG KHÁNH	HUY	11/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
678	TDS.01.0996	HÁN VŨ GIA	HUY	23/01/2007	Nam	Bóng rổ	7.75	
679	TDS.01.0997	HOÀNG AN	HUY	22/11/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
680	TDS.01.0998	HOÀNG ĐỨC	HUY	06/12/2006	Nam	Điền kinh	4.75	
681	TDS.01.0999	HOÀNG MINH	HUY	07/04/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
682	TDS.01.1001	HỒ NGUYỄN	HUY	07/01/2007	Nam	Bóng đá	5.0	

HỆ
TRU
ĐẠI
DỤC
THÀNH
HỒ CHÍ MINH

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
683	TDS.01.1002	HUỖNH DƯƠNG NHẬT	HUY	25/02/2007	Nam	Cầu lông	8.75	
684	TDS.01.1003	HUỖNH GIA	HUY	09/02/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
685	TDS.01.1004	HUỖNH GIA	HUY	14/06/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
686	TDS.01.1005	HUỖNH NGUYỄN THANH	HUY	16/10/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
687	TDS.01.1006	HUỖNH NHẬT	HUY	24/02/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
688	TDS.01.1007	HUỖNH NHẬT	HUY	20/11/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
689	TDS.01.1008	HUỖNH QUANG	HUY	10/06/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
690	TDS.01.1010	HUỖNH TRẦN	HUY	01/10/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
691	TDS.01.1012	HUỖNH VIỆT	HUY	23/09/2004	Nam	Bóng đá	7.25	
692	TDS.01.1013	KHÔNG QUỐC	HUY	25/09/2006	Nam	Bóng đá	4.0	
693	TDS.01.1014	LÂM GIA	HUY	21/09/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
694	TDS.01.1015	LÊ BẢO	HUY	21/06/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
695	TDS.01.1016	LÊ ĐÌNH PHÚC	HUY	09/11/2005	Nam	Bóng đá	5.0	
696	TDS.01.1017	LÊ GIA	HUY	07/07/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
697	TDS.01.1018	LÊ NGUYỄN GIA	HUY	28/05/2007	Nam	Cầu lông	7.75	
698	TDS.01.1020	LÊ NHẬT	HUY	03/03/2006	Nam	Võ thuật	10	UTXT
699	TDS.01.1022	LÊ QUỐC	HUY	17/04/2007	Nam	Điền kinh	6.0	
700	TDS.01.1023	LỤC QUANG	HUY	24/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
701	TDS.01.1027	MAI GIA	HUY	13/01/2006	Nam	Điền kinh	6.75	
702	TDS.01.1028	NGÔ GIA	HUY	04/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
703	TDS.01.1029	NGÔ NHẬT	HUY	28/08/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
704	TDS.01.1030	NGUYỄN ANH	HUY	31/05/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
705	TDS.01.1032	NGUYỄN GIA	HUY	04/04/2001	Nam	Cầu lông	5.0	
706	TDS.01.1033	NGUYỄN GIA	HUY	14/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
707	TDS.01.1037	NGUYỄN HOÀNG	HUY	25/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
708	TDS.01.1039	NGUYỄN HUỖNH GIA	HUY	11/11/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
709	TDS.01.1040	NGUYỄN LÊ	HUY	07/01/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
710	TDS.01.1041	NGUYỄN LÊ GIA	HUY	26/07/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
711	TDS.01.1043	NGUYỄN MINH	HUY	17/08/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
712	TDS.01.1046	NGUYỄN NHẬT	HUY	01/05/2007	Nam	Thể dục	8.0	
713	TDS.01.1048	NGUYỄN PHẠM QUỐC	HUY	04/01/2007	Nam	Bóng đá	9.5	
714	TDS.01.1050	NGUYỄN PHAN GIA	HUY	22/02/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
715	TDS.01.1052	NGUYỄN QUANG	HUY	31/08/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
716	TDS.01.1053	NGUYỄN QUANG	HUY	27/11/2007	Nam	Bơi lội	10	UTXT
717	TDS.01.1054	NGUYỄN QUỐC	HUY	17/09/2006	Nam	Thể dục	9.0	
718	TDS.01.1055	NGUYỄN QUỐC GIA	HUY	02/11/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
719	TDS.01.1056	NGUYỄN TÂN	HUY	19/08/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
720	TDS.01.1058	NGUYỄN TUẤN	HUY	02/03/2006	Nam	Bóng đá	7.5	
721	TDS.01.1061	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	02/09/2006	Nam	Bóng đá	10	
722	TDS.01.1063	NGUYỄN TRẦN HỮU	HUY	26/10/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
723	TDS.01.1064	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	HUY	24/09/2004	Nam	Võ thuật	8.0	
724	TDS.01.1065	PHẠM KHÁNH	HUY	11/11/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
725	TDS.01.1067	PHAN GIA	HUY	14/07/2007	Nam	Cầu lông	6.0	

TH
HỒN
HỌ
THÊ
H P
H M
★

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
726	TDS.01.1068	PHAN GIA	HUY	28/11/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
727	TDS.01.1069	PHAN NGUYỄN GIA	HUY	18/10/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
728	TDS.01.1070	PHAN QUỐC	HUY	03/06/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
729	TDS.01.1071	PHAN TRẦN GIA	HUY	29/04/2005	Nam	Bóng đá	6.25	
730	TDS.01.1073	QUÁCH GIA	HUY	27/02/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
731	TDS.01.1075	TẠ HOÀNG MINH	HUY	16/10/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
732	TDS.01.1076	TÔNG ĐÌNH	HUY	01/03/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
733	TDS.01.1077	THÁI HOÀNG GIA	HUY	30/08/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
734	TDS.01.1079	TRẦN GIA	HUY	10/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
735	TDS.01.1081	TRẦN GIA	HUY	29/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
736	TDS.01.1082	TRẦN HOÀNG	HUY	20/12/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
737	TDS.01.1083	TRẦN LÊ QUANG	HUY	01/11/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
738	TDS.01.1085	TRẦN MINH	HUY	14/11/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
739	TDS.01.1086	TRẦN NGUYỄN GIA	HUY	21/05/2007	Nam	Cầu lông	2.25	
740	TDS.01.1092	TRẦN PHƯỚC	HUY	19/09/2007	Nam	Bóng rổ	9.5	
741	TDS.01.1093	TRẦN QUANG	HUY	10/08/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
742	TDS.01.1095	TRẦN QUỐC	HUY	14/08/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
743	TDS.01.1096	TRẦN QUỐC	HUY	16/01/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
744	TDS.01.1100	TRƯƠNG ĐAN	HUY	01/12/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
745	TDS.01.1101	TRƯƠNG ĐANG THẾ	HUY	19/10/2007	Nam	Thể dục	9.0	
746	TDS.01.1103	TRƯƠNG ĐỨC	HUY	13/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
747	TDS.01.1104	TRƯƠNG GIA	HUY	03/08/2006	Nam	Bắn súng	9.25	
748	TDS.01.1105	TRƯƠNG GIA	HUY	05/01/2006	Nam	Võ thuật	8.5	
749	TDS.01.1106	TRƯƠNG QUANG	HUY	28/06/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
750	TDS.01.1108	VÕ NHẬT	HUY	15/04/2006	Nam	Bóng đá	6.0	
751	TDS.01.1110	BƠ NAH RIA BOUYE	HUYỀN	07/02/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
752	TDS.01.1112	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	04/07/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
753	TDS.01.1113	HOÀNG THỊ THANH	HUYỀN	04/08/2006	Nữ	Võ thuật	9.0	
754	TDS.01.1115	KIM THỊ	HUYỀN	28/04/2003	Nữ	Điền kinh	10	UTXT
755	TDS.01.1117	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	13/06/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
756	TDS.01.1118	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	05/07/2007	Nữ	Cầu lông	1.25	
757	TDS.01.1120	NGUYỄN MINH	HUYỀN	23/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
758	TDS.01.1122	BÙI GIA	HÙNG	28/11/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
759	TDS.01.1123	BÙI NGUYỄN GIA	HÙNG	08/07/2006	Nam	Năng khiếu chung	9.75	
760	TDS.01.1124	CAO ĐÌNH	HÙNG	20/05/2006	Nam	Thể dục	8.25	
761	TDS.01.1126	ĐÀO MINH	HÙNG	13/01/2004	Nam	Bóng chuyền	9.0	
762	TDS.01.1128	ĐỖ THIÊN	HÙNG	07/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
763	TDS.01.1129	HÀ PHẠM PHÚC	HÙNG	06/03/2006	Nam	Bóng rổ	5.0	
764	TDS.01.1130	HÀ PHÚC	HÙNG	03/05/2006	Nam	Quần vợt	9.0	
765	TDS.01.1131	HOÀNG MẠNH	HÙNG	07/10/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
766	TDS.01.1132	HỒ TẤN GIA	HÙNG	03/02/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
767	TDS.01.1133	HUỲNH NGỌC	HÙNG	19/11/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
768	TDS.01.1134	LÂM QUỐC	HÙNG	19/12/2007	Nam	Bóng đá	8.25	

11/AC
 3/AC
 THA
 HỒ
 NH

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
769	TDS.01.1139	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÙNG	14/06/2007	Nam	Bóng rổ	9.25	
770	TDS.01.1141	NGUYỄN PHẠM TIẾN	HÙNG	03/05/2006	Nam	Thẻ đục	8.5	
771	TDS.01.1142	NGUYỄN PHẠM THIÊN	HÙNG	16/03/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
772	TDS.01.1143	NGUYỄN PHƯỚC	HÙNG	14/07/2006	Nam	Bóng chuyền	8.0	
773	TDS.01.1144	NGUYỄN TẤN	HÙNG	10/10/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
774	TDS.01.1146	PHẠM QUỐC	HÙNG	06/11/2006	Nam	Cầu lông	2.25	
775	TDS.01.1147	PHẠM TẤN	HÙNG	12/09/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
776	TDS.01.1150	PHAN TRẦN VINH	HÙNG	25/07/2007	Nam	Thẻ đục	8.75	
777	TDS.01.1151	TRẦN DUY	HÙNG	24/03/2002	Nam	Năng khiếu chung	7.25	
778	TDS.01.1152	TRẦN GIA	HÙNG	22/08/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
779	TDS.01.1155	HỒ QUỲNH	HƯƠNG	07/11/2007	Nữ	Bóng đá	9.5	
780	TDS.01.1156	HỒ THANH	HƯƠNG	19/05/2007	Nữ	Điền kinh	10	UTXT
781	TDS.01.1157	KIM THỊ THU	HƯƠNG	12/11/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
782	TDS.01.1161	NGUYỄN AN	HƯƠNG	01/01/2006	Nam	Bóng đá	6.25	
783	TDS.01.1162	LÊ TRẦN ĐÌNH	HƯƠNG	04/07/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
784	TDS.01.1163	MAI THANH	HƯƠNG	11/12/2006	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
785	TDS.01.1164	LÊ TRỌNG	HỮU	19/11/2007	Nam	Bắn súng	9.75	
786	TDS.01.1165	QUÁCH PHONG	HỮU	14/12/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
787	TDS.01.1167	TRẦN TRỌNG	HỮU	04/06/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
788	TDS.01.1170	VÕ GIA	HY	07/06/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
789	TDS.01.1171	NGUYỄN VĂN KA	KA	06/10/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
790	TDS.01.1175	LÃ ĐỨC VÕ	KIÊN	28/04/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
791	TDS.01.1177	NGUYỄN MINH	KIÊN	06/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
792	TDS.01.1178	NGUYỄN QUỐC	KIÊN	26/12/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
793	TDS.01.1179	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	22/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
794	TDS.01.1181	PHẠM TRUNG	KIÊN	05/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
795	TDS.01.1183	PHAN GIA	KIÊN	26/03/2007	Nam	Bóng rổ	6.5	
796	TDS.01.1185	QUÁCH TUẤN	KIÊN	11/11/2006	Nam	Bóng rổ	7.5	
797	TDS.01.1186	TRẦN MINH	KIÊN	09/02/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
798	TDS.01.1187	TRẦN TRUNG	KIÊN	16/12/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
799	TDS.01.1188	VƯƠNG LÊ TRUNG	KIÊN	31/08/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
800	TDS.01.1189	BỒ GIA	KIỆT	25/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
801	TDS.01.1192	DƯƠNG ANH	KIỆT	06/12/2002	Nam	Điền kinh	6.25	
802	TDS.01.1193	ĐÀO QUỐC	KIỆT	30/11/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
803	TDS.01.1194	ĐÌNH GIA	KIỆT	14/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
804	TDS.01.1195	ĐÌNH QUỐC	KIỆT	06/08/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
805	TDS.01.1197	HOÀNG TUẤN	KIỆT	10/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
806	TDS.01.1198	HỒ ANH	KIỆT	15/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	
807	TDS.01.1199	HUỖNH GIA	KIỆT	11/03/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
808	TDS.01.1200	HUỖNH TUẤN	KIỆT	14/09/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
809	TDS.01.1201	LÊ HOÀNG ANH	KIỆT	17/07/2002	Nam	Bóng đá	6.0	
810	TDS.01.1203	LÊ TẤN	KIỆT	30/08/2006	Nam	Bóng đá	7.0	
811	TDS.01.1204	LÊ TUẤN	KIỆT	29/09/2007	Nam	Bơi lội	8.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
812	TDS.01.1205	NGUYỄN ANH	KIỆT	05/02/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
813	TDS.01.1208	NGUYỄN GIA	KIỆT	24/03/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
814	TDS.01.1210	NGUYỄN QUỐC	KIỆT	23/03/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
815	TDS.01.1211	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	08/09/2004	Nam	Bóng đá	10	
816	TDS.01.1212	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	12/10/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
817	TDS.01.1213	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	14/12/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
818	TDS.01.1216	NGUYỄN XUÂN ANH	KIỆT	16/03/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
819	TDS.01.1219	PHẠM QUỐC	KIỆT	29/01/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
820	TDS.01.1220	PHẠM VĂN	KIỆT	15/03/2006	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
821	TDS.01.1222	QUẦN HUỖNH TUẤN	KIỆT	28/01/2003	Nam	Bóng đá	3.5	
822	TDS.01.1223	TRẦN ANH	KIỆT	13/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
823	TDS.01.1224	TRẦN ANH	KIỆT	31/08/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
824	TDS.01.1225	TRẦN GIA	KIỆT	25/12/2007	Nam	Bóng chuyền	6.0	
825	TDS.01.1226	TRẦN LÊ TUẤN	KIỆT	03/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
826	TDS.01.1229	VÕ ANH	KIỆT	14/04/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
827	TDS.01.1230	VÕ HOÀI ANH	KIỆT	04/05/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
828	TDS.01.1232	VÕ VĂN	KIỆT	25/01/2007	Nam	Điền kinh	6.75	
829	TDS.01.1233	NGUYỄN HỒNG	KIM	22/02/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.75	
830	TDS.01.1237	DƯƠNG NHẬT	KỶ	22/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
831	TDS.01.1239	NGUYỄN BẢO	KỶ	19/08/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
832	TDS.01.1240	THÁI TRUNG	KỶ	17/10/2007	Nam	Quần vợt	9.75	
833	TDS.01.1241	LÂM HOÀNG	KHA	06/06/2007	Nam	Điền kinh	8.0	
834	TDS.01.1243	LÊ TRỊNH TUẤN	KHA	28/07/2007	Nam	Bóng chuyền	6.75	
835	TDS.01.1245	NGUYỄN CHÁNH	KHA	20/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
836	TDS.01.1246	NGUYỄN HOÀNG	KHA	23/01/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
837	TDS.01.1248	NGUYỄN MẠNH	KHA	31/07/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
838	TDS.01.1251	PHAN VĂN	KHA	01/01/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
839	TDS.01.1252	TRẦN MINH	KHA	10/12/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
840	TDS.01.1253	TRẦN NGUYỄN	KHA	07/02/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
841	TDS.01.1257	DƯƠNG QUỐC	KHÁI	07/02/2007	Nam	Bóng bàn	8.75	
842	TDS.01.1258	ĐẶNG AN	KHÁI	27/03/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
843	TDS.01.1260	GIP TUẤN	KHÁI	02/02/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
844	TDS.01.1261	NGUYỄN TUẤN	KHÁI	24/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
845	TDS.01.1262	PHAN TRỌNG	KHÁI	23/09/2007	Nam	Bóng chuyền	5.0	
846	TDS.01.1264	TRẦN QUỐC	KHÁI	11/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
847	TDS.01.1269	DANH CHÁNH	KHANG	19/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
848	TDS.01.1270	DANH QUÁCH	KHANG	16/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
849	TDS.01.1271	DƯƠNG TUẤN	KHANG	11/10/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
850	TDS.01.1272	ĐẶNG CHÍ	KHANG	20/11/2004	Nam	Bóng đá	4.0	
851	TDS.01.1274	ĐẶNG TUẤN	KHANG	31/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	5.75	
852	TDS.01.1275	ĐỖ TRÍ	KHANG	18/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
853	TDS.01.1276	HOÀNG DUY	KHANG	12/01/2007	Nam	Bóng rổ	8.0	
854	TDS.01.1278	HUỖNH MINH	KHANG	05/05/2007	Nam	Điền kinh	6.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
855	TDS.01.1279	HUỖNH QUỐC	KHANG	03/07/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
856	TDS.01.1281	HUỖNH THIÊN	KHANG	23/10/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
857	TDS.01.1282	HUỖNH TRIỀU	KHANG	21/08/2007	Nam	Điền kinh	9.5	
858	TDS.01.1284	LÊ	KHANG	18/01/2007	Nam	Võ thuật	6.5	
859	TDS.01.1286	LÊ THẾ	KHANG	02/11/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
860	TDS.01.1287	LÊ TRỌNG	KHANG	19/12/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
861	TDS.01.1288	LÊ TRUNG	KHANG	04/03/2006	Nam	Bóng đá	3.25	
862	TDS.01.1293	NGUYỄN BÁ	KHANG	11/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
863	TDS.01.1297	NGUYỄN DUY	KHANG	23/01/2007	Nam	Bóng bàn	9.75	
864	TDS.01.1298	NGUYỄN DUY	KHANG	25/01/2007	Nam	Bóng đá	2.75	
865	TDS.01.1299	NGUYỄN DUY	KHANG	28/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
866	TDS.01.1300	NGUYỄN ĐÀM MẠNH	KHANG	02/08/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
867	TDS.01.1302	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	10/02/2007	Nam	Cờ vua	10	UTXT
868	TDS.01.1306	NGUYỄN HỮU	KHANG	17/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
869	TDS.01.1308	NGUYỄN LÊ NGUYỄN	KHANG	26/06/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
870	TDS.01.1309	NGUYỄN MAI HOÀNG	KHANG	16/05/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	
871	TDS.01.1310	NGUYỄN MINH	KHANG	16/01/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
872	TDS.01.1311	NGUYỄN MINH	KHANG	30/08/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
873	TDS.01.1313	NGUYỄN PHÚC AN	KHANG	19/12/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
874	TDS.01.1314	NGUYỄN TUẤN	KHANG	16/02/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
875	TDS.01.1315	NGUYỄN VÕ HOÀNG THÁI	KHANG	26/11/2007	Nam	Điền kinh	9.5	
876	TDS.01.1317	PHẠM HẢI	KHANG	09/01/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
877	TDS.01.1318	PHẠM HOÀNG GIA	KHANG	23/03/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
878	TDS.01.1319	PHẠM LÂM GIA	KHANG	28/06/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
879	TDS.01.1320	PHẠM MINH	KHANG	29/12/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
880	TDS.01.1321	PHẠM QUỐC	KHANG	12/11/2007	Nam	Bóng rổ	5.5	
881	TDS.01.1322	PHẠM TUẤN	KHANG	30/08/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
882	TDS.01.1324	PHAN DUY	KHANG	06/09/2007	Nam	Điền kinh	6.5	
883	TDS.01.1326	PHAN PHÚC	KHANG	13/02/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
884	TDS.01.1328	THẠCH LÂM TÀI	KHANG	23/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
885	TDS.01.1329	TRẦN DUY	KHANG	06/09/2007	Nam	Bóng rổ	5.5	
886	TDS.01.1330	TRẦN HOÀNG	KHANG	11/09/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
887	TDS.01.1331	TRẦN MINH	KHANG	07/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
888	TDS.01.1334	TRẦN VĨNH	KHANG	16/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
889	TDS.01.1335	VÕ HOÀNG	KHANG	22/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
890	TDS.01.1336	VÕ TUẤN	KHANG	12/07/2006	Nam	Bóng đá	6.75	
891	TDS.01.1338	ĐÔNG PHƯỚC	KHANH	09/05/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
892	TDS.01.1340	LÊ CÔNG	KHANH	26/06/2007	Nam	Bóng đá	1.5	
893	TDS.01.1341	NGUYỄN DUY	KHANH	10/04/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
894	TDS.01.1343	NGUYỄN ĐỨC	KHANH	03/06/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
895	TDS.01.1344	NGUYỄN QUANG TUẤN	KHANH	05/12/2007	Nam	Điền kinh	9.25	
896	TDS.01.1345	PHẠM LÊ BẢO	KHANH	08/05/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
897	TDS.01.1346	PHAN TUẤN	KHANH	07/01/2007	Nam	Cầu lông	9.5	

TH
T
Đ
HỆ D
TH
HỒ
B

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
898	TDS.01.1347	TRẦN BẢO	KHANH	02/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
899	TDS.01.1348	TRẦN VĂN TUẤN	KHANH	30/08/2007	Nam	Điền kinh	8.25	
900	TDS.01.1349	ĐÌNH CÔNG	KHÁNH	09/11/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
901	TDS.01.1352	HỒ HOÀNG	KHÁNH	23/03/2007	Nam	Bơi lội	10	UTXT
902	TDS.01.1353	HỒ SỸ NHẬT	KHÁNH	03/06/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
903	TDS.01.1356	LÊ GIA	KHÁNH	13/07/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
904	TDS.01.1359	NGUYỄN ANH	KHÁNH	02/10/2007	Nam	Cầu lông	7.25	
905	TDS.01.1362	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	01/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
906	TDS.01.1363	NGUYỄN LÊ QUỐC	KHÁNH	09/08/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
907	TDS.01.1364	NGUYỄN LƯU	KHÁNH	13/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
908	TDS.01.1365	NGUYỄN MINH	KHÁNH	04/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
909	TDS.01.1366	NGUYỄN NAM	KHÁNH	05/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
910	TDS.01.1367	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	02/09/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
911	TDS.01.1368	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	07/03/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
912	TDS.01.1369	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	08/09/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
913	TDS.01.1370	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	29/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
914	TDS.01.1371	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	02/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
915	TDS.01.1373	NGUYỄN VŨ QUỐC	KHÁNH	03/09/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
916	TDS.01.1374	PHẠM QUANG	KHÁNH	05/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
917	TDS.01.1376	TRẦN NAM	KHÁNH	07/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
918	TDS.01.1379	VÕ DUY	KHÁNH	10/05/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
919	TDS.01.1380	VÕ LÊ DUY	KHÁNH	14/11/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
920	TDS.01.1381	VŨ QUỐC	KHÁNH	02/09/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
921	TDS.01.1382	HUỖNH QUỐC	KHÂM	08/08/2007	Nam	Điền kinh	3.5	
922	TDS.01.1383	NGUYỄN QUỐC	KHÂM	03/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
923	TDS.01.1386	ĐẶNG GIA	KHIÊM	17/06/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
924	TDS.01.1389	NGUYỄN TRẦN BẢO	KHIÊM	03/01/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
925	TDS.01.1391	PHẠM GIA	KHIÊM	25/07/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
926	TDS.01.1392	TRẦN NHƯ	KHIÊM	01/01/2006	Nam	Bóng đá	10	
927	TDS.01.1393	BÙI ĐĂNG	KHOA	05/03/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
928	TDS.01.1394	BÙI LÊ MINH	KHOA	16/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
929	TDS.01.1395	DƯƠNG ĐĂNG	KHOA	24/05/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
930	TDS.01.1396	ĐẶNG ĐÀO TUẤN	KHOA	29/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
931	TDS.01.1397	ĐẶNG MINH	KHOA	17/03/2007	Nam	Bóng chuyền	5.75	
932	TDS.01.1398	ĐOÀN VÕ ĐĂNG	KHOA	28/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
933	TDS.01.1400	HUỖNH ĐĂNG	KHOA	26/11/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
934	TDS.01.1401	HUỖNH TRẦN MINH	KHOA	29/07/2007	Nam	Bóng đá	9.5	
935	TDS.01.1403	LA ANH	KHOA	08/01/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
936	TDS.01.1404	LÊ ANH	KHOA	05/02/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
937	TDS.01.1405	LÊ ANH	KHOA	10/02/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
938	TDS.01.1406	LÊ ĐĂNG	KHOA	15/06/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
939	TDS.01.1408	LÊ VĂN ANH	KHOA	03/08/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
940	TDS.01.1409	MAI QUANG ANH	KHOA	21/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
941	TDS.01.1410	NGÔ ĐĂNG	KHOA	24/11/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
942	TDS.01.1411	NGUYỄN ANH	KHOA	03/09/2007	Nam	Bóng rổ	6.25	
943	TDS.01.1412	NGUYỄN ANH	KHOA	11/08/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
944	TDS.01.1413	NGUYỄN ANH	KHOA	22/10/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
945	TDS.01.1414	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	14/01/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
946	TDS.01.1418	NGUYỄN HÀ ĐĂNG	KHOA	24/09/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
947	TDS.01.1419	NGUYỄN NGỌC	KHOA	22/12/2007	Nam	Cầu lông	2.25	
948	TDS.01.1420	NGUYỄN PHẠM ANH	KHOA	06/12/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
949	TDS.01.1421	NGUYỄN PHAN ANH	KHOA	13/10/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
950	TDS.01.1423	NGUYỄN TRẦN ANH	KHOA	16/01/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
951	TDS.01.1424	NGUYỄN TRỌNG	KHOA	22/09/2007	Nam	Cầu lông	3.25	
952	TDS.01.1427	PHẠM ĐĂNG	KHOA	24/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
953	TDS.01.1428	PHẠM ĐĂNG	KHOA	26/02/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
954	TDS.01.1429	PHẠM ĐOÀN ANH	KHOA	19/08/2005	Nam	Cầu lông	6.0	
955	TDS.01.1432	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	13/01/2007	Nam	Điền kinh	7.25	
956	TDS.01.1433	PHAN ĐĂNG	KHOA	28/02/2003	Nam	Bơi lội	9.0	
957	TDS.01.1434	PHAN LÊ DUY	KHOA	30/08/0007	Nam	Bóng đá	9.25	
958	TDS.01.1435	PHAN TRUNG	KHOA	21/12/2007	Nam	Cầu lông	0.75	
959	TDS.01.1436	TRẦN ANH	KHOA	11/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
960	TDS.01.1437	TRẦN BẢO ANH	KHOA	10/12/2006	Nam	Bóng chuyền	7.5	
961	TDS.01.1439	TRẦN ĐĂNG	KHOA	27/03/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
962	TDS.01.1440	TRẦN HUỖNH ĐĂNG	KHOA	05/12/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
963	TDS.01.1441	TRẦN LÂM	KHOA	05/07/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
964	TDS.01.1442	TRẦN MINH	KHOA	14/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
965	TDS.01.1444	TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	16/08/2007	Nam	Bóng rổ	9.25	
966	TDS.01.1446	VŨ TRẦN ANH	KHOA	02/11/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
967	TDS.01.1447	CAO MINH	KHÔI	26/10/2007	Nam	Bóng đá	2.75	
968	TDS.01.1451	HOÀNG NGUYỄN MINH	KHÔI	27/03/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
969	TDS.01.1452	LÀNH ĐĂNG	KHÔI	11/08/2006	Nam	Bóng chuyền	9.25	
970	TDS.01.1454	LÊ ANH	KHÔI	02/05/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
971	TDS.01.1456	LÊ QUANG	KHÔI	07/08/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
972	TDS.01.1457	NGÔ TRẦN ĐĂNG	KHÔI	15/09/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
973	TDS.01.1458	NGUYỄN ANH	KHÔI	05/03/2007	Nam	Võ thuật	6.0	
974	TDS.01.1459	NGUYỄN DUY	KHÔI	11/12/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
975	TDS.01.1460	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	16/07/2007	Nam	Cầu lông	2.75	
976	TDS.01.1461	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG	KHÔI	17/07/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
977	TDS.01.1462	NGUYỄN GIA	KHÔI	06/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
978	TDS.01.1463	NGUYỄN MINH	KHÔI	24/02/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
979	TDS.01.1465	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KHÔI	11/12/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
980	TDS.01.1466	NGUYỄN QUỐC	KHÔI	08/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
981	TDS.01.1468	NGUYỄN THẾ	KHÔI	24/10/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
982	TDS.01.1471	PHẠM DUY	KHÔI	05/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
983	TDS.01.1474	PHAN MINH	KHÔI	17/08/2007	Nam	Võ thuật	9.5	

TH
NG
OC
HẾT
PH
MIN

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
984	TDS.01.1475	THÁI ĐĂNG	KHÔI	01/12/2007	Nam	Thế dục	8.5	
985	TDS.01.1477	TRẦN BIỆN NGUYỄN	KHÔI	13/05/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
986	TDS.01.1478	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	09/05/2006	Nam	Bóng đá	6.0	
987	TDS.01.1479	TRẦN NGUYỄN ANH	KHÔI	25/08/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
988	TDS.01.1480	TRƯƠNG NGUYỄN ANH	KHÔI	14/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
989	TDS.01.1482	TRẦN VĂN	KHÔN	29/07/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
990	TDS.01.1487	ĐÌNH HOÀNG	KHUƠNG	13/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
991	TDS.01.1488	NGUYỄN DUY	KHUƠNG	01/09/2007	Nam	Cầu lông	7.75	
992	TDS.01.1489	NGUYỄN HOÀNG	KHUƠNG	03/08/2005	Nam	Bóng đá	7.25	
993	TDS.01.1490	NGUYỄN QUỐC	KHUƠNG	05/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
994	TDS.01.1491	NGUYỄN THÀNH	KHUƠNG	12/07/2004	Nam	Bóng chuyền	9.0	
995	TDS.01.1493	NGUYỄN HIỂU	LẠC	31/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
996	TDS.01.1494	NGUYỄN HOÀNG GIA	LẠC	23/03/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
997	TDS.01.1497	TRẦN GIA	LẠC	17/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
998	TDS.01.1498	TRẦN GIA	LẠC	20/12/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
999	TDS.01.1500	LÊ THỊ LAM	LAM	13/10/2007	Nữ	Bơi lội	10	UTXT
1000	TDS.01.1501	CHU VIỆT	LĂM	15/10/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1001	TDS.01.1503	DƯƠNG THÁI	LÂM	03/02/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1002	TDS.01.1505	NGUYỄN ĐÌNH	LÂM	20/06/2007	Nam	Cầu lông	3.25	
1003	TDS.01.1506	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	09/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1004	TDS.01.1510	PHẠM ĐỨC	LÂM	10/03/2006	Nam	Bóng đá	4.5	
1005	TDS.01.1512	TÔ THÀNH	LÂM	11/10/2006	Nam	Năng khiếu chung	6.5	
1006	TDS.01.1513	TÔN NGỌC	LÂM	21/06/2002	Nam	Bóng đá	6.0	
1007	TDS.01.1515	VIÊN GIA	LÂM	09/02/2006	Nam	Điền kinh	9.5	
1008	TDS.01.1516	VÕ NGỌC	LÂM	01/01/2002	Nam	Võ thuật	9.0	
1009	TDS.01.1517	VÕ TẤN HẢI	LÂM	04/07/2007	Nam	Bơi lội	9.25	
1010	TDS.01.1518	ĐOÀN	LÂN	24/05/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
1011	TDS.01.1519	HỒ NGỌC	LÂN	13/03/2007	Nam	Bóng rổ	8.75	
1012	TDS.01.1520	NGUYỄN LÊ HOÀNG	LÂN	20/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.75	
1013	TDS.01.1521	ĐẶNG XUÂN	LẬP	17/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1014	TDS.01.1522	NGUYỄN CÔNG	LẦY	21/02/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.75	
1015	TDS.01.1523	BON DONG HA JU	LÊ	20/11/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1016	TDS.01.1525	PHAN ĐẮC	LỄ	28/04/2007	Nam	Quần vợt	9.25	
1017	TDS.01.1526	LÊ TIẾN	LÊN	07/11/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
1018	TDS.01.1528	BÙI THANH	LIÊM	24/10/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
1019	TDS.01.1529	HUỲNH ĐỖ THANH	LIÊM	28/02/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
1020	TDS.01.1530	HUỲNH VĂN	LIÊM	29/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1021	TDS.01.1531	LÊ THANH	LIÊM	23/01/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1022	TDS.01.1532	DƯƠNG THỊ THANH	LIÊN	19/03/2005	Nữ	Bơi lội	5.75	
1023	TDS.01.1533	ĐOÀN THỊ BÍCH	LIÊN	15/06/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.25	
1024	TDS.01.1535	LÂM THỊ THÚY	LIỄU	09/07/2007	Nữ	Điền kinh	6.0	
1025	TDS.01.1541	ĐÌNH PHI	LINH	30/06/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1026	TDS.01.1542	HÀ NGỌC	LINH	15/10/2007	Nữ	Bơi lội	9.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1027	TDS.01.1543	HÀ NHẬT	LINH	13/01/2007	Nam	Điền kinh	8.75	
1028	TDS.01.1547	LÊ QUANG	LINH	20/03/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1029	TDS.01.1548	NGUYỄN DUY	LINH	24/07/2006	Nam	Bóng đá	1.5	
1030	TDS.01.1551	NGUYỄN QUỐC	LINH	22/06/2007	Nam	Cầu lông	6.75	
1031	TDS.01.1553	NGUYỄN THỊ CẨM	LINH	01/11/2007	Nữ	Bóng đá	7.75	
1032	TDS.01.1554	NGUYỄN THỊ KIỀU	LINH	12/12/2007	Nữ	Võ thuật	7.5	
1033	TDS.01.1556	PHAN QUANG	LINH	19/04/2005	Nam	Bóng đá	8.5	
1034	TDS.01.1557	TRẦN NGUYỄN	LINH	28/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
1035	TDS.01.1558	TRẦN THUY NGỌC	LINH	23/03/2007	Nữ	Thể dục	9.0	
1036	TDS.01.1559	VÕ NHỰT	LINH	11/12/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1037	TDS.01.1560	VŨ THỊ PHƯƠNG	LINH	03/05/2007	Nữ	Năng khiếu chung	8.75	
1038	TDS.01.1561	TRẦN CÔNG	LINH	24/08/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
1039	TDS.01.1562	QUANG VĂN	LINH	11/11/2005	Nam	Bóng đá	4.25	
1040	TDS.01.1563	TRƯƠNG HỒNG	LINH	13/01/2001	Nam	Bơi lội	8.75	
1041	TDS.01.1564	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	20/05/2005	Nữ	Bóng chuyền	8.25	
1042	TDS.01.1565	BÙI BẢO	LONG	26/05/2007	Nam	Điền kinh	6.5	
1043	TDS.01.1566	BÙI HOÀNG	LONG	03/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.5	
1044	TDS.01.1567	ĐINH GIA	LONG	10/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
1045	TDS.01.1568	ĐOÀN THÀNH	LONG	22/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
1046	TDS.01.1569	ĐỖ THÀNH	LONG	09/02/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1047	TDS.01.1570	HOÀNG TIỀN	LONG	04/10/2006	Nam	Bóng đá	5.75	
1048	TDS.01.1571	HỒ HIÊN	LONG	27/08/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1049	TDS.01.1572	HỒ VĂN NGỌC	LONG	14/05/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
1050	TDS.01.1573	HUỖNH QUANG	LONG	18/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1051	TDS.01.1574	HUỖNH THANH	LONG	13/01/2007	Nam	Bóng đá	9.75	
1052	TDS.01.1575	KỶ HỮU HUỖNH	LONG	29/08/2007	Nam	Điền kinh	8.25	
1053	TDS.01.1576	KHÔNG TRẦN MINH	LONG	01/08/2006	Nam	Vật - Judo	9.0	
1054	TDS.01.1577	LÊ HOÀNG GIA	LONG	16/04/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1055	TDS.01.1578	LÊ NHẬT THIÊN	LONG	11/11/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1056	TDS.01.1579	LÊ PHI	LONG	27/07/2003	Nam	Võ thuật	9.5	
1057	TDS.01.1580	LƯU TRƯỜNG	LONG	15/05/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1058	TDS.01.1582	NGUYỄN DUY	LONG	22/11/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
1059	TDS.01.1583	NGUYỄN DUY HOÀNG	LONG	05/05/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1060	TDS.01.1585	NGUYỄN HOÀNG SƠN	LONG	14/11/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1061	TDS.01.1586	NGUYỄN HUY BẢO	LONG	19/04/2007	Nam	Thể dục	9.25	
1062	TDS.01.1588	NGUYỄN NHƯ	LONG	30/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1063	TDS.01.1591	NGUYỄN SỸ NHẬT	LONG	03/08/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1064	TDS.01.1592	PHẠM DUY	LONG	16/10/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1065	TDS.01.1593	PHẠM HOÀNG	LONG	11/09/2007	Nam	Bóng đá	10	
1066	TDS.01.1594	PHẠM HOÀNG	LONG	25/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1067	TDS.01.1596	PHAN HỮU	LONG	17/04/2007	Nam	Điền kinh	5.75	
1068	TDS.01.1600	TRẦN HOÀNG	LONG	17/09/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1069	TDS.01.1601	TRẦN MINH GIA	LONG	05/01/2007	Nam	Võ thuật	8.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1070	TDS.01.1602	TRẦN XUÂN	LONG	25/10/2006	Nam	Cầu lông	4.75	
1071	TDS.01.1603	TRỊNH NGUYỄN THÁI	LONG	01/04/2007	Nam	Võ thuật	6.0	
1072	TDS.01.1607	LÊ MINH	LỘC	03/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1073	TDS.01.1608	LÊ NGUYỄN HỮU	LỘC	15/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1074	TDS.01.1609	LÊ VĂN	LỘC	20/03/2006	Nam	Bóng đá	8.25	
1075	TDS.01.1611	LƯU HUỖNH PHƯỚC	LỘC	09/12/2006	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1076	TDS.01.1614	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	18/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1077	TDS.01.1616	NGUYỄN HỮU	LỘC	12/08/2007	Nam	Cầu lông	8.5	
1078	TDS.01.1617	NGUYỄN TÂN	LỘC	10/06/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
1079	TDS.01.1618	NGUYỄN TÂN	LỘC	17/07/2007	Nam	Bơi lội	9.25	
1080	TDS.01.1620	PHAN QUỐC	LỘC	25/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1081	TDS.01.1622	TRẦN MINH	LỘC	15/02/2007	Nam	Bơi lội	9.25	
1082	TDS.01.1624	TRẦN NGUYỄN PHÚC	LỘC	26/10/2005	Nam	Điền kinh	8.0	
1083	TDS.01.1625	TRẦN TÂN	LỘC	06/06/2007	Nam	Điền kinh	9.5	
1084	TDS.01.1628	VÕ NGUYỄN TÂN	LỘC	16/07/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1085	TDS.01.1629	DIỆP VẠN	LỢI	19/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1086	TDS.01.1631	LÊ ĐẠI	LỢI	27/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1087	TDS.01.1633	NGUYỄN QUỐC	LỢI	17/07/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
1088	TDS.01.1634	NGUYỄN THÁI	LỢI	16/02/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
1089	TDS.01.1635	NGUYỄN THIÊN PHÚ	LỢI	03/11/2007	Nam	Võ thuật	6.5	
1090	TDS.01.1638	TRẦN MINH	LỢI	10/06/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
1091	TDS.01.1639	TRẦN QUANG	LỢI	09/10/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1092	TDS.01.1640	TRẦN THANH	LỢI	04/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.75	
1093	TDS.01.1641	TRẦN VẠN	LỢI	24/02/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1094	TDS.01.1642	TRƯƠNG THUẬN	LỢI	04/10/2007	Nam	Điền kinh	6.25	
1095	TDS.01.1643	TRƯƠNG VẠN	LỢI	17/05/2006	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1096	TDS.01.1645	ĐÀO MINH	LUÂN	21/05/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
1097	TDS.01.1646	ĐẶNG HOÀNG	LUÂN	06/04/2005	Nam	Quần vợt	9.75	
1098	TDS.01.1647	ĐẶNG QUAN	LUÂN	29/01/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1099	TDS.01.1648	ĐỖ MINH	LUÂN	20/01/2007	Nam	Cầu lông	8.0	
1100	TDS.01.1649	NGUYỄN BÁ	LUÂN	19/10/2007	Nam	Cầu lông	8.0	
1101	TDS.01.1654	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	10/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1102	TDS.01.1655	NGUYỄN VŨ ANH	LUÂN	12/10/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1103	TDS.01.1657	NGUYỄN THÀNH	LUẬN	10/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1104	TDS.01.1658	THI TIẾN	LUẬT	15/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1105	TDS.01.1660	NGUYỄN VĂN	LUYẾN	18/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1106	TDS.01.1662	TRẦN HOÀNG	LUYẾN	16/11/2007	Nam	Bơi lội	9.25	
1107	TDS.01.1664	HÌNH CẨM	LY	21/04/2006	Nữ	Điền kinh	10	
1108	TDS.01.1665	HOÀNG KHÁNH	LY	22/01/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1109	TDS.01.1666	LÊ KHÁNH	LY	23/11/2007	Nữ	Điền kinh	9.5	
1110	TDS.01.1667	LÊ PHƯƠNG TRÚC	LY	25/04/2007	Nữ	Bóng đá	9.0	
1111	TDS.01.1670	PHẠM THỊ TRÚC	LY	17/02/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1112	TDS.01.1671	TRẦN TRÚC	LY	13/05/2006	Nữ	Bóng chuyền	8.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1113	TDS.01.1674	ĐẶNG NGUYỄN TUYẾT	MAI	23/11/2006	Nữ	Năng khiếu chung	6.75	
1114	TDS.01.1675	ĐỖ XUÂN	MAI	05/03/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1115	TDS.01.1677	BÙI CHU	MẠNH	26/06/2007	Nam	Bóng rổ	8.75	
1116	TDS.01.1679	CHÂU GIA	MẠNH	06/01/2007	Nam	Cầu lông	1.75	
1117	TDS.01.1681	HOÀNG VĂN	MẠNH	01/07/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1118	TDS.01.1682	LÊ DUY GIA	MẠNH	15/11/2007	Nam	Điền kinh	3.25	
1119	TDS.01.1683	NGUYỄN DUY	MẠNH	04/11/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1120	TDS.01.1686	PHAN DUY	MẠNH	09/03/2007	Nam	Vật - Judo	8.5	
1121	TDS.01.1687	VŨ LÊ KIM	MẠNH	26/03/2006	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
1122	TDS.01.1688	KANEDA	MASANORI	11/10/2006	Nam	Bóng đá	4.5	
1123	TDS.01.1689	TÔ NGUYỄN MINH	MÃN	25/11/2005	Nam	Cầu lông	4.0	
1124	TDS.01.1690	ĐỖ MINH	MÃN	19/02/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1125	TDS.01.1691	NGUYỄN QUỐC	MÃN	22/09/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1126	TDS.01.1692	NGUYỄN TÀI	MÃN	28/02/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
1127	TDS.01.1694	NGUYỄN XUÂN	MỄN	17/01/2006	Nam	Cầu lông	2.75	
1128	TDS.01.1696	LẠI THỊ TRÀ	MI	24/05/2007	Nữ	Bóng đá	10	UTXT
1129	TDS.01.1698	NGUYỄN XU	MIL	22/12/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1130	TDS.01.1701	ĐẶNG ĐĂNG	MINH	26/04/2006	Nam	Điền kinh	9.5	
1131	TDS.01.1702	ĐOÀN CÔNG	MINH	30/08/2006	Nam	Bóng đá	9.25	
1132	TDS.01.1703	HÀU NHỰT	MINH	25/01/2007	Nam	Điền kinh	6.0	
1133	TDS.01.1704	HOÀNG ĐÌNH	MINH	23/08/2006	Nam	Võ thuật	9.0	
1134	TDS.01.1706	HỒ DUY	MINH	29/08/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
1135	TDS.01.1708	HỒ NHỰT	MINH	25/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1136	TDS.01.1709	HUỲNH HIẾU	MINH	19/07/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1137	TDS.01.1711	HUỲNH TIẾN ANH	MINH	22/10/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1138	TDS.01.1713	LÊ HOÀNG	MINH	12/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1139	TDS.01.1715	LÊ NGUYỄN ANH	MINH	04/05/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
1140	TDS.01.1717	NGUYỄN BÌNH	MINH	27/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1141	TDS.01.1718	NGUYỄN ĐÌNH GIA	MINH	10/04/2007	Nam	Cầu lông	3.25	
1142	TDS.01.1719	NGUYỄN HOÀNG	MINH	16/09/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
1143	TDS.01.1720	NGUYỄN HOÀNG	MINH	12/02/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1144	TDS.01.1721	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	MINH	17/05/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1145	TDS.01.1723	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	MINH	19/11/2006	Nam	Bóng rổ	8.25	
1146	TDS.01.1724	NGUYỄN NHẬT	MINH	29/01/2007	Nam	Cầu lông	7.5	
1147	TDS.01.1726	NGUYỄN VIỆT DUY	MINH	17/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1148	TDS.01.1727	NGUYỄN VÕ CHÍ	MINH	12/04/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1149	TDS.01.1728	PHẠM HOÀNG	MINH	26/02/2007	Nam	Cầu lông	2.75	
1150	TDS.01.1729	PHẠM LÊ KHÁNH	MINH	01/08/2007	Nam	Bóng đá	10	
1151	TDS.01.1732	TRẦN CÔNG	MINH	02/10/2006	Nam	Bóng rổ	9.75	
1152	TDS.01.1733	TRẦN KIẾN	MINH	09/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1153	TDS.01.1734	TRẦN TẤN	MINH	21/11/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1154	TDS.01.1735	TRIỆU CÔNG	MINH	05/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
1155	TDS.01.1738	VŨ NHẬT	MINH	31/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	

RUỒI
 MI H
 C TH
 ANH
 CHÍ

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1156	TDS.01.1739	VŨ TRẦN TIẾN	MINH	16/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1157	TDS.01.1740	TRẦN NGỌC	MƠ	18/09/2007	Nữ	Điền kinh	3.0	
1158	TDS.01.1742	DANH THỊ KIỀU	MY	11/01/2004	Nữ	Bóng đá	10	UTXT
1159	TDS.01.1744	ĐÌNH THỊ HỒ	MY	12/06/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.0	
1160	TDS.01.1748	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	16/01/2007	Nữ	Bóng đá	7.5	
1161	TDS.01.1755	CHÂU HOÀI	NAM	14/04/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
1162	TDS.01.1756	DƯƠNG NGUYỄN THÀNH	NAM	01/08/2007	Nam	Võ thuật	6.0	
1163	TDS.01.1760	ĐÌNH HẢI	NAM	13/11/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1164	TDS.01.1761	ĐOÀN HUY	NAM	26/01/2006	Nam	Bóng đá	6.5	
1165	TDS.01.1762	ĐỖ HUỲNH PHƯƠNG	NAM	12/08/2006	Nam	Bóng rổ	8.75	
1166	TDS.01.1765	LÃ DUY	NAM	16/01/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
1167	TDS.01.1767	LƯU KỶ	NAM	23/03/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
1168	TDS.01.1769	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG	NAM	25/02/2007	Nam	Cầu lông	8.25	
1169	TDS.01.1770	NGUYỄN HOÀNG	NAM	03/12/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
1170	TDS.01.1771	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	NAM	09/09/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1171	TDS.01.1772	NGUYỄN HỮU	NAM	10/04/2006	Nam	Bóng đá	1.5	
1172	TDS.01.1773	NGUYỄN NGỌC HỒ	NAM	23/03/2006	Nam	Bóng đá	5.0	
1173	TDS.01.1779	NGUYỄN THÀNH	NAM	04/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
1174	TDS.01.1780	NGUYỄN THÀNH	NAM	11/09/2007	Nam	Điền kinh	9.25	
1175	TDS.01.1782	NGUYỄN VĂN	NAM	03/03/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1176	TDS.01.1783	NGUYỄN VĂN	NAM	15/12/2007	Nam	Bóng bàn	10	UTXT
1177	TDS.01.1787	THÁI QUỐC	NAM	04/04/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
1178	TDS.01.1789	TRẦN ĐỨC	NAM	30/05/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1179	TDS.01.1791	TRẦN HOÀNG	NAM	05/11/2007	Nam	Bóng rổ	8.0	
1180	TDS.01.1792	TRẦN NGỌC	NAM	15/03/2007	Nam	Điền kinh	9.25	
1181	TDS.01.1793	TRẦN QUỐC	NAM	12/12/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1182	TDS.01.1795	TRẦN THẾ	NAM	23/02/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
1183	TDS.01.1796	TRƯƠNG VĂN	NAM	08/02/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1184	TDS.01.1803	BÙI NGỌC AN	NINH	03/12/2007	Nữ	Võ thuật	9.5	
1185	TDS.01.1805	THÂN THỊ NHI	NỮ	10/09/2007	Nữ	Điền kinh	9.0	
1186	TDS.01.1808	MANG THỊ EM	NGA	02/11/2007	Nữ	Điền kinh	7.75	
1187	TDS.01.1809	NÔNG THỊ	NGA	07/04/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1188	TDS.01.1810	NGUYỄN NGỌC THÚY	NGA	13/10/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1189	TDS.01.1811	LÊ MINH	NGÀ	23/02/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
1190	TDS.01.1812	NGUYỄN TRẦN NGỌC	NGÀ	18/06/2007	Nữ	Bóng chuyền	6.5	
1191	TDS.01.1815	DƯƠNG ÁNH	NGÂN	29/10/2006	Nữ	Điền kinh	10	UTXT
1192	TDS.01.1817	HUỲNH KIM	NGÂN	26/07/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1193	TDS.01.1818	HUỲNH NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	08/12/2007	Nữ	Bóng rổ	9.0	
1194	TDS.01.1820	LÊ THỊ KIM	NGÂN	18/12/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.25	
1195	TDS.01.1821	LƯƠNG NGUYỄN THANH	NGÂN	22/11/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.0	
1196	TDS.01.1822	NGÔ PHƯƠNG HỒNG	NGÂN	27/10/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1197	TDS.01.1823	NGUYỄN BẢO	NGÂN	28/05/2007	Nữ	Bóng rổ	9.25	
1198	TDS.01.1825	NGUYỄN HOÀNG KIM	NGÂN	22/03/2005	Nữ	Bơi lội	8.75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1199	TDS.01.1826	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	08/05/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1200	TDS.01.1828	PHẠM YẾN	NGÂN	20/09/0007	Nữ	Võ thuật	9.5	
1201	TDS.01.1829	PHAN NGUYỄN TÚ	NGÂN	28/10/2007	Nữ	Bóng đá	5.75	
1202	TDS.01.1831	SÔNG THỊ KIM	NGÂN	31/01/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1203	TDS.01.1833	VÕ THỊ THÚY	NGÂN	11/09/2003	Nữ	Võ thuật	9.0	
1204	TDS.01.1834	NGUYỄN GIA	NGHI	19/03/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1205	TDS.01.1835	PHAN THÀNH	NGHI	06/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
1206	TDS.01.1836	TRẦN GIA	NGHI	01/03/2007	Nữ	Năng khiếu chung	10	UTXT
1207	TDS.01.1837	TRẦN NGUYỄN GIA	NGHI	06/02/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1208	TDS.01.1838	VŨ NGỌC XUÂN	NGHI	26/12/2006	Nữ	Võ thuật	9.0	
1209	TDS.01.1841	ĐỖ HOÀNG	NGHĨA	03/07/2006	Nam	Điền kinh	10	
1210	TDS.01.1843	HUỲNH TRỌNG	NGHĨA	15/05/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
1211	TDS.01.1846	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	NGHĨA	28/11/2006	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1212	TDS.01.1847	NGUYỄN HUỲNH TRỌNG	NGHĨA	18/01/2007	Nam	Võ thuật	5.5	
1213	TDS.01.1850	NGUYỄN MINH	NGHĨA	09/02/2007	Nam	Bóng chuyền	6.25	
1214	TDS.01.1854	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	28/10/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1215	TDS.01.1855	PHẠM KHẮC	NGHĨA	04/02/2006	Nam	Bơi lội	10	UTXT
1216	TDS.01.1856	PHẠM MAI TRUNG	NGHĨA	25/09/2007	Nam	Điền kinh	6.25	
1217	TDS.01.1858	PHẠM TRỌNG	NGHĨA	04/06/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
1218	TDS.01.1859	PHẠM TRUNG	NGHĨA	12/06/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
1219	TDS.01.1860	TRẦN HIẾU	NGHĨA	06/06/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1220	TDS.01.1861	TRẦN HỮU	NGHĨA	14/03/2007	Nam	Cầu lông	3.0	
1221	TDS.01.1863	TRƯƠNG TUẤN	NGHĨA	27/05/2006	Nam	Bóng đá	5.0	
1222	TDS.01.1864	VÕ TRỌNG	NGHĨA	02/02/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
1223	TDS.01.1865	NGÔ ĐẶNG GIA	NGHIÊM	21/04/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1224	TDS.01.1866	NGUYỄN MINH	NGHIÊM	24/08/2004	Nam	Quần vợt	8.75	
1225	TDS.01.1867	VŨ ĐÌNH	NGHIÊM	29/08/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1226	TDS.01.1869	QUÁCH ĐẠI	NGHIỆP	05/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1227	TDS.01.1870	PHAN THANH	NGOÃN	11/01/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
1228	TDS.01.1872	ĐÌNH THỊ BẢO	NGỌC	21/04/2007	Nữ	Cầu lông	7.0	
1229	TDS.01.1873	ĐOÀN ÁNH	NGỌC	28/01/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1230	TDS.01.1874	HỒ NHƯ	NGỌC	03/09/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.0	
1231	TDS.01.1878	NGUYỄN KIM BẢO	NGỌC	05/11/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1232	TDS.01.1880	NGUYỄN MINH	NGỌC	29/08/2007	Nữ	Bóng rổ	9.75	
1233	TDS.01.1882	NGUYỄN VĂN THÁI	NGỌC	03/03/1007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
1234	TDS.01.1883	NGUYỄN XUÂN	NGỌC	02/05/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	
1235	TDS.01.1885	PHAN NGUYỄN TÚ	NGỌC	28/10/2007	Nữ	Bóng đá	8.25	
1236	TDS.01.1886	PHAN THANH	NGỌC	03/02/2007	Nam	Bóng rổ	6.0	
1237	TDS.01.1887	PHÙNG KIM	NGỌC	05/12/2006	Nữ	Võ thuật	9.5	
1238	TDS.01.1890	VĂN THỊ YẾN	NGỌC	28/12/2007	Nữ	Cầu lông	5.0	
1239	TDS.01.1891	VÕ YẾN	NGỌC	13/10/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1240	TDS.01.1895	BÙI QUANG	NGUYỄN	20/10/2006	Nam	Bóng đá	8.75	
1241	TDS.01.1897	DANH CHÍ	NGUYỄN	25/02/2006	Nam	Bóng đá	7.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1242	TDS.01.1898	ĐÀO NGUYỄN CHÍ	NGUYỄN	25/02/2004	Nam	Cầu lông	7.0	
1243	TDS.01.1899	ĐẶNG NGUYỄN ĐĂNG	NGUYỄN	13/02/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1244	TDS.01.1901	ĐẶNG VÕ MINH	NGUYỄN	11/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.5	
1245	TDS.01.1902	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	NGUYỄN	08/10/2007	Nữ	Cầu lông	2.25	
1246	TDS.01.1903	ĐỖ THANH	NGUYỄN	18/11/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1247	TDS.01.1904	HUỖNH CHÍ	NGUYỄN	14/07/2007	Nam	Bóng đá	10	
1248	TDS.01.1906	LÂM DIỆP CHÍ	NGUYỄN	10/04/2007	Nam	Boi lội	10	UTXT
1249	TDS.01.1907	LÊ NGUYỄN HUY	NGUYỄN	31/03/2007	Nữ	Bóng đá	8.0	
1250	TDS.01.1908	LÊ TUẤN	NGUYỄN	18/06/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
1251	TDS.01.1910	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	20/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1252	TDS.01.1911	NGUYỄN KHANG	NGUYỄN	14/09/2007	Nam	Cầu lông	7.5	
1253	TDS.01.1912	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	23/12/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
1254	TDS.01.1913	NGUYỄN LÊ CHÍ	NGUYỄN	12/02/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1255	TDS.01.1915	NGUYỄN PHẠM CẢNH	NGUYỄN	13/02/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
1256	TDS.01.1916	NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	04/08/2007	Nam	Bóng rổ	6.75	
1257	TDS.01.1919	NGUYỄN THÁI	NGUYỄN	23/07/2007	Nam	Cầu lông	8.75	
1258	TDS.01.1922	PHAN TRẦN TÂN	NGUYỄN	14/06/2007	Nam	Điền kinh	5.75	
1259	TDS.01.1923	PHÙNG NHẬT	NGUYỄN	11/11/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
1260	TDS.01.1924	TẠ VĂN	NGUYỄN	07/11/2006	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1261	TDS.01.1925	TANG VÒNG KỶ	NGUYỄN	01/12/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
1262	TDS.01.1927	THÂN TRỌNG	NGUYỄN	25/08/2006	Nam	Điền kinh	8.25	
1263	TDS.01.1928	TRẦN CAO	NGUYỄN	19/10/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
1264	TDS.01.1930	TRỊNH LÊ GIA	NGUYỄN	09/07/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
1265	TDS.01.1931	VƯƠNG VIỆT CAO	NGUYỄN	06/04/2006	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1266	TDS.01.1932	HOÀNG PHÙNG	NGUYỄN	31/08/2007	Nam	Điền kinh	9.75	
1267	TDS.01.1934	NGUYỄN TRỌNG	NGUYỄN	18/11/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1268	TDS.01.1935	TĂNG	NGUYỄN	19/10/2007	Nam	Điền kinh	2.75	
1269	TDS.01.1936	LÊ CHÍ	NGUYỄN	22/02/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1270	TDS.01.1937	TRẦN VĂN	NGUYỄN	29/03/2007	Nam	Cầu lông	6.75	
1271	TDS.01.1938	TRƯƠNG CHÍ	NGUYỄN	24/12/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
1272	TDS.01.1939	LÝ NHƯ	NGUYỆT	02/10/2007	Nữ	Cầu lông	5.0	
1273	TDS.01.1940	PHẠM ÁNH	NGUYỆT	13/07/2007	Nữ	Bóng đá	8.0	
1274	TDS.01.1941	LÂM TRẦN PANH	NHÀ	13/08/2007	Nam	Điền kinh	9.0	
1275	TDS.01.1942	NGUYỄN THANH	NHÃ	17/06/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
1276	TDS.01.1943	TẠ THANH	NHÃ	24/10/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1277	TDS.01.1945	ĐẶNG MAI	NHẬN	26/07/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1278	TDS.01.1946	BIỆN THỂ HỮU	NHÂN	13/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1279	TDS.01.1947	CAO TRÍ	NHÂN	17/07/2007	Nam	Bóng rổ	7.75	
1280	TDS.01.1948	DANH BẢO	NHÂN	17/09/2005	Nam	Bóng đá	5.25	
1281	TDS.01.1949	DƯƠNG TRỌNG	NHÂN	11/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1282	TDS.01.1950	ĐÀM VĂN	NHÂN	23/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1283	TDS.01.1951	ĐÌNH ANH	NHÂN	26/03/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1284	TDS.01.1952	LÊ NGUYỄN THIỆN	NHÂN	25/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.5	

VIỆN HOA T

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1285	TDS.01.1953	LÊ THỊ MINH	NHÂN	17/01/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.75	
1286	TDS.01.1956	LÊ VŨ HOÀNG	NHÂN	30/04/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
1287	TDS.01.1957	LƯƠNG THIÊN	NHÂN	18/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
1288	TDS.01.1958	LƯU TRỌNG	NHÂN	03/02/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
1289	TDS.01.1959	NGUYỄN CHÍ	NHÂN	03/05/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
1290	TDS.01.1960	NGUYỄN CHÍ	NHÂN	28/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
1291	TDS.01.1964	NGUYỄN NGHĨA	NHÂN	03/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1292	TDS.01.1965	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	01/11/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
1293	TDS.01.1966	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	14/05/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1294	TDS.01.1967	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	17/05/2005	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1295	TDS.01.1968	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	13/12/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1296	TDS.01.1969	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	29/05/2005	Nam	Bóng rổ	6.25	
1297	TDS.01.1970	NGUYỄN TRÂM THÀNH	NHÂN	23/07/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1298	TDS.01.1971	NGUYỄN TRÍ	NHÂN	21/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1299	TDS.01.1972	NGUYỄN VĂN CAO	NHÂN	18/10/2007	Nam	Cầu lông	8.75	
1300	TDS.01.1974	PHẠM NGUYỄN BẢO	NHÂN	15/02/2007	Nam	Điền kinh	7.0	
1301	TDS.01.1976	PHAN MINH	NHÂN	14/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1302	TDS.01.1978	TRẦN THIÊN	NHÂN	08/05/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
1303	TDS.01.1979	TRỊNH TRÍ	NHÂN	18/09/2007	Nam	Điền kinh	7.25	
1304	TDS.01.1980	VŨ THÀNH	NHÂN	01/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
1305	TDS.01.1982	VŨ THÀNH	NHÂN	18/11/2007	Nam	Cầu lông	9.75	
1306	TDS.01.1983	HỒ HUỖNH DUY	NHÂN	26/04/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
1307	TDS.01.1985	ĐẶNG PHẠM THÀNH	NHẬT	19/10/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
1308	TDS.01.1987	NGUYỄN BÁ MINH	NHẬT	06/02/2007	Nam	Bóng đá	1.5	
1309	TDS.01.1989	NGUYỄN HOÀNG THANH	NHẬT	05/01/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
1310	TDS.01.1990	NGUYỄN LÊ QUANG	NHẬT	27/12/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1311	TDS.01.1991	NGUYỄN LONG	NHẬT	17/03/2006	Nam	Võ thuật	6.5	
1312	TDS.01.1992	NGUYỄN LONG	NHẬT	27/08/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
1313	TDS.01.1993	NGUYỄN MINH	NHẬT	09/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1314	TDS.01.1994	NGUYỄN QUANG MINH	NHẬT	26/02/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
1315	TDS.01.1995	NGUYỄN VĂN	NHẬT	14/11/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1316	TDS.01.1996	NGUYỄN VĂN	NHẬT	18/01/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
1317	TDS.01.1998	NGUYỄN VĂN HOÀNG	NHẬT	08/05/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1318	TDS.01.2002	TRẦN ĐẠI QUỐC	NHẬT	25/10/2005	Nam	Bóng đá	7.5	
1319	TDS.01.2004	TRẦN NGUYỄN MINH	NHẬT	20/03/2007	Nam	Bóng đá	2.0	
1320	TDS.01.2006	VŨ MINH	NHẬT	19/05/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
1321	TDS.01.2008	PHAN TRẦN THANH	NHỆ	28/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1322	TDS.01.2009	DƯƠNG NGUYỆT	NHI	24/06/2007	Nữ	Năng khiếu chung	4.25	
1323	TDS.01.2011	HUỖNH THỊ YẾN	NHI	19/02/2007	Nữ	Bóng đá	6.5	
1324	TDS.01.2012	LÊ NGỌC TUYẾT	NHI	27/02/2007	Nữ	Bóng rổ	9.0	
1325	TDS.01.2013	LÊ NGỌC YẾN	NHI	17/07/2005	Nữ	Bơi lội	2.25	
1326	TDS.01.2014	LÊ YẾN	NHI	17/06/2007	Nữ	Thể dục	8.75	
1327	TDS.01.2015	LÊ YẾN	NHI	21/07/2007	Nữ	Bóng bàn	9.5	

TH
TI
ĐA
HỆ DI
TH
HỒ
08

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1328	TDS.01.2017	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	01/06/2007	Nữ	Võ thuật	7.0	
1329	TDS.01.2018	NGUYỄN LÊ TUYẾT	NHI	21/05/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1330	TDS.01.2019	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	NHI	05/11/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.75	
1331	TDS.01.2020	NGUYỄN THẢO	NHI	14/02/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.75	
1332	TDS.01.2021	NGUYỄN THỊ TRÚC	NHI	22/01/2007	Nữ	Điền kinh	5.25	
1333	TDS.01.2022	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/07/2007	Nữ	Điền kinh	6.0	
1334	TDS.01.2025	PHẠM NGUYỆT	NHI	13/11/2007	Nữ	Cầu lông	9.75	
1335	TDS.01.2026	PHÙNG NGUYỄN UYÊN	NHI	02/01/2007	Nữ	Cầu lông	5.0	
1336	TDS.01.2027	TẠ Ý	NHI	19/03/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.25	
1337	TDS.01.2028	TẶNG NGỌC YẾN	NHI	08/06/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1338	TDS.01.2029	THẠCH THỊ YẾN	NHI	17/03/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1339	TDS.01.2030	TRỊNH BẢO	NHI	12/06/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.5	
1340	TDS.01.2037	LÊ QUỐC	NHU	10/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.75	
1341	TDS.01.2039	NGUYỄN HOÀNG CẨM	NHUNG	22/09/2007	Nữ	Cầu lông	9.5	
1342	TDS.01.2040	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	13/02/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1343	TDS.01.2042	TRẦN PHƯƠNG	NHUNG	21/03/2007	Nữ	Thể dục	8.75	
1344	TDS.01.2044	TRỊNH THỊ TUYẾT	NHUNG	06/01/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1345	TDS.01.2046	HỒ HUỖNH	NHU	09/06/2006	Nữ	Cầu lông	7.5	
1346	TDS.01.2049	MAI THỊ	NHU	19/12/2007	Nữ	Thể dục	9.0	
1347	TDS.01.2051	NGUYỄN HUỖNH	NHU	30/08/2006	Nữ	Bóng đá	10	UTXT
1348	TDS.01.2052	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHU	14/10/2006	Nữ	Bóng đá	4.25	
1349	TDS.01.2053	NGUYỄN NGỌC	NHU	18/12/2007	Nữ	Cầu lông	7.75	
1350	TDS.01.2054	NGUYỄN QUỲNH	NHU	11/11/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1351	TDS.01.2055	NGUYỄN THỊ TÂM	NHU	15/06/2007	Nữ	Bóng đá	9.75	
1352	TDS.01.2056	PHẠM THỊ	NHU	19/10/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
1353	TDS.01.2057	TEK KỶ BẢO	NHU	15/04/2006	Nữ	Bóng đá	10	
1354	TDS.01.2058	TRẦN THỊ TỎ	NHU	17/06/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1355	TDS.01.2059	BÀNH MINH	NHỤT	09/12/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1356	TDS.01.2060	CAO MINH	NHỤT	04/04/2007	Nam	Điền kinh	5.25	
1357	TDS.01.2061	ĐẶNG MINH	NHỤT	05/10/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
1358	TDS.01.2063	LÊ MINH	NHỤT	01/01/2006	Nam	Bóng đá	5.75	
1359	TDS.01.2064	NGUYỄN LÊ LONG	NHỤT	19/09/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
1360	TDS.01.2065	NGUYỄN MINH	NHỤT	02/11/2005	Nam	Bóng đá	8.75	
1361	TDS.01.2067	NGUYỄN THANH	NHỤT	05/06/2007	Nam	Cầu lông	7.75	
1362	TDS.01.2068	PHAN MINH	NHỤT	14/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1363	TDS.01.2070	TRẦN MINH	NHỤT	15/05/2007	Nam	Cầu lông	9.0	
1364	TDS.01.2071	TRẦN MINH	NHỤT	28/03/2007	Nam	Cầu lông	9.25	
1365	TDS.01.2072	VÕ HOÀNG	NHỤT	16/02/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
1366	TDS.01.2074	NGUYỄN THỊ HOÀNG	OANH	17/05/2007	Nữ	Điền kinh	8.5	
1367	TDS.01.2076	RƠ YÔNG KA	PRIN	08/02/2007	Nam	Bóng đá	10	
1368	TDS.01.2077	NGUYỄN CHÂU	PHA	28/04/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
1369	TDS.01.2081	VÕ HỮU	PHÁP	26/07/2007	Nam	Bóng đá	10	
1370	TDS.01.2084	CAO THUẬN	PHÁT	13/09/2007	Nam	Bóng đá	4.75	

7
 RUỒN
 VI H
 JC TH
 ANH
 CHỈ

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1371	TDS.01.2085	ĐINH TIẾN	PHÁT	12/02/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1372	TDS.01.2086	ĐOÀN QUỐC	PHÁT	19/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1373	TDS.01.2087	ĐOÀN TẤN	PHÁT	30/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1374	TDS.01.2089	ĐỖ PHÚC THỊNH	PHÁT	19/10/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
1375	TDS.01.2090	ĐỖ THÀNH	PHÁT	08/05/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1376	TDS.01.2091	ĐÔNG TUẤN	PHÁT	11/10/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1377	TDS.01.2092	HÀ THỊNH	PHÁT	10/10/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1378	TDS.01.2093	HOÀNG MINH	PHÁT	30/04/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1379	TDS.01.2094	HUỖNH HẢO	PHÁT	25/04/2007	Nam	Cờ vua	10	UTXT
1380	TDS.01.2095	HUỖNH TẤN	PHÁT	07/01/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1381	TDS.01.2096	HUỖNH TẤN	PHÁT	09/03/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1382	TDS.01.2097	HUỖNH TẤN	PHÁT	22/05/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
1383	TDS.01.2099	HUỖNH VĨNH	PHÁT	30/09/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
1384	TDS.01.2100	KIỀU TẤN	PHÁT	25/07/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1385	TDS.01.2101	LÊ HUỖNH HÙNG	PHÁT	13/03/2007	Nam	Bóng rổ	5.25	
1386	TDS.01.2103	LÊ TẤN	PHÁT	21/08/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1387	TDS.01.2105	LÊ TIẾN	PHÁT	31/07/2006	Nam	Võ thuật	7.5	
1388	TDS.01.2106	LÊ VĂN	PHÁT	04/11/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1389	TDS.01.2108	LÝ TRƯỜNG	PHÁT	18/03/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1390	TDS.01.2110	NGUYỄN BẢO	PHÁT	19/11/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
1391	TDS.01.2113	NGUYỄN HUỖNH NGỌC	PHÁT	21/08/2007	Nam	Cầu lông	2.0	
1392	TDS.01.2114	NGUYỄN HƯNG	PHÁT	30/10/2006	Nam	Cầu lông	3.5	
1393	TDS.01.2115	NGUYỄN MẠNH	PHÁT	22/11/2006	Nam	Võ thuật	7.5	
1394	TDS.01.2116	NGUYỄN NGỌC	PHÁT	08/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1395	TDS.01.2117	NGUYỄN NGUYỄN	PHÁT	01/09/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
1396	TDS.01.2118	NGUYỄN PHAN HOÀNG	PHÁT	13/11/2006	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1397	TDS.01.2120	NGUYỄN TẤN	PHÁT	14/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1398	TDS.01.2121	NGUYỄN TẤN	PHÁT	17/04/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1399	TDS.01.2122	NGUYỄN TẤN	PHÁT	20/02/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
1400	TDS.01.2123	NGUYỄN TẤN	PHÁT	24/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1401	TDS.01.2124	NGUYỄN TẤN	PHÁT	25/11/2002	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1402	TDS.01.2125	NGUYỄN TẤN	PHÁT	27/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1403	TDS.01.2126	NGUYỄN TẤN	PHÁT	09/11/2007	Nam	Cầu lông	8.25	
1404	TDS.01.2128	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	17/01/2006	Nam	Võ thuật	7.5	
1405	TDS.01.2129	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	27/07/2006	Nam	Điền kinh	10	
1406	TDS.01.2130	NGUYỄN THỤY THÀNH	PHÁT	08/03/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
1407	TDS.01.2131	NGUYỄN VŨ TẤN	PHÁT	18/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1408	TDS.01.2132	PHẠM MINH	PHÁT	17/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1409	TDS.01.2133	PHẠM TOÀN	PHÁT	30/10/2007	Nam	Cầu lông	3.75	
1410	TDS.01.2134	PHAN HUY	PHÁT	19/09/2007	Nam	Cầu lông	8.0	
1411	TDS.01.2135	PHÙNG NHẬT	PHÁT	13/08/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1412	TDS.01.2136	TRẦN ANH	PHÁT	09/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1413	TDS.01.2137	TRẦN CÔNG	PHÁT	17/09/2007	Nam	Bóng đá	3.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1414	TDS.01.2138	TRẦN HÒA	PHÁT	21/09/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
1415	TDS.01.2143	VĂN CÔNG	PHÁT	05/11/2006	Nam	Bóng đá	10	
1416	TDS.01.2144	VÕ HỒNG	PHÁT	28/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
1417	TDS.01.2145	VÕ TẤN	PHÁT	22/05/2007	Nam	Cầu lông	1.5	
1418	TDS.01.2146	VÕ XUÂN	PHÁT	11/05/2007	Nam	Điện kinh	7.25	
1419	TDS.01.2147	VŨ TIẾN	PHÁT	15/08/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1420	TDS.01.2148	HỒ KHẮC TRƯƠNG	PHI	26/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1421	TDS.01.2149	LÊ ĐĂNG	PHI	09/04/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1422	TDS.01.2151	NGUYỄN ĐỨC	PHI	08/11/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1423	TDS.01.2152	NGUYỄN HOÀNG	PHI	09/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1424	TDS.01.2153	NGUYỄN THANH	PHI	13/02/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1425	TDS.01.2154	NGUYỄN THẾ	PHI	12/04/2006	Nam	Bóng đá	3.0	
1426	TDS.01.2155	NGUYỄN YẾN	PHI	02/05/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.0	
1427	TDS.01.2157	TRẦN	PHI	21/04/2003	Nam	Bơi lội	8.5	
1428	TDS.01.2160	A CƯỜNG	PHONG	03/09/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
1429	TDS.01.2162	HỒ NGUYỄN NHỰT	PHONG	24/11/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
1430	TDS.01.2163	HUỖNH THANH	PHONG	08/03/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1431	TDS.01.2164	LÊ HỒ	PHONG	20/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1432	TDS.01.2165	LÊ NHẬT	PHONG	12/11/2007	Nam	Bóng rổ	6.5	
1433	TDS.01.2166	LÊ THÁI THANH	PHONG	19/07/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1434	TDS.01.2167	LÊ THỊ THANH	PHONG	16/12/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
1435	TDS.01.2168	LƯƠNG THANH	PHONG	11/03/2007	Nam	Cầu lông	1.0	
1436	TDS.01.2169	LƯU NHỰT	PHONG	16/04/2004	Nam	Điện kinh	5.5	
1437	TDS.01.2172	NGUYỄN QUỐC HOÀI	PHONG	23/09/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1438	TDS.01.2173	NGUYỄN THANH	PHONG	13/08/2007	Nam	Thế dục	8.5	
1439	TDS.01.2175	PHAN HOÀI	PHONG	30/03/2006	Nam	Cầu lông	5.25	
1440	TDS.01.2176	TRẦN GIA	PHONG	29/08/2007	Nam	Điện kinh	6.25	
1441	TDS.01.2179	CAO MINH	PHÚ	18/03/2007	Nam	Bóng đá	10	
1442	TDS.01.2181	CHẾ ĐẠI	PHÚ	04/11/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1443	TDS.01.2183	ĐẶNG HOÀNG	PHÚ	07/11/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
1444	TDS.01.2184	HUỖNH TRIỆU	PHÚ	22/04/2004	Nam	Bóng đá	7.75	
1445	TDS.01.2185	LÂM ĐẠI	PHÚ	28/10/2007	Nam	Cầu lông	7.25	
1446	TDS.01.2187	LÊ QUỐC TIỀN	PHÚ	21/10/2007	Nam	Bắn súng	9.75	
1447	TDS.01.2188	LÊ THIÊN	PHÚ	24/08/2007	Nam	Quần vợt	9.0	
1448	TDS.01.2189	NGUYỄN ĐẠI	PHÚ	04/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1449	TDS.01.2191	NGUYỄN THANH	PHÚ	04/08/2007	Nam	Cầu lông	9.0	
1450	TDS.01.2193	NGUYỄN THIÊN	PHÚ	30/12/2007	Nam	Cầu lông	8.75	
1451	TDS.01.2194	PHẠM MINH	PHÚ	07/01/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
1452	TDS.01.2195	PHẠM QUANG	PHÚ	03/11/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1453	TDS.01.2197	SƠN NGỌC	PHÚ	26/12/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1454	TDS.01.2198	TRẦN MẠNH	PHÚ	06/11/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
1455	TDS.01.2201	TRƯƠNG HOÀNG GIA	PHÚ	14/12/2007	Nam	Cầu lông	8.0	
1456	TDS.01.2202	VÕ PHONG	PHÚ	18/09/2005	Nam	Điện kinh	7.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1457	TDS.01.2204	DƯƠNG HOÀNG	PHÚC	02/03/2007	Nam	Bơi lội	8.25	
1458	TDS.01.2206	ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	12/07/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1459	TDS.01.2208	ĐẶNG TẤN	PHÚC	16/11/2007	Nam	Cầu lông	1.0	
1460	TDS.01.2209	ĐÌNH HOÀNG	PHÚC	23/08/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1461	TDS.01.2211	ĐOÀN HỒNG	PHÚC	03/12/2006	Nam	Cầu lông	2.5	
1462	TDS.01.2212	ĐOÀN VĨNH	PHÚC	02/11/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
1463	TDS.01.2213	ĐỖ HOÀNG	PHÚC	30/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1464	TDS.01.2214	ĐỖ HUỲNH TRỌNG	PHÚC	26/06/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1465	TDS.01.2215	HOÀNG NGỌC	PHÚC	06/02/2007	Nam	Bóng rổ	7.75	
1466	TDS.01.2216	HOÀNG THIÊN	PHÚC	12/01/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1467	TDS.01.2217	HOÀNG VĂN ĐẠI	PHÚC	21/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1468	TDS.01.2218	HỒ HOÀNG	PHÚC	27/02/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
1469	TDS.01.2219	HỒ NGỌC HOÀNG	PHÚC	27/07/2007	Nam	Quần vợt	9.75	
1470	TDS.01.2220	HUỲNH VĨNH	PHÚC	22/04/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1471	TDS.01.2221	K' NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	20/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1472	TDS.01.2222	LÊ ĐOÀN ĐÔNG	PHÚC	12/10/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1473	TDS.01.2223	LÊ HOÀNG	PHÚC	10/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1474	TDS.01.2224	LÊ HUỲNH GIA	PHÚC	31/10/2007	Nam	Cầu lông	1.75	
1475	TDS.01.2226	LÊ QUANG HỒNG	PHÚC	06/10/2007	Nam	Cầu lông	2.75	
1476	TDS.01.2228	LÊ TRẦN GIA	PHÚC	18/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1477	TDS.01.2229	LÊ TRỌNG	PHÚC	06/08/2005	Nam	Bơi lội	10	UTXT
1478	TDS.01.2230	LÊ VĂN	PHÚC	01/01/2004	Nam	Bơi lội	8.75	
1479	TDS.01.2232	LIN BẢO	PHÚC	23/02/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
1480	TDS.01.2233	LƯỢNG TRỌNG	PHÚC	27/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1481	TDS.01.2236	NGÔ TRỌNG	PHÚC	25/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1482	TDS.01.2237	NGÔ VIỆT	PHÚC	27/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
1483	TDS.01.2239	NGUYỄN CHÍ	PHÚC	28/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
1484	TDS.01.2241	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	20/02/2005	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1485	TDS.01.2242	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	22/08/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1486	TDS.01.2243	NGUYỄN HOÀNG BẢO	PHÚC	19/05/2007	Nam	Cầu lông	3.75	
1487	TDS.01.2246	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	17/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
1488	TDS.01.2247	NGUYỄN HỮU	PHÚC	19/12/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
1489	TDS.01.2248	NGUYỄN KHẮC	PHÚC	13/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1490	TDS.01.2249	NGUYỄN LÊ TRỌNG	PHÚC	01/06/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
1491	TDS.01.2250	NGUYỄN MINH	PHÚC	12/04/2007	Nam	Điền kinh	8.75	
1492	TDS.01.2251	NGUYỄN PHAN MINH	PHÚC	14/07/2007	Nam	Bóng đá	10	UTXT
1493	TDS.01.2252	NGUYỄN TOÀN GIA	PHÚC	23/07/2007	Nam	Cầu lông	2.75	
1494	TDS.01.2253	NGUYỄN TUẤN	PHÚC	22/02/2007	Nam	Bóng đá	9.75	
1495	TDS.01.2254	NGUYỄN THANH	PHÚC	18/10/2007	Nam	Bơi lội	7.5	
1496	TDS.01.2257	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	10/03/2006	Nam	Bóng đá	7.75	
1497	TDS.01.2258	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	11/05/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
1498	TDS.01.2259	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	21/07/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
1499	TDS.01.2261	PHẠM GIA	PHÚC	03/08/2007	Nam	Điền kinh	6.75	



STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1500	TDS.01.2262	PHẠM TRẦN ANH	PHÚC	31/01/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1501	TDS.01.2263	TẶNG VĨNH	PHÚC	25/11/2005	Nam	Võ thuật	8.0	
1502	TDS.01.2264	TIÊU HOÀNG	PHÚC	01/10/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1503	TDS.01.2266	THÂN HOÀNG	PHÚC	21/07/2007	Nam	Thẻ dục	9.0	
1504	TDS.01.2267	TRẦN THANH	PHÚC	08/01/2007	Nam	Bóng ném	9.75	
1505	TDS.01.2269	VŨ BẢO	PHÚC	13/08/2002	Nữ	Bơi lội	1.25	
1506	TDS.01.2271	LÊ THỊ Y	PHỤNG	02/09/2006	Nữ	Bóng chuyền	8.75	
1507	TDS.01.2272	PHAN MỸ	PHỤNG	08/07/2007	Nữ	Năng khiếu chung	10	UTXT
1508	TDS.01.2273	TRẦN HỮU	PHỤNG	16/08/2006	Nam	Bóng đá	10	
1509	TDS.01.2278	LÊ HỮU	PHƯỚC	05/09/2005	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1510	TDS.01.2280	NGUYỄN ANH	PHƯỚC	25/02/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.5	
1511	TDS.01.2283	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	05/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1512	TDS.01.2285	PHẠM LÊ HỮU	PHƯỚC	23/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
1513	TDS.01.2286	PHAN KHẮC THANH	PHƯỚC	06/08/2007	Nam	Thẻ dục	8.75	
1514	TDS.01.2287	THÁI THIÊN	PHƯỚC	02/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
1515	TDS.01.2288	TRẦN HỮU	PHƯỚC	10/04/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1516	TDS.01.2289	BÙI THỊ THẢO	PHƯƠNG	16/05/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.75	
1517	TDS.01.2290	ĐỖ LÊ THÀNH	PHƯƠNG	17/11/2007	Nam	Cầu lông	7.75	
1518	TDS.01.2292	LA ĐẶNG TRÚC	PHƯƠNG	06/12/2005	Nữ	Bóng đá	9.75	
1519	TDS.01.2294	LÊ ĐÔNG	PHƯƠNG	22/03/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1520	TDS.01.2295	LƯU NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	28/07/2007	Nữ	Cầu lông	0.75	
1521	TDS.01.2296	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	01/03/2007	Nam	Bóng đá	10	
1522	TDS.01.2298	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	29/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1523	TDS.01.2299	NGUYỄN HUỲNH HÙNG	PHƯƠNG	10/09/2007	Nữ	Bóng rổ	9.25	
1524	TDS.01.2301	NGUYỄN HUỲNH TRUNG	PHƯƠNG	14/02/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1525	TDS.01.2302	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	11/01/2006	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1526	TDS.01.2304	NGUYỄN THUYỀN THANH	PHƯƠNG	11/02/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
1527	TDS.01.2305	NGUYỄN VŨ	PHƯƠNG	10/09/2007	Nam	Bóng đá	2.75	
1528	TDS.01.2306	PHẠM NGỌC HỮU	PHƯƠNG	30/01/2007	Nữ	Bóng rổ	9.0	
1529	TDS.01.2308	TRẦN VŨ MAI	PHƯƠNG	05/09/2006	Nữ	Bóng rổ	8.5	
1530	TDS.01.2310	VŨ MINH	PHƯƠNG	23/03/2006	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1531	TDS.01.2315	ĐẶNG NHỰT	QUANG	15/12/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
1532	TDS.01.2316	ĐẶNG PHÚC	QUANG	07/10/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
1533	TDS.01.2317	ĐÌNH HUY	QUANG	15/03/2000	Nam	Võ thuật	9.0	
1534	TDS.01.2318	HUỲNH NHẬT	QUANG	25/07/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
1535	TDS.01.2319	LÂM NHẬT	QUANG	24/05/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1536	TDS.01.2320	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	01/01/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
1537	TDS.01.2321	NGUYỄN ĐÌNH MINH	QUANG	03/09/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
1538	TDS.01.2322	NGUYỄN HUY	QUANG	26/08/2007	Nam	Võ thuật	6.5	
1539	TDS.01.2323	NGUYỄN MINH	QUANG	29/01/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1540	TDS.01.2326	NGUYỄN THÀNH	QUANG	23/09/2006	Nam	Bóng chuyền	9.0	
1541	TDS.01.2327	NGUYỄN THẾ	QUANG	18/10/2007	Nam	Bóng đá	10	
1542	TDS.01.2328	PHẠM DUY	QUANG	21/08/2007	Nam	Bóng đá	7.0	

HỆ
TRU
ĐẠI
DUC
THAI
HỒ C
7

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1543	TDS.01.2329	PHẠM THANH	QUANG	20/08/2007	Nam	Cầu lông	7.0	
1544	TDS.01.2331	PHẠM XUÂN	QUANG	10/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1545	TDS.01.2333	TRẦN PHƯỚC	QUANG	27/09/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
1546	TDS.01.2334	TRẦN VY	QUANG	31/07/2007	Nam	Vật - Judo	9.0	
1547	TDS.01.2335	BÙI TRUNG	QUÂN	19/10/2007	Nam	Bóng rổ	6.25	
1548	TDS.01.2337	CAO NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	20/09/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1549	TDS.01.2339	DƯƠNG HOÀI ANH	QUÂN	18/05/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
1550	TDS.01.2340	ĐẶNG HOÀI	QUÂN	17/11/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
1551	TDS.01.2341	ĐOÀN HỒNG	QUÂN	31/01/2006	Nam	Bóng đá	7.75	
1552	TDS.01.2342	ĐỖ HOÀNG	QUÂN	02/02/2006	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1553	TDS.01.2343	HẠ MINH	QUÂN	08/12/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
1554	TDS.01.2344	HÀ NGỌC MINH	QUÂN	24/10/2007	Nam	Bóng rổ	3.0	
1555	TDS.01.2345	HỒ MINH	QUÂN	15/10/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
1556	TDS.01.2346	HUỖNH LÊ	QUÂN	14/06/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1557	TDS.01.2347	LÊ ANH	QUÂN	26/10/2004	Nam	Thế dục	8.5	
1558	TDS.01.2349	NGUYỄN BÁ	QUÂN	08/08/2003	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1559	TDS.01.2351	NGUYỄN DUY	QUÂN	19/03/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1560	TDS.01.2352	NGUYỄN ĐÌNH MINH	QUÂN	19/07/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
1561	TDS.01.2353	NGUYỄN HÀ NHẬT	QUÂN	02/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
1562	TDS.01.2354	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	15/11/2007	Nam	Bóng chuyền	6.75	
1563	TDS.01.2355	NGUYỄN HỮU	QUÂN	02/02/2007	Nam	Bóng đá	2.75	
1564	TDS.01.2356	NGUYỄN MINH	QUÂN	02/06/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1565	TDS.01.2360	NGUYỄN VĂN MINH	QUÂN	03/04/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
1566	TDS.01.2362	PHẠM LA	QUÂN	28/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1567	TDS.01.2364	THẠCH MINH	QUÂN	19/05/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
1568	TDS.01.2365	THÁI TRƯƠNG MINH	QUÂN	08/10/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1569	TDS.01.2366	TRẦN MINH	QUÂN	02/01/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
1570	TDS.01.2367	TRẦN VÕ KHÁNH	QUÂN	11/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1571	TDS.01.2368	TRẦN YẾN	QUÂN	20/05/2004	Nữ	Võ thuật	8.0	
1572	TDS.01.2371	TRỊ HỮU	QUI	24/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1573	TDS.01.2373	ĐOÀN PHÚ	QUỐC	11/05/2007	Nam	Điền kinh	6.75	
1574	TDS.01.2375	HÀ MINH	QUỐC	13/04/2006	Nam	Bóng rổ	9.25	
1575	TDS.01.2376	HUỖNH PHƯỚC ANH	QUỐC	20/03/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
1576	TDS.01.2378	MAI HOÀNG KIẾN	QUỐC	24/10/2007	Nam	Quần vợt	9.0	
1577	TDS.01.2379	NGUYỄN ANH	QUỐC	17/06/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1578	TDS.01.2380	NGUYỄN THANH	QUỐC	22/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1579	TDS.01.2381	PHAN ANH	QUỐC	07/08/2005	Nam	Cầu lông	6.0	
1580	TDS.01.2383	NGUYỄN NGỌC	QUY	09/12/2007	Nam	Điền kinh	6.25	
1581	TDS.01.2384	NGUYỄN QUANG	QUY	28/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	5.25	
1582	TDS.01.2385	NGUYỄN QUỐC	QUY	18/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1583	TDS.01.2386	TRƯƠNG HOÀNG	QUY	09/05/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
1584	TDS.01.2388	LÊ MẠNH	QUÝ	20/02/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1585	TDS.01.2389	LƯU NGỌC	QUÝ	16/09/2007	Nam	Thế dục	8.75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1586	TDS.01.2391	MAI THANH	QUÝ	05/05/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1587	TDS.01.2392	NGUYỄN MINH	QUÝ	16/12/2007	Nam	Điền kinh	8.75	
1588	TDS.01.2393	NGUYỄN QUANG	QUÝ	04/03/2007	Nam	Thẻ đục	9.0	
1589	TDS.01.2396	PHẠM TIẾN	QUÝ	30/05/2005	Nam	Cầu lông	7.25	
1590	TDS.01.2397	PHAN LÊ NGỌC	QUÝ	20/04/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
1591	TDS.01.2398	THÁI THANH PHÚ	QUÝ	06/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1592	TDS.01.2399	VÕ CÔNG	QUÝ	09/04/2007	Nữ	Bóng đá	7.75	
1593	TDS.01.2401	DƯƠNG THỊ HOÀNG	QUYÊN	15/03/2007	Nữ	Bóng đá	4.5	
1594	TDS.01.2405	NGUYỄN LÊ MỸ	QUYÊN	15/04/2007	Nữ	Cờ vua	10	
1595	TDS.01.2406	NGUYỄN MINH	QUYÊN	02/06/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
1596	TDS.01.2409	TRẦN NHẬT	QUYÊN	24/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1597	TDS.01.2410	ĐOÀN THỊ NGỌC	QUYÊN	05/09/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1598	TDS.01.2413	BÙI MINH	QUỖNH	16/02/2007	Nam	Điền kinh	8.5	
1599	TDS.01.2415	ĐỖ THANH	QUỖNH	31/03/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1600	TDS.01.2416	HÀ HOÀNG BẢO	QUỖNH	16/09/2007	Nữ	Bóng đá	6.5	
1601	TDS.01.2419	LÊ VĂN	QUỖNH	03/02/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1602	TDS.01.2420	NGUYỄN LÊ ĐÌNH	QUỖNH	03/06/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
1603	TDS.01.2422	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỖNH	07/04/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.0	
1604	TDS.01.2423	PHẠM NHƯ	QUỖNH	30/12/2007	Nữ	Bóng đá	10	
1605	TDS.01.2424	TRẦN NHƯ	QUỖNH	12/10/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
1606	TDS.01.2425	TRƯƠNG TIÊU	QUỖNH	17/12/2007	Nữ	Võ thuật	9.5	
1607	TDS.01.2426	VÕ NGỌC NHƯ	QUỖNH	09/02/2007	Nữ	Bóng đá	10	UTXT
1608	TDS.01.2431	KRÃ JÃN BÊ	RY	27/02/2007	Nữ	Năng khiếu chung	5.25	
1609	TDS.01.2435	DƯƠNG THANH	SANG	21/03/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1610	TDS.01.2436	ĐỖ NGỌC	SANG	08/07/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
1611	TDS.01.2437	LÊ ĐẶNG HOÀNG	SANG	17/10/2007	Nam	Bơi lội	8.25	
1612	TDS.01.2439	LÊ PHƯỚC	SANG	06/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.5	
1613	TDS.01.2441	LÊ THANH	SANG	27/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1614	TDS.01.2442	NGUYỄN ANH	SANG	12/01/2007	Nam	Điền kinh	10	UTXT
1615	TDS.01.2444	NGUYỄN TÂN	SANG	01/07/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
1616	TDS.01.2445	NGUYỄN TUẤN	SANG	26/01/2006	Nam	Bóng đá	6.5	
1617	TDS.01.2447	NGUYỄN XUÂN	SANG	08/03/2006	Nam	Bóng đá	3.25	
1618	TDS.01.2448	PHẠM PHÚC	SANG	02/12/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1619	TDS.01.2449	PHÙNG THANH	SANG	20/07/2005	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1620	TDS.01.2450	TRẦN MINH	SANG	23/01/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
1621	TDS.01.2451	TRẦN QUỐC	SANG	08/10/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
1622	TDS.01.2453	TRẦN THỊ SANG	SANG	19/06/2007	Nữ	Năng khiếu chung	5.5	
1623	TDS.01.2456	NGUYỄN CẢNH	SÁNG	09/01/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1624	TDS.01.2459	TRẦN PHÚC	SÁNG	15/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
1625	TDS.01.2460	VÕ MINH	SÁNG	17/06/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
1626	TDS.01.2461	NGUYỄN VĂN	SẮC	06/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1627	TDS.01.2462	LÊ VĂN	SÂM	02/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
1628	TDS.01.2463	NGUYỄN VĂN	SÂM	09/09/2007	Nam	Điền kinh	7.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1629	TDS.01.2464	BÙI K'	SIÊU	20/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1630	TDS.01.2465	BẠCH NGỌC HẢI	SƠN	01/01/2002	Nam	Cờ vua	9.75	
1631	TDS.01.2467	BÙI NGUYỄN THANH	SƠN	08/09/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
1632	TDS.01.2471	HUỖNH HỒNG	SƠN	24/01/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1633	TDS.01.2472	LÊ THANH	SƠN	01/02/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1634	TDS.01.2474	NGÔ NGUYỄN GIANG	SƠN	07/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
1635	TDS.01.2476	NGUYỄN DUY	SƠN	02/12/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
1636	TDS.01.2479	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	19/01/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1637	TDS.01.2482	NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG	SƠN	21/04/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
1638	TDS.01.2483	NGUYỄN LÂM	SƠN	25/06/2007	Nam	Bóng rổ	6.0	
1639	TDS.01.2484	NGUYỄN LÊ	SƠN	21/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1640	TDS.01.2486	NGUYỄN THIÊN	SƠN	24/02/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
1641	TDS.01.2487	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	09/04/2005	Nam	Bóng đá	10	
1642	TDS.01.2489	PHẠM HOÀNG	SƠN	09/04/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
1643	TDS.01.2490	PHAN VŨ HOÀNG	SƠN	23/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
1644	TDS.01.2492	TRẦN MINH	SƠN	08/04/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
1645	TDS.01.2494	TRẦN THANH	SƠN	17/05/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
1646	TDS.01.2497		SUIH	27/01/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
1647	TDS.01.2498	PHẠM NGUYỄN SANG	SUNG	19/05/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
1648	TDS.01.2499	TRẦN QUANG	SUNG	02/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1649	TDS.01.2500	K'	SUYL	23/03/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1650	TDS.01.2501	PHAN THANH	SỬ	17/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.25	
1651	TDS.01.2503	LÀI THỂ	SƯƠNG	13/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1652	TDS.01.2504	NGUYỄN THU	SƯƠNG	25/05/2025	Nữ	Năng khiếu chung	6.25	
1653	TDS.01.2506	BÙI HỮU	TÀI	06/10/2006	Nam	Điền kinh	9.5	
1654	TDS.01.2507	CAO ĐỨC	TÀI	12/09/2006	Nam	Cầu lông	2.5	
1655	TDS.01.2508	ĐẶNG NHẬT	TÀI	20/06/2007	Nam	Bóng chuyền	6.75	
1656	TDS.01.2509	ĐẶNG VĂN	TÀI	07/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1657	TDS.01.2511	HOÀNG ĐỨC	TÀI	23/01/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1658	TDS.01.2512	HOÀNG HỮU	TÀI	30/07/2006	Nam	Cầu lông	4.75	
1659	TDS.01.2513	HOÀNG LÊ XUÂN	TÀI	17/08/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1660	TDS.01.2514	HỒ ĐĂNG	TÀI	21/12/2006	Nam	Bắn súng	9.5	
1661	TDS.01.2515	HUỖNH TẤN	TÀI	17/05/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
1662	TDS.01.2516	KIM TẤN	TÀI	11/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1663	TDS.01.2519	LÊ MINH	TÀI	28/06/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1664	TDS.01.2520	LÊ TẤN	TÀI	01/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1665	TDS.01.2521	LÊ THỂ	TÀI	24/10/2007	Nam	Điền kinh	4.0	
1666	TDS.01.2522	LÊ TRUNG	TÀI	30/04/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1667	TDS.01.2523	NGÔ ANH	TÀI	08/06/2007	Nam	Bóng đá	10	UTXT
1668	TDS.01.2526	NGUYỄN HỮU	TÀI	03/12/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1669	TDS.01.2528	NGUYỄN LÊ BÁ	TÀI	23/08/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1670	TDS.01.2529	NGUYỄN MẠNH	TÀI	19/05/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
1671	TDS.01.2531	NGUYỄN TẤN	TÀI	05/07/2007	Nam	Cầu lông	7.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1672	TDS.01.2533	NGUYỄN TÂN	TÀI	27/04/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
1673	TDS.01.2534	NGUYỄN THÀNH	TÀI	06/08/2007	Nam	Cầu lông	7.25	
1674	TDS.01.2536	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	TÀI	31/05/2005	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
1675	TDS.01.2538	PHẠM TÂN	TÀI	07/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1676	TDS.01.2539	PHẠM THANH	TÀI	25/07/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
1677	TDS.01.2540	TRẦN ANH	TÀI	13/12/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
1678	TDS.01.2541	TRẦN CHÍ	TÀI	28/03/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1679	TDS.01.2542	TRẦN QUỐC	TÀI	12/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
1680	TDS.01.2543	HUỲNH THANH	TẠO	16/03/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1681	TDS.01.2547	KHÚC MINH	TÂM	30/05/2007	Nam	Cầu lông	2.5	
1682	TDS.01.2548	KHUU TRÍ	TÂM	18/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1683	TDS.01.2549	LA CẨM	TÂM	04/12/2007	Nữ	Bóng đá	4.5	
1684	TDS.01.2551	NGUYỄN LAI THÀNH	TÂM	25/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1685	TDS.01.2552	NGUYỄN MINH	TÂM	26/07/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1686	TDS.01.2553	NGUYỄN MỸ	TÂM	12/11/2007	Nữ	Bơi lội	8.0	
1687	TDS.01.2554	NGUYỄN QUANG	TÂM	29/08/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1688	TDS.01.2556	NGUYỄN THANH	TÂM	01/01/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1689	TDS.01.2557	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TÂM	09/09/2007	Nữ	Thể dục	9.0	
1690	TDS.01.2558	NGUYỄN VŨ THÁI	TÂM	19/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1691	TDS.01.2559	PHẠM NGỌC MINH	TÂM	11/11/2007	Nữ	Bơi lội	9.0	
1692	TDS.01.2560	PHẠM TRẦN NHẬT	TÂM	04/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1693	TDS.01.2561	PHAN HÙNG	TÂM	08/04/2007	Nam	Bóng rổ	4.5	
1694	TDS.01.2563	THẠCH PHƯỚC	TÂM	01/01/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1695	TDS.01.2565	TRẦN THỤY KIỀU	TÂM	27/11/2007	Nữ	Bóng rổ	10	
1696	TDS.01.2566	TRẦN TRƯỜNG	TÂM	22/10/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
1697	TDS.01.2567	HOÀNG THỊ	TÂM	11/01/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1698	TDS.01.2569	LÊ NHẬT	TÂN	05/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1699	TDS.01.2571	NGÔ DUY	TÂN	19/04/2007	Nam	Thể dục	8.5	
1700	TDS.01.2576	NGUYỄN THANH	TÂN	22/12/2007	Nam	Cầu lông	7.25	
1701	TDS.01.2577	NGUYỄN VĂN	TÂN	27/09/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
1702	TDS.01.2579	QUÁCH DUY	TÂN	27/10/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1703	TDS.01.2580	QUẢNG HOÀNG NHẬT	TÂN	24/10/2007	Nam	Bóng rổ	7.5	
1704	TDS.01.2581	TRẦN THỊ THU	TÂN	11/12/2007	Nữ	Cầu lông	8.25	
1705	TDS.01.2583	VÕ DUY	TÂN	30/06/2007	Nam	Cầu lông	2.5	
1706	TDS.01.2584	VÕ MINH	TÂN	26/11/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
1707	TDS.01.2585	DANH TRƯƠNG	TÂN	22/09/2006	Nam	Quần vợt	9.5	
1708	TDS.01.2586	LÂM HOÀNG	TÂN	11/12/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1709	TDS.01.2588	LÝ VĂN	TÂN	13/01/2006	Nam	Bóng đá	8.5	
1710	TDS.01.2589	NGUYỄN MẠNH	TÂN	06/09/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
1711	TDS.01.2590	NGUYỄN PHÚ	TÂN	28/01/2007	Nam	Cầu lông	4.0	
1712	TDS.01.2592	NGUYỄN	TÁT	02/04/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1713	TDS.01.2593	HUỲNH NGỌC THỦY	TIỀN	16/12/2007	Nữ	Cầu lông	2.5	
1714	TDS.01.2594	LA CẨM	TIỀN	04/12/2007	Nữ	Bóng đá	6.75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1715	TDS.01.2595	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	22/01/2004	Nữ	Điền kinh	4.5	
1716	TDS.01.2596	PHAN TRUNG	TIỀN	05/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1717	TDS.01.2603	BÙI MINH	TIỀN	02/08/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1718	TDS.01.2604	CAO ĐỨC	TIỀN	09/11/2007	Nam	Bóng rổ	5.0	
1719	TDS.01.2606	DANH MINH	TIỀN	14/04/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
1720	TDS.01.2607	DƯƠNG CÔNG	TIỀN	15/07/2005	Nam	Quần vợt	9.0	
1721	TDS.01.2610	ĐỖ VĂN	TIỀN	06/04/2006	Nam	Bóng đá	9.5	
1722	TDS.01.2612	HỒ THÀNH	TIỀN	13/04/2002	Nam	Bóng đá	5.25	
1723	TDS.01.2613	HUỖNH NGỌC	TIỀN	10/07/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1724	TDS.01.2614	HUỖNH NGUYỄN MINH	TIỀN	25/02/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
1725	TDS.01.2615	LÊ ĐĂNG	TIỀN	19/11/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1726	TDS.01.2620	NGUYỄN	TIỀN	24/02/2007	Nam	Bóng rổ	6.5	
1727	TDS.01.2622	NGUYỄN ĐỨC	TIỀN	06/07/2007	Nam	Cờ vua	9.25	
1728	TDS.01.2624	NGUYỄN LÝ MINH	TIỀN	01/01/2007	Nam	Cầu lông	9.75	
1729	TDS.01.2627	NGUYỄN QUỐC	TIỀN	26/02/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1730	TDS.01.2628	NGUYỄN THANH	TIỀN	07/02/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1731	TDS.01.2629	NGUYỄN TRẦN KIM	TIỀN	17/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1732	TDS.01.2631	PHẠM MINH	TIỀN	18/06/2007	Nam	Bóng rổ	5.0	
1733	TDS.01.2632	PHẠM TÂN	TIỀN	20/10/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
1734	TDS.01.2633	PHAN VÕ THANH	TIỀN	20/07/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
1735	TDS.01.2634	TẠ HỒ ĐỨC	TIỀN	24/12/2007	Nam	Điền kinh	6.5	
1736	TDS.01.2636	TRẦN MINH	TIỀN	18/05/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1737	TDS.01.2638	TRẦN THÀNH	TIỀN	14/01/2006	Nam	Bóng chuyền	9.0	
1738	TDS.01.2639	TRẦN THẾ	TIỀN	31/05/2007	Nam	Bóng đá	10	
1739	TDS.01.2641	VÕ VĂN	TIỀN	10/02/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1740	TDS.01.2643	TÔ NGUYỄN MINH	TIẾNG	30/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1741	TDS.01.2644	ĐẶNG VÕ MINH	TIẾP	22/11/2007	Nam	Cầu lông	4.25	
1742	TDS.01.2645	LỖ MU HA MAR	TÍN	10/10/2007	Nam	Điền kinh	9.25	
1743	TDS.01.2646	NGUYỄN BẢO	TÍN	28/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1744	TDS.01.2649	NGUYỄN ANH	TÍN	30/07/2007	Nam	Điền kinh	7.25	
1745	TDS.01.2651	NGUYỄN NHẬT	TÍN	06/02/2006	Nam	Bóng đá	9.75	
1746	TDS.01.2652	NGUYỄN QUỐC TRUNG	TÍN	22/12/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
1747	TDS.01.2653	NGUYỄN TRUNG	TÍN	29/08/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1748	TDS.01.2655	TRẦN HIẾU	TÍN	20/01/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
1749	TDS.01.2657	TRẦN TRỌNG	TÍN	11/10/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1750	TDS.01.2658	BÙI CHÍ	TÌNH	17/12/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1751	TDS.01.2659	ĐOÀN CHÍ	TÌNH	09/01/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
1752	TDS.01.2660	HUỖNH VĂN	TÌNH	31/03/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
1753	TDS.01.2662	LÊ HỮU	TÌNH	27/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1754	TDS.01.2663	PHẠM MINH	TÌNH	01/01/2003	Nam	Bóng đá	8.75	
1755	TDS.01.2665	HUỖNH TRỌNG	TÍNH	03/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1756	TDS.01.2667	NGUYỄN BÙI ĐẮC	TÍNH	25/03/2007	Nam	Bơi lội	7.5	
1757	TDS.01.2669	PHẠM THÁI	TÍNH	05/11/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1758	TDS.01.2671	ÂU DƯƠNG TRÍ	TOÀN	27/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1759	TDS.01.2672	DANH THANH	TOÀN	18/01/2006	Nam	Điền kinh	10	UTXT
1760	TDS.01.2673	NGUYỄN HỮU	TOÀN	08/10/2004	Nam	Cầu lông	4.5	
1761	TDS.01.2674	NGUYỄN THÁI	TOÀN	21/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
1762	TDS.01.2675	NGUYỄN TRỌNG	TOÀN	06/10/2007	Nam	Bóng đá	2.75	
1763	TDS.01.2676	NGUYỄN TRUNG	TOÀN	03/11/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
1764	TDS.01.2678	PHẠM BẢO	TOÀN	07/10/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
1765	TDS.01.2679	PHẠM VŨ ĐỨC	TOÀN	23/07/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
1766	TDS.01.2680	SỖ PHÁT CHU	TOÀN	24/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
1767	TDS.01.2681	TRẦN MINH	TOÀN	01/06/2006	Nam	Bóng đá	5.75	
1768	TDS.01.2682	TRƯƠNG THIÊN	TOÀN	19/09/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1769	TDS.01.2683	VĂN TRÍ	TOÀN	04/04/2007	Nam	Bóng rổ	10	
1770	TDS.01.2684	VÕ QUỐC	TOÀN	24/01/2007	Nam	Điền kinh	9.0	
1771	TDS.01.2685	VÕ THÁI	TOÀN	22/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
1772	TDS.01.2687	DƯƠNG	TÔN	04/01/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1773	TDS.01.2688	TẠ TIẾN	TÔN	07/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
1774	TDS.01.2689	THÁI LÊ XUÂN	TÔNG	26/06/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
1775	TDS.01.2690	NGUYỄN NGỌC	TỐT	05/04/2006	Nam	Bóng đá	8.0	
1776	TDS.01.2691	BÙI MINH	TÚ	29/07/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1777	TDS.01.2693	CAO NGUYỄN MINH	TÚ	25/10/2007	Nam	Bơi lội	8.5	
1778	TDS.01.2695	HOÀNG ANH	TÚ	14/10/2002	Nam	Bóng rổ	10	
1779	TDS.01.2696	HOÀNG TUẤN	TÚ	07/12/2007	Nam	Bóng chuyền	9.25	
1780	TDS.01.2697	HUỲNH THÁI	TÚ	15/08/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1781	TDS.01.2698	HUỲNH VĂN THÁI	TÚ	11/02/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1782	TDS.01.2699	K TUẤN	TÚ	12/02/2007	Nam	Bóng đá	10	
1783	TDS.01.2700	LẠI VŨ NGỌC	TÚ	07/11/2007	Nam	Điền kinh	8.25	
1784	TDS.01.2703	NGUYỄN ANH	TÚ	10/05/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1785	TDS.01.2704	NGUYỄN ANH	TÚ	11/08/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1786	TDS.01.2705	NGUYỄN THANH	TÚ	19/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
1787	TDS.01.2707	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	23/08/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.25	
1788	TDS.01.2709	PHẠM TUẤN	TÚ	04/10/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
1789	TDS.01.2710	TRẦN HUỲNH ANH	TÚ	04/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1790	TDS.01.2711	TRẦN MINH	TÚ	30/09/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1791	TDS.01.2712	VÕ NGỌC CẨM	TÚ	16/04/2007	Nữ	Võ thuật	7.5	
1792	TDS.01.2715	BÙI PHAN ANH	TUẤN	30/05/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
1793	TDS.01.2716	BÙI VĂN	TUẤN	19/04/2007	Nam	Cầu lông	3.5	
1794	TDS.01.2719	CAO NGUYỄN MINH	TUẤN	25/10/2007	Nam	Bơi lội	9.0	
1795	TDS.01.2720	DƯƠNG ANH	TUẤN	20/06/2007	Nam	Bóng đá	9.5	
1796	TDS.01.2723	ĐIỀU KHỨC ANH	TUẤN	15/03/2006	Nam	Bóng đá	5.5	
1797	TDS.01.2724	ĐỖ MAI ANH	TUẤN	05/12/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
1798	TDS.01.2726	HOÀNG ANH	TUẤN	05/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1799	TDS.01.2727	HOÀNG MINH	TUẤN	23/11/2007	Nam	Bơi lội	9.0	
1800	TDS.01.2729	LÊ ĐÌNH NHƯ	TUẤN	27/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1801	TDS.01.2730	LÊ KHẮC HOÀNG	TUẤN	05/01/2007	Nam	Cờ vua	10	
1802	TDS.01.2731	NGÔ QUỐC	TUẤN	09/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1803	TDS.01.2733	NGUYỄN ANH	TUẤN	08/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1804	TDS.01.2734	NGUYỄN DUY ANH	TUẤN	07/11/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1805	TDS.01.2735	NGUYỄN ĐÌNH ANH	TUẤN	30/06/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
1806	TDS.01.2738	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	23/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
1807	TDS.01.2739	NGUYỄN LÊ ANH	TUẤN	17/02/2007	Nam	Bóng rổ	3.0	
1808	TDS.01.2740	NGUYỄN MINH	TUẤN	01/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
1809	TDS.01.2741	NGUYỄN MINH	TUẤN	04/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1810	TDS.01.2743	NGUYỄN PHÚC	TUẤN	28/03/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
1811	TDS.01.2744	NGUYỄN THANH	TUẤN	24/02/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
1812	TDS.01.2745	PHẠM LƯƠNG QUANG	TUẤN	03/02/2007	Nam	Điền kinh	9.25	
1813	TDS.01.2746	PHẠM VÕ QUỐC	TUẤN	19/11/2002	Nam	Bóng đá	8.75	
1814	TDS.01.2747	PHAN THANH	TUẤN	20/01/2007	Nam	Điền kinh	8.5	
1815	TDS.01.2748	TÔ HỮU ANH	TUẤN	04/05/2007	Nam	Cầu lông	3.75	
1816	TDS.01.2749	TỔNG HOÀNG ANH	TUẤN	01/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1817	TDS.01.2750	THÁI ANH	TUẤN	10/06/2007	Nam	Bóng chuyền	6.25	
1818	TDS.01.2751	TRẦN ĐỨC	TUẤN	24/06/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1819	TDS.01.2753	TRỊNH ĐÌNH ANH	TUẤN	22/10/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
1820	TDS.01.2754	TRƯƠNG ANH	TUẤN	27/01/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
1821	TDS.01.2756	VÕ THANH	TUẤN	02/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1822	TDS.01.2757	VÕ THANH	TUẤN	09/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.0	
1823	TDS.01.2758	VÕ VĂN	TUẤN	23/02/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1824	TDS.01.2762	NGUYỄN ANH	TÙNG	26/03/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1825	TDS.01.2763	NGUYỄN SƠN	TÙNG	20/09/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
1826	TDS.01.2764	NGUYỄN THANH	TÙNG	17/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1827	TDS.01.2765	NGUYỄN THANH	TÙNG	20/02/2007	Nam	Cầu lông	7.5	
1828	TDS.01.2766	NGUYỄN THANH	TÙNG	27/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.5	
1829	TDS.01.2767	NGUYỄN TRẦN BÁ	TÙNG	17/03/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1830	TDS.01.2768	TRẦN THANH	TÙNG	31/07/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1831	TDS.01.2769	TRỊNH QUANG	TÙNG	23/10/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1832	TDS.01.2770	VÕ MINH	TÙNG	30/07/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1833	TDS.01.2771	ĐẶNG THỊ BÍCH	TUYỀN	28/02/2006	Nữ	Võ thuật	9.0	
1834	TDS.01.2773	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	TUYỀN	26/03/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.5	
1835	TDS.01.2774	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	12/09/2007	Nữ	Bóng chuyền	6.25	
1836	TDS.01.2776	TRẦN THANH	TUYỀN	06/08/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1837	TDS.01.2779	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	31/01/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1838	TDS.01.2782	HUỖNH BÁ	TƯỚNG	03/11/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
1839	TDS.01.2784	CHÂU CHÍ	TƯỚNG	04/05/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
1840	TDS.01.2785	CHU MẠNH	TƯỚNG	04/09/2007	Nam	Bóng chuyền	6.0	
1841	TDS.01.2787	LÊ THỊ CÁT	TƯỚNG	29/01/2007	Nữ	Bóng đá	9.5	
1842	TDS.01.2788	NGUYỄN VĂN	TƯỚNG	27/04/1997	Nam	Bơi lội	9.5	
1843	TDS.01.2789	NGUYỄN VĨNH	TƯỚNG	05/10/2007	Nam	Võ thuật	8.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1844	TDS.01.2790	PHAN THỊ CẨM	TƯỜNG	06/10/2007	Nữ	Bóng bàn	10	
1845	TDS.01.2791	TRẦN MINH	TƯỜNG	03/06/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1846	TDS.01.2793	TRẦN VĨNH	TƯỜNG	06/12/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1847	TDS.01.2795	CHĂM MÃI KỖ	TY	27/11/2007	Nam	Bóng đá	9.5	
1848	TDS.01.2796	ĐỖ ĐỨC	TỶ	01/10/2007	Nam	Cầu lông	9.5	
1849	TDS.01.2798	TRƯƠNG MINH	TỶ	21/04/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
1850	TDS.01.2799	LIÊNG JRANG JU NA	THA	24/08/2007	Nam	Bóng đá	10	
1851	TDS.01.2800	LÊ HOÀNG	THẠCH	14/09/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
1852	TDS.01.2801	BÙI QUỐC	THÁI	14/05/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
1853	TDS.01.2802	CAO XUÂN	THÁI	04/05/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
1854	TDS.01.2803	CHUNG HUỖNH	THÁI	19/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1855	TDS.01.2806	HUỖNH NGUYỄN MINH	THÁI	23/05/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
1856	TDS.01.2807	LÊ ANH	THÁI	17/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
1857	TDS.01.2808	LÊ KHANG	THÁI	11/06/2007	Nam	Cầu lông	9.0	
1858	TDS.01.2810	MAI QUỐC	THÁI	16/08/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1859	TDS.01.2812	NGUYỄN HOÀNG DUY	THÁI	04/11/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1860	TDS.01.2813	NGUYỄN HUỖNH QUỐC	THÁI	01/03/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1861	TDS.01.2816	PHAN ĐÌNH	THÁI	23/06/2007	Nam	Bóng đá	10	
1862	TDS.01.2820	TRƯƠNG HOÀNG	THÁI	28/04/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
1863	TDS.01.2821	VÕ NGUYỄN	THÁI	05/09/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
1864	TDS.01.2824	LỤC THẢO	THANH	28/06/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1865	TDS.01.2825	LÝ NGỌC	THANH	14/06/2007	Nam	Bóng chuyền	6.25	
1866	TDS.01.2828	NGUYỄN BÁ	THANH	11/11/2007	Nam	Bóng đá	9.5	
1867	TDS.01.2829	NGUYỄN NGỌC MINH	THANH	28/02/2007	Nam	Bóng chuyền	6.0	
1868	TDS.01.2833	TRẦN NHẬT	THANH	22/08/2007	Nam	Điền kinh	9.0	
1869	TDS.01.2835	TRẦN VĂN	THANH	11/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1870	TDS.01.2837	VÕ HOÀNG	THANH	05/02/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1871	TDS.01.2840	ĐÀO KHÁNH	THÀNH	02/11/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
1872	TDS.01.2842	ĐÌNH CHÍ	THÀNH	26/02/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1873	TDS.01.2843	HÀ MINH	THÀNH	28/03/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1874	TDS.01.2845	HUỖNH PHẠM CÔNG	THÀNH	29/07/2007	Nam	Bóng rổ	7.0	
1875	TDS.01.2846	HUỖNH PHÚC	THÀNH	16/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
1876	TDS.01.2847	LÂM BẢO	THÀNH	04/02/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1877	TDS.01.2848	LÊ MINH	THÀNH	02/10/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1878	TDS.01.2851	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	19/01/2003	Nam	Bóng rổ	9.5	
1879	TDS.01.2852	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	31/10/2007	Nam	Bóng đá	2.0	
1880	TDS.01.2853	NGUYỄN HOÀNG	THÀNH	25/10/2007	Nam	Cầu lông	6.0	
1881	TDS.01.2854	NGUYỄN HUY	THÀNH	10/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1882	TDS.01.2856	NGUYỄN LÊ ĐẠI	THÀNH	14/01/2007	Nam	Bóng rổ	9.5	
1883	TDS.01.2857	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	09/12/2006	Nam	Bóng chuyền	10	UTXT
1884	TDS.01.2858	NGUYỄN TẤN	THÀNH	19/10/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1885	TDS.01.2862	NGUYỄN TUẤN	THÀNH	24/06/2006	Nam	Bóng đá	5.0	
1886	TDS.01.2863	NGUYỄN TRỌNG	THÀNH	01/08/2007	Nam	Thể dục	9.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1887	TDS.01.2864	PHAN NGỌC	THÀNH	12/02/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.0	
1888	TDS.01.2865	PHAN NGUYỄN DUY	THÀNH	13/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1889	TDS.01.2866	TỬ CHÍ	THÀNH	23/08/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1890	TDS.01.2867	TRẦN DANH TRÍ	THÀNH	18/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1891	TDS.01.2869	TRẦN VĂN PHƯỚC	THÀNH	12/04/2006	Nam	Bóng đá	6.75	
1892	TDS.01.2870	VÕ HOÀNG	THÀNH	16/04/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1893	TDS.01.2871	VÕ LÊ TẤN	THÀNH	13/10/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
1894	TDS.01.2872	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	03/01/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1895	TDS.01.2874	NGUYỄN HỮU	THẢO	29/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1896	TDS.01.2875	NGUYỄN NGỌC	THẢO	16/08/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
1897	TDS.01.2876	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	06/12/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.25	
1898	TDS.01.2877	NGUYỄN VĂN	THẢO	25/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1899	TDS.01.2880	PHẠM THỦY XUÂN	THẢO	11/05/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1900	TDS.01.2881	TRẦN THỊ NGỌC	THẢO	19/11/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
1901	TDS.01.2882	VÕ VĂN	THẢO	18/01/2006	Nam	Võ thuật	8.0	
1902	TDS.01.2884	LÊ PHƯƠNG HỒNG	THẨM	21/12/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.25	
1903	TDS.01.2886	TRẦN ĐỨC	THẮNG	02/02/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
1904	TDS.01.2887	CHÂU NGỌC	THẮNG	17/12/2006	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
1905	TDS.01.2888	DƯƠNG LÊ HIẾU	THẮNG	17/11/2003	Nam	Cầu lông	4.0	
1906	TDS.01.2889	HÀ QUANG	THẮNG	24/05/2006	Nam	Bóng đá	6.5	
1907	TDS.01.2890	HOA TẮT	THẮNG	07/04/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1908	TDS.01.2891	HỒ TRẦN	THẮNG	19/02/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1909	TDS.01.2892	KIM NGỌC	THẮNG	12/12/2006	Nam	Bóng đá	3.75	
1910	TDS.01.2893	LÊ ĐỨC	THẮNG	11/04/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
1911	TDS.01.2894	LÊ HUỲNH QUỐC	THẮNG	09/09/2007	Nam	Cầu lông	5.5	
1912	TDS.01.2895	LÊ MINH	THẮNG	29/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1913	TDS.01.2896	LÊ NGỌC	THẮNG	22/11/2006	Nam	Bóng đá	8.5	
1914	TDS.01.2897	NGÔ QUỐC	THẮNG	24/02/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
1915	TDS.01.2898	NGUYỄN CÔNG	THẮNG	10/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
1916	TDS.01.2902	NGUYỄN THÀNH	THẮNG	13/10/2006	Nam	Bóng đá	4.75	
1917	TDS.01.2903	NGUYỄN TRỌNG	THẮNG	01/06/2006	Nam	Bóng đá	6.5	
1918	TDS.01.2904	PHẠM	THẮNG	15/09/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1919	TDS.01.2908	SƠN QUÁCH NGUYỄN	THẨM	27/09/2007	Nam	Bóng đá	9.5	
1920	TDS.01.2909	TRẦN VĂN	THẬT	08/04/2006	Nam	Điền kinh	9.75	
1921	TDS.01.2910	ĐỖ MINH	THẾ	06/10/2007	Nam	Điền kinh	4.5	
1922	TDS.01.2911	NGUYỄN QUANG	THẾ	21/01/2007	Nam	Bóng đá	10	
1923	TDS.01.2912	PHẠM HOÀNG DANH	THẾ	30/10/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
1924	TDS.01.2917	LÊ NGỌC QUỐC	THIÊN	22/12/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1925	TDS.01.2918	LÊ VŨ KHẮC	THIÊN	09/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1926	TDS.01.2919	NGUYỄN NHẬT	THIÊN	18/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	5.0	
1927	TDS.01.2920	TRẦN NGUYỄN Ý	THIÊN	05/03/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1928	TDS.01.2921	TRẦN THANH	THIÊN	29/06/2007	Nam	Bóng rổ	5.75	
1929	TDS.01.2922	TRỊNH CHÍ	THIÊN	17/11/2006	Nam	Bóng chuyền	8.25	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1930	TDS.01.2923	DƯƠNG THÁI	THIỆN	18/05/2006	Nam	Điền kinh	5.0	
1931	TDS.01.2925	HUỖNH CHÍ	THIỆN	28/02/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1932	TDS.01.2926	HUỖNH MINH	THIỆN	16/01/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1933	TDS.01.2931	LÝ	THIỆN	11/05/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1934	TDS.01.2932	MAI CHÍ	THIỆN	08/08/2006	Nam	Bóng đá	10	
1935	TDS.01.2933	NGÔ PHƯỚC	THIỆN	19/10/2004	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1936	TDS.01.2934	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	04/07/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1937	TDS.01.2935	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	25/08/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1938	TDS.01.2936	NGUYỄN HOÀNG	THIỆN	06/04/2007	Nam	Cầu lông	7.25	
1939	TDS.01.2937	NGUYỄN HOÀNG	THIỆN	10/10/2004	Nam	Võ thuật	8.0	
1940	TDS.01.2938	NGUYỄN HUỖNH MINH	THIỆN	18/05/2006	Nam	Bóng rổ	5.5	
1941	TDS.01.2939	NGUYỄN HƯNG NGỌC	THIỆN	18/01/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
1942	TDS.01.2940	NGUYỄN HỮU	THIỆN	15/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1943	TDS.01.2941	NGUYỄN HỮU	THIỆN	17/06/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
1944	TDS.01.2943	NGUYỄN MINH	THIỆN	27/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
1945	TDS.01.2945	NGUYỄN THANH	THIỆN	19/05/2006	Nam	Bóng chuyền	6.75	
1946	TDS.01.2946	NGUYỄN THANH	THIỆN	29/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1947	TDS.01.2947	NGUYỄN THẾ	THIỆN	07/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.75	
1948	TDS.01.2949	NGUYỄN VĂN	THIỆN	06/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
1949	TDS.01.2950	PHẠM QUANG	THIỆN	21/07/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1950	TDS.01.2952	TRẦN HOÀN PHÚC	THIỆN	15/02/2006	Nam	Bóng chuyền	7.25	
1951	TDS.01.2953	TRẦN LÂM	THIỆN	12/04/2007	Nam	Cầu lông	8.75	
1952	TDS.01.2954	VÕ TRẦN PHƯỚC	THIỆN	21/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
1953	TDS.01.2955	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	26/02/2004	Nam	Điền kinh	10	
1954	TDS.01.2956	BẠCH GIA	THỊNH	18/02/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
1955	TDS.01.2957	CAO HỮU	THỊNH	10/01/2007	Nam	Boi lội	9.25	
1956	TDS.01.2958	ĐẶNG NGUYỄN PHÚ	THỊNH	09/07/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
1957	TDS.01.2959	ĐOÀN BÁ	THỊNH	10/02/2007	Nam	Bắn súng	9.25	
1958	TDS.01.2962	HOÀNG MINH	THỊNH	04/09/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
1959	TDS.01.2963	HUỖNH MINH QUỐC	THỊNH	06/04/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1960	TDS.01.2966	LÊ TRƯỜNG	THỊNH	09/08/2007	Nam	Cầu lông	3.75	
1961	TDS.01.2967	LƯU DUY	THỊNH	13/05/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
1962	TDS.01.2968	LƯU ĐỨC	THỊNH	04/06/2007	Nam	Cầu lông	9.25	
1963	TDS.01.2969	LƯU TRẦN QUỐC	THỊNH	18/06/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
1964	TDS.01.2972	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	01/01/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
1965	TDS.01.2974	NGUYỄN DUY	THỊNH	14/12/2006	Nam	Điền kinh	9.25	
1966	TDS.01.2975	NGUYỄN ĐẶNG HỮU	THỊNH	12/01/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
1967	TDS.01.2976	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	05/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1968	TDS.01.2977	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	20/09/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
1969	TDS.01.2978	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	15/10/2006	Nam	Bóng chuyền	6.5	
1970	TDS.01.2980	NGUYỄN MAI HOÀNG	THỊNH	16/01/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
1971	TDS.01.2981	NGUYỄN NGỌC QUỐC	THỊNH	09/05/2007	Nam	Bóng đá	10	
1972	TDS.01.2983	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	03/03/2007	Nam	Bóng đá	6.25	

THẺ
TR
ĐA
IẾ DƯ
THA
HỒ
g

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
1973	TDS.01.2984	NGUYỄN QUỐC DUY	THỊNH	13/09/2007	Nam	Bóng rổ	8.75	
1974	TDS.01.2986	NGUYỄN TỬ HOÀI	THỊNH	18/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
1975	TDS.01.2987	NGUYỄN TRÍ	THỊNH	15/01/2007	Nam	Cờ vua	10	
1976	TDS.01.2988	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	01/09/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
1977	TDS.01.2989	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	15/07/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
1978	TDS.01.2990	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	22/07/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1979	TDS.01.2991	PHẠM PHÚ	THỊNH	18/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.5	
1980	TDS.01.2992	PHAN LÊ QUỐC	THỊNH	10/12/2006	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
1981	TDS.01.2993	THẠCH HOÀNG	THỊNH	09/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1982	TDS.01.2994	TRẦN HÙNG	THỊNH	14/09/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1983	TDS.01.2995	TRẦN NGUYỄN GIA	THỊNH	27/03/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
1984	TDS.01.2996	TRẦN QUỐC	THỊNH	13/02/2007	Nam	Bóng đá	4.0	
1985	TDS.01.3000	VÕ MINH	THỊNH	18/09/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
1986	TDS.01.3001	VÕ VƯƠNG	THỊNH	16/05/2004	Nam	Bóng rổ	9.75	
1987	TDS.01.3002	LÊ ĐỨC	THỌ	18/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
1988	TDS.01.3003	NGÔ MINH	THỌ	29/04/2007	Nam	Võ thuật	6.0	
1989	TDS.01.3004	NGUYỄN ĐOÀN ĐỒNG	THỌ	21/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.0	
1990	TDS.01.3006	PHAN NGUYỄN PHƯỚC	THỌ	23/03/2005	Nam	Bóng đá	2.0	
1991	TDS.01.3010	HUỖNH MINH	THÔNG	03/04/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1992	TDS.01.3011	NGUYỄN DUY	THÔNG	04/05/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
1993	TDS.01.3012	NGUYỄN ĐÌNH	THÔNG	24/10/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
1994	TDS.01.3013	NGUYỄN THÁI	THÔNG	09/09/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
1995	TDS.01.3014	HOÀNG THỊ ANH	THƠ	05/09/2007	Nữ	Bóng đá	7.25	
1996	TDS.01.3015	NGUYỄN NGỌC	THƠ	18/06/2007	Nữ	Năng khiếu chung	4.75	
1997	TDS.01.3016	TRẦN THỊ ANH	THƠ	02/12/2007	Nữ	Điện kinh	7.25	
1998	TDS.01.3017	TẠ THỊ THANH	THƠM	22/06/2005	Nữ	Bóng chuyền	8.75	
1999	TDS.01.3019	TRẦN ANH	THU	26/09/2006	Nữ	Năng khiếu chung	5.75	
2000	TDS.01.3020	TRẦN THỊ HOÀI	THU	16/08/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.5	
2001	TDS.01.3022	DANH MINH	THUẬN	01/02/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
2002	TDS.01.3024	LÊ HOÀNG PHÚC	THUẬN	23/08/2006	Nam	Cầu lông	9.25	
2003	TDS.01.3025	LÊ MINH	THUẬN	02/09/2006	Nam	Bóng đá	8.0	
2004	TDS.01.3026	LÊ TRUNG	THUẬN	18/11/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
2005	TDS.01.3027	NGÔ GIA	THUẬN	26/09/2007	Nam	Bóng đá	7.75	
2006	TDS.01.3028	NGUYỄN HỮU	THUẬN	23/03/2007	Nam	Bóng đá	10	
2007	TDS.01.3029	NGUYỄN MINH	THUẬN	22/02/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
2008	TDS.01.3031	PHAN HIẾU	THUẬN	26/09/2007	Nam	Bóng đá	10	
2009	TDS.01.3032	PHAN MINH	THUẬN	19/01/2007	Nam	Bóng đá	10	
2010	TDS.01.3033	PHAN TRỌNG	THUẬN	17/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2011	TDS.01.3034	TÔNG NGUYỄN MINH	THUẬN	26/08/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
2012	TDS.01.3036	TRẦN MINH	THUẬN	16/10/2007	Nữ	Cầu lông	6.75	
2013	TDS.01.3037	TRẦN MINH	THUẬN	24/09/2006	Nam	Điện kinh	10	
2014	TDS.01.3038	TRẦN NGUYỄN QUỐC	THUẬN	08/06/2007	Nam	Cầu lông	9.25	
2015	TDS.01.3039	TRẦN VĂN	THUẬN	14/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2016	TDS.01.3040	TRƯƠNG HOÀNG MINH	THUẬN	11/05/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2017	TDS.01.3042	VÕ HÙNG	THUẬN	04/09/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
2018	TDS.01.3045	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÙY	25/04/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
2019	TDS.01.3046	PHAN TRƯƠNG MINH	THÙY	11/11/2007	Nữ	Bóng đá	8.75	
2020	TDS.01.3047	VŨ THANH	THÙY	28/04/2007	Nữ	Bóng bàn	9.25	
2021	TDS.01.3048	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	05/04/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.25	
2022	TDS.01.3049	VÕ THỊ THU	THÙY	29/08/2007	Nữ	Thể dục	10	UTXT
2023	TDS.01.3052	DANH THỊ	THÚY	16/05/2007	Nữ	Điền kinh	10	UTXT
2024	TDS.01.3053	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THÚY	10/11/2007	Nữ	Thể dục	10	UTXT
2025	TDS.01.3055	HỒ HẢI	THỤY	20/12/2004	Nam	Bóng đá	9.0	
2026	TDS.01.3056	THÁI VĨNH	THỤY	30/09/2002	Nam	Bóng rổ	7.75	
2027	TDS.01.3058	LÊ THỊ KIM	THUYỀN	25/08/2007	Nữ	Bóng đá	4.75	
2028	TDS.01.3059	HUỲNH TRẦN ANH	THƯ	04/05/2005	Nữ	Năng khiếu chung	5.25	
2029	TDS.01.3060	LÊ ANH	THƯ	22/05/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
2030	TDS.01.3062	NGÔ QUỲNH ANH	THƯ	18/05/2006	Nữ	Cầu lông	3.75	
2031	TDS.01.3064	NGUYỄN ANH	THƯ	31/07/2006	Nữ	Võ thuật	6.0	
2032	TDS.01.3065	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	23/01/2007	Nữ	Bóng đá	10	
2033	TDS.01.3070	NGUYỄN VÕ ANH	THƯ	16/11/2007	Nữ	Cầu lông	5.0	
2034	TDS.01.3071	PHẠM ANH	THƯ	09/07/2007	Nữ	Bóng rổ	8.25	
2035	TDS.01.3074	LƯU BÁ	THỨC	11/11/2007	Nam	Bóng chuyền	6.25	
2036	TDS.01.3076	TRẦN VĂN	THỨC	17/05/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
2037	TDS.01.3077	VŨ LÊ	THỨC	25/10/1998	Nam	Quần vợt	9.25	
2038	TDS.01.3079	HOÀNG KIM	THƯƠNG	16/01/2007	Nữ	Bóng bàn	9.0	
2039	TDS.01.3081	NGUYỄN ĐỨC CÔNG	THƯƠNG	05/11/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2040	TDS.01.3082	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	13/03/2004	Nam	Quần vợt	9.75	
2041	TDS.01.3083	NGUYỄN THỊ KIM	THƯƠNG	30/01/2007	Nữ	Năng khiếu chung	5.75	
2042	TDS.01.3084	TRẦN HẠT	THƯƠNG	15/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2043	TDS.01.3085	VÕ DUY	THƯƠNG	08/03/2006	Nam	Bóng chuyền	7.25	
2044	TDS.01.3086	BÙI ĐỖ MINH	THƯỜNG	12/06/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
2045	TDS.01.3087	NGUYỄN PHÚ	THƯỜNG	23/03/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
2046	TDS.01.3088	PHẠM MINH	THƯỜNG	31/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.25	
2047	TDS.01.3089	LÊ NGUYỄN BẢO	THY	16/10/2007	Nữ	Bóng chuyền	6.75	
2048	TDS.01.3090	LÊ TỬ DIỆP	THY	20/02/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
2049	TDS.01.3091	NGUYỄN LÊ BẢO	THY	21/08/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2050	TDS.01.3092	NGUYỄN THỊ BẢO	THY	23/10/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.25	
2051	TDS.01.3094	PHAN HOÀNG PHƯƠNG	THY	11/05/2007	Nữ	Cầu lông	8.25	
2052	TDS.01.3097	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	04/07/2007	Nữ	Cầu lông	7.5	
2053	TDS.01.3100	ĐÌNH THỊ HUYỀN	TRANG	02/11/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
2054	TDS.01.3101	LÊ THỊ THUỶ	TRANG	28/11/2007	Nữ	Bóng đá	10	
2055	TDS.01.3102	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	05/08/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.0	
2056	TDS.01.3104	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	20/10/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
2057	TDS.01.3106	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	08/09/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.25	
2058	TDS.01.3107	TRẦN NGỌC THẢO	TRANG	19/05/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2059	TDS.01.3108	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	10/02/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2060	TDS.01.3110	VÕ TUYẾT MAI	TRANG	16/04/2007	Nữ	Năng khiếu chung	5.25	
2061	TDS.01.3111	VÕ THỊ NGUYỄN	TRANG	30/09/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.25	
2062	TDS.01.3112	BÙI NGỌC	TRÂM	24/11/2007	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2063	TDS.01.3114	HUỖNH	TRÂM	16/09/2007	Nữ	Điện kinh	5.5	
2064	TDS.01.3116	PHAN THỊ NGỌC	TRÂM	28/10/2007	Nữ	Võ thuật	7.0	
2065	TDS.01.3120	VÕ THỊ YÊN	TRÂM	30/03/2007	Nữ	Võ thuật	7.0	
2066	TDS.01.3122	HUỖNH BẢO	TRÂN	01/10/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
2067	TDS.01.3124	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	17/03/2007	Nữ	Năng khiếu chung	4.75	
2068	TDS.01.3125	NGUYỄN HUỖNH BẢO	TRÂN	03/08/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
2069	TDS.01.3126	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	24/11/2007	Nữ	Năng khiếu chung	4.75	
2070	TDS.01.3127	NGUYỄN NGỌC QUÊ	TRÂN	08/07/2007	Nữ	Bóng đá	3.25	
2071	TDS.01.3128	NGUYỄN NHÃ	TRÂN	21/09/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.5	
2072	TDS.01.3129	NGUYỄN PHAN HOÀI	TRÂN	21/07/2007	Nữ	Bóng đá	5.0	
2073	TDS.01.3130	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂN	20/09/2007	Nữ	Bóng đá	4.75	
2074	TDS.01.3133	BÙI ĐÌNH	TRÍ	13/04/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
2075	TDS.01.3135	ĐOÀN DUY MINH	TRÍ	31/07/2007	Nam	Cầu lông	6.5	
2076	TDS.01.3139	LÊ	TRÍ	29/05/2006	Nam	Cầu lông	9.25	
2077	TDS.01.3140	LÊ HUỖNH QUANG	TRÍ	26/11/2006	Nam	Bóng đá	3.0	
2078	TDS.01.3143	NGUYỄN HUỖNH ĐỨC	TRÍ	05/05/2007	Nam	Bóng đá	10	
2079	TDS.01.3144	NGUYỄN HỮU ĐỨC	TRÍ	22/01/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
2080	TDS.01.3145	NGUYỄN LÂM	TRÍ	01/06/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
2081	TDS.01.3146	NGUYỄN MINH	TRÍ	07/10/2007	Nam	Bóng đá	4.75	
2082	TDS.01.3148	NGUYỄN MINH	TRÍ	16/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
2083	TDS.01.3149	NGUYỄN MINH	TRÍ	19/09/2006	Nam	Bóng chuyền	8.5	
2084	TDS.01.3150	NGUYỄN MINH	TRÍ	20/05/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
2085	TDS.01.3152	NGUYỄN MINH	TRÍ	30/10/2006	Nam	Cầu lông	6.0	
2086	TDS.01.3153	NGUYỄN QUANG	TRÍ	18/08/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
2087	TDS.01.3154	NGUYỄN QUỐC	TRÍ	24/09/2007	Nam	Bóng đá	2.5	
2088	TDS.01.3155	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	14/11/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
2089	TDS.01.3156	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	24/01/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
2090	TDS.01.3157	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	26/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.5	
2091	TDS.01.3158	PHẠM CAO	TRÍ	16/03/2003	Nam	Bóng rổ	9.75	
2092	TDS.01.3161	PHẠM MINH	TRÍ	20/10/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
2093	TDS.01.3162	TRẦN TRÍ	ĐỨC	21/12/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
2094	TDS.01.3163	TRẦN MINH	TRÍ	31/10/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
2095	TDS.01.3164	VÕ THIÊN	TRÍ	20/01/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
2096	TDS.01.3165	KHÁU KIẾN	TRIÊN	24/10/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
2097	TDS.01.3166	LÊ CAO	TRIÊN	13/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
2098	TDS.01.3168	LÊ MINH	TRIẾT	21/11/2007	Nam	Cầu lông	5.0	
2099	TDS.01.3169	LÊ MINH	TRIẾT	23/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
2100	TDS.01.3170	NGUYỄN MINH	TRIẾT	04/05/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
2101	TDS.01.3172	NGUYỄN MINH	TRIẾT	27/09/2007	Nam	Võ thuật	9.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2102	TDS.01.3173	PHẠM MINH	TRIẾT	16/10/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
2103	TDS.01.3174	VÕ PHẠM MINH	TRIẾT	09/04/2006	Nam	Võ thuật	6.0	
2104	TDS.01.3175	HOÀNG HẢI	TRIỀU	31/10/2006	Nam	Võ thuật	7.5	
2105	TDS.01.3176	NGUYỄN ĐĂNG HẢI	TRIỀU	17/07/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
2106	TDS.01.3177	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	TRIỀU	02/06/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
2107	TDS.01.3178	NGUYỄN QUỐC	TRIỀU	28/08/2007	Nam	Cầu lông	8.75	
2108	TDS.01.3179	NGUYỄN THỊ ĐOAN BÍCH	TRIỀU	21/11/2004	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2109	TDS.01.3180	BẠCH QUỐC	TRIỀU	13/10/2007	Nam	Điền kinh	8.25	
2110	TDS.01.3182	PHẠM NGUYỄN NGỌC	TRIỀU	08/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
2111	TDS.01.3185	ĐỖ THỊ NGỌC	TRINH	26/03/2005	Nữ	Bơi lội	10	UTXT
2112	TDS.01.3186	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	TRINH	03/04/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2113	TDS.01.3187	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	29/10/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
2114	TDS.01.3188	VÕ MAI BẢO	TRINH	22/08/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.25	
2115	TDS.01.3191	CAO HỮU	TRỌNG	16/01/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
2116	TDS.01.3192	LÊ THANH	TRỌNG	07/04/2006	Nam	Bóng đá	6.0	
2117	TDS.01.3193	LÊ VĂN	TRỌNG	30/09/2007	Nam	Điền kinh	6.5	
2118	TDS.01.3194	MAI ĐỨC	TRỌNG	12/10/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
2119	TDS.01.3197	NGUYỄN LÊ PHÚ	TRỌNG	21/04/2007	Nam	Điền kinh	8.75	
2120	TDS.01.3198	NGUYỄN MINH	TRỌNG	03/05/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
2121	TDS.01.3199	NGUYỄN PHAN HỮU	TRỌNG	08/10/2007	Nam	Điền kinh	4.75	
2122	TDS.01.3200	NGUYỄN PHÚ	TRỌNG	17/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.5	
2123	TDS.01.3201	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	16/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
2124	TDS.01.3202	VÕ XUÂN	TRỌNG	23/09/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
2125	TDS.01.3204	MAI NGỌC NHƯ	TRÚC	28/06/2006	Nữ	Bơi lội	10	UTXT
2126	TDS.01.3205	NGUYỄN NGỌC THANH	TRÚC	14/04/2006	Nữ	Bóng đá	8.0	
2127	TDS.01.3207	NGUYỄN TRẦN THUY	TRÚC	12/04/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
2128	TDS.01.3208	TRỊNH THỊ THANH	TRÚC	24/02/2006	Nữ	Bóng đá	9.5	
2129	TDS.01.3210	BÙI NGUYỄN CÔNG	TRUNG	04/04/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
2130	TDS.01.3211	CÔ NHẬT	TRUNG	20/04/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
2131	TDS.01.3212	ĐÀM MINH	TRUNG	03/12/2007	Nam	Năng khiếu chung	6.25	
2132	TDS.01.3214	ĐINH NGUYỄN MINH	TRUNG	29/09/2007	Nam	Cờ vua	9.75	
2133	TDS.01.3217	LÊ VĂN	TRUNG	25/08/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
2134	TDS.01.3218	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	17/07/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2135	TDS.01.3219	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	18/05/2006	Nam	Điền kinh	7.25	
2136	TDS.01.3220	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	24/06/2005	Nam	Bóng đá	7.0	
2137	TDS.01.3221	PHẠM HOÀNG	TRUNG	26/02/2006	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2138	TDS.01.3224	PHAN VĂN	TRUNG	21/04/2006	Nam	Bóng đá	5.5	
2139	TDS.01.3225	PHÙNG ĐỨC	TRUNG	25/03/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
2140	TDS.01.3226	TRIỀU QUANG	TRUNG	14/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2141	TDS.01.3227	TRÌNH MINH	TRUNG	09/03/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
2142	TDS.01.3228	TRỊNH NGUYỄN THÀNH	TRUNG	14/09/2006	Nam	Bóng chuyền	8.0	
2143	TDS.01.3229	VÕ THIÊN	TRUNG	11/08/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
2144	TDS.01.3230	VŨ QUỐC	TRUNG	10/01/2006	Nam	Bóng đá	6.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2145	TDS.01.3231	NGUYỄN MINH	TRỰC	14/12/2007	Nam	Bơi lội	9.0	
2146	TDS.01.3232	PHAN VĂN	TRƯỜNG	08/10/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
2147	TDS.01.3233	TRẦN ÁNH AN	TRƯỜNG	14/11/2007	Nam	Bóng rổ	7.0	
2148	TDS.01.3234	CAO THANH	TRƯỜNG	22/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.75	
2149	TDS.01.3237	HUỖNH LÊ NGỌC	TRƯỜNG	01/06/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
2150	TDS.01.3238	LẠI THẾ	TRƯỜNG	20/05/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
2151	TDS.01.3240	LÊ THÁI NHẬT	TRƯỜNG	17/05/2007	Nam	Cầu lông	6.75	
2152	TDS.01.3243	NGUYỄN LÊ NHẬT	TRƯỜNG	23/10/2007	Nam	Bóng chuyền	6.25	
2153	TDS.01.3245	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	11/02/2007	Nam	Bóng đá	3.5	
2154	TDS.01.3246	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	28/09/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
2155	TDS.01.3247	NGUYỄN VÕ QUANG	TRƯỜNG	26/10/2007	Nam	Cầu lông	4.75	
2156	TDS.01.3249	THÁI NHẬT	TRƯỜNG	08/12/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
2157	TDS.01.3250	TRẦN NHỰT	TRƯỜNG	07/06/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
2158	TDS.01.3251	TRẦN NHỰT HỮU	TRƯỜNG	20/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.75	
2159	TDS.01.3252	TRẦN THIÊN	TRƯỜNG	14/06/2007	Nam	Cầu lông	5.25	
2160	TDS.01.3253	TRƯƠNG NHẬT	TRƯỜNG	09/11/2004	Nam	Bóng đá	5.0	
2161	TDS.01.3254	VÕ THIÊN	TRƯỜNG	16/11/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
2162	TDS.01.3255	VÕ PHƯỚC	TRƯỜNG	20/09/2007	Nam	Điền kinh	7.0	
2163	TDS.01.3256	LÊ VĂN	ÚT	23/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
2164	TDS.01.3257	ĐỖ THỊ HỒNG	UYÊN	29/05/2007	Nữ	Võ thuật	7.5	
2165	TDS.01.3258	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	03/04/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2166	TDS.01.3259	NGUYỄN THU	UYÊN	02/05/2007	Nữ	Điền kinh	7.75	
2167	TDS.01.3261	CHÂU HOÀI	VĂN	02/10/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
2168	TDS.01.3262	HUỖNH VỸ	VĂN	14/12/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
2169	TDS.01.3263	NGUYỄN KIỀU YẾN	VĂN	15/03/2007	Nữ	Thể dục	10	UTXT
2170	TDS.01.3264	TRẦN QUỐC	VĂN	25/02/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
2171	TDS.01.3265	TRƯƠNG KIẾN	VĂN	10/12/2007	Nam	Bóng đá	3.75	
2172	TDS.01.3266	TRƯƠNG MINH	VĂN	01/11/2006	Nam	Bóng chuyền	7.0	
2173	TDS.01.3267	LÊ ĐỖ THANH	VĂN	28/07/2004	Nữ	Năng khiếu chung	4.0	
2174	TDS.01.3268	NGHIÊM THỊ THU	VĂN	10/10/2007	Nữ	Bóng chuyền	7.75	
2175	TDS.01.3271	NGUYỄN THỊ YẾN	VĂN	05/03/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
2176	TDS.01.3272	TÔ HẢI	VĂN	26/01/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
2177	TDS.01.3273	ĐỖ HÒA	VĂN	15/11/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
2178	TDS.01.3274	PHẠM THỊ	VỆ	24/09/2007	Nữ	Điền kinh	8.25	
2179	TDS.01.3275	TRẦN ĐẠI	VỆ	24/02/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
2180	TDS.01.3276	DƯƠNG THUÝ	VI	29/05/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.0	
2181	TDS.01.3281	DƯƠNG CHÍ	VĨ	22/07/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.0	
2182	TDS.01.3286	TRẦN QUANG	VĨ	15/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.0	
2183	TDS.01.3291	ĐỖ DUY	VIỆT	15/03/2004	Nam	Cầu lông	5.0	
2184	TDS.01.3292	HOÀNG QUỐC	VIỆT	21/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
2185	TDS.01.3294	LÊ ANH QUỐC	VIỆT	12/03/2003	Nam	Bóng đá	10	
2186	TDS.01.3295	LÊ KIỀU QUỐC	VIỆT	15/05/2007	Nam	Cầu lông	9.0	
2187	TDS.01.3296	LÊ TRẦN QUỐC	VIỆT	08/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	

THI Đ. D. TH. H. / 9

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2188	TDS.01.3297	LƯU HỒ QUỐC	VIỆT	18/11/2007	Nam	Võ thuật	8.0	
2189	TDS.01.3298	MAI PHẠM THANH	VIỆT	07/10/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
2190	TDS.01.3299	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	13/04/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2191	TDS.01.3301	NGUYỄN TIẾN	VIỆT	12/01/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
2192	TDS.01.3302	THẠCH THANH	VIỆT	01/06/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
2193	TDS.01.3303	TRẦN QUỐC	VIỆT	13/04/2007	Nam	Bóng đá	5.0	
2194	TDS.01.3305	VĂN QUỐC	VIỆT	31/07/2007	Nam	Võ thuật	9.0	
2195	TDS.01.3307	BÙI QUANG	VINH	20/02/2007	Nam	Cầu lông	7.5	
2196	TDS.01.3311	HUỲNH PHƯỚC	VINH	01/01/2007	Nam	Bóng rổ	9.25	
2197	TDS.01.3312	LÊ	VINH	24/06/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
2198	TDS.01.3313	NGÔ QUANG	VINH	27/12/2005	Nam	Bóng bàn	9.25	
2199	TDS.01.3314	NGÔ THANH	VINH	12/09/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
2200	TDS.01.3315	NGUYỄN CÔNG	VINH	01/03/2007	Nam	Bóng đá	10	
2201	TDS.01.3316	NGUYỄN HUỲNH PHÚC	VINH	18/08/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
2202	TDS.01.3318	NGUYỄN PHÚ	VINH	22/05/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
2203	TDS.01.3320	NGUYỄN QUANG	VINH	16/12/2003	Nam	Bóng đá	5.25	
2204	TDS.01.3321	NGUYỄN QUANG	VINH	20/10/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
2205	TDS.01.3322	NGUYỄN THÀNH	VINH	25/12/2006	Nam	Cầu lông	6.25	
2206	TDS.01.3323	NGUYỄN TRẦN THẾ	VINH	05/02/2007	Nam	Bơi lội	8.25	
2207	TDS.01.3324	PHẠM ĐÌNH	VINH	27/10/2007	Nam	Bóng đá	5.25	
2208	TDS.01.3325	PHAN NGUYỄN	VINH	23/07/2006	Nam	Điền kinh	8.75	
2209	TDS.01.3327	TÔ ĐỨC THẾ	VINH	12/09/2006	Nam	Bóng đá	6.75	
2210	TDS.01.3328	THẠCH QUANG	VINH	28/03/2007	Nam	Điền kinh	8.0	
2211	TDS.01.3330	TRẦN	VINH	21/07/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
2212	TDS.01.3332	TRẦN QUỐC	VINH	23/05/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
2213	TDS.01.3333	TRIỆU PHÚ	VINH	13/08/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2214	TDS.01.3334	VÕ ĐỨC	VINH	17/11/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
2215	TDS.01.3337	HOÀNG ANH	VŨ	13/02/2006	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2216	TDS.01.3338	HỒ THANH	VŨ	17/10/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
2217	TDS.01.3339	HUỲNH PHI	VŨ	21/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2218	TDS.01.3341	LÊ TUẤN	VŨ	23/07/2006	Nam	Cầu lông	5.75	
2219	TDS.01.3342	LÊ THANH	VŨ	06/12/2006	Nam	Bóng đá	8.25	
2220	TDS.01.3344	NGÔ HOÀNG	VŨ	08/09/2005	Nam	Cầu lông	9.75	
2221	TDS.01.3345	NGUYỄN HOÀNG ANH	VŨ	21/01/2006	Nam	Bóng đá	8.25	
2222	TDS.01.3346	NGUYỄN TUẤN	VŨ	30/10/2007	Nam	Bóng chuyền	9.0	
2223	TDS.01.3348	PHẠM LÊ HOÀNG	VŨ	27/11/2007	Nam	Cầu lông	8.0	
2224	TDS.01.3350	TRẦN HOÀNG	VŨ	09/07/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
2225	TDS.01.3352	TRẦN VĂN HOÀNG	VŨ	19/12/2007	Nam	Bóng rổ	9.25	
2226	TDS.01.3353	TRỊNH HOÀNG	VŨ	30/12/2007	Nam	Võ thuật	7.5	
2227	TDS.01.3355	VY THANH	VŨ	13/06/2007	Nam	Bóng đá	7.0	
2228	TDS.01.3359	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	03/03/2007	Nam	Bóng đá	10	
2229	TDS.01.3360	NGUYỄN TUẤN	VƯƠNG	13/10/2004	Nam	Bóng đá	8.75	
2230	TDS.01.3361	VÕ THỊ THANH	VƯƠNG	02/01/2007	Nữ	Bóng đá	9.75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2231	TDS.01.3363	BÙI THANH	VY	22/10/2007	Nữ	Võ thuật	9.0	
2232	TDS.01.3364	BÙI THỊ THẢO	VY	20/03/2006	Nữ	Võ thuật	9.5	
2233	TDS.01.3366	CHIẾNG TIỂU	VY	30/09/2007	Nữ	Cầu lông	9.25	
2234	TDS.01.3367	ĐẶNG LÊ NHẬT	VY	16/07/2007	Nữ	Năng khiếu chung	7.75	
2235	TDS.01.3368	ĐOÀN DIỆU KHÁNH	VY	15/05/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
2236	TDS.01.3372	LÊ NGỌC YẾN	VY	06/02/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.0	
2237	TDS.01.3373	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	25/12/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
2238	TDS.01.3375	LÊ THUÝ	VY	29/11/2007	Nữ	Năng khiếu chung	5.75	
2239	TDS.01.3376	LÝ KHẢ	VY	25/08/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.25	
2240	TDS.01.3378	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	VY	20/12/2007	Nữ	Cầu lông	8.75	
2241	TDS.01.3380	NGUYỄN THỊ KHÁNH	VY	18/07/2007	Nữ	Võ thuật	8.0	
2242	TDS.01.3381	NGUYỄN THỊ NGỌC	VY	16/02/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.0	
2243	TDS.01.3382	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	VY	02/06/2007	Nữ	Bơi lội	10	UTXT
2244	TDS.01.3385	NGUYỄN TRẦN THANH	VY	19/01/2007	Nữ	Bóng rổ	9.25	
2245	TDS.01.3386	PHẠM ĐỖ TƯỜNG	VY	08/07/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.25	
2246	TDS.01.3387	PHẠM THỊ KIỀU	VY	20/02/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.0	
2247	TDS.01.3388	PHÙNG LÊ YẾN	VY	08/04/2007	Nữ	Cầu lông	9.25	
2248	TDS.01.3389	TẠ NGỌC	VY	19/04/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
2249	TDS.01.3392	TRẦN NGỌC THUÝ	VY	08/10/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
2250	TDS.01.3393	TRẦN THỊ HẠ	VY	15/11/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.5	
2251	TDS.01.3394	TRẦN THỊ LAN	VY	29/08/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.75	
2252	TDS.01.3396	TRƯƠNG TRUNG	VY	25/10/2007	Nam	Bóng đá	6.0	
2253	TDS.01.3397	DƯƠNG CHÍ	VY	17/09/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
2254	TDS.01.3398	HUỖNH CHÍ	VY	11/01/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
2255	TDS.01.3400	LÊ QUANG	VY	11/04/2007	Nam	Bóng chuyền	6.5	
2256	TDS.01.3401	LÊ VĂN	VY	04/12/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2257	TDS.01.3402	NGUYỄN GIA	VY	29/01/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
2258	TDS.01.3403	NGUYỄN THÁI	VY	19/10/2006	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2259	TDS.01.3404	PHAN HỒNG	VY	26/06/2006	Nam	Bóng đá	7.75	
2260	TDS.01.3405	TRẦN HÙNG	VY	31/01/2007	Nam	Bóng đá	6.25	
2261	TDS.01.3407	TRẦN TRỌNG	WIN	01/08/2007	Nam	Bơi lội	9.25	
2262	TDS.01.3409	TRẦN ÁNH	XUÂN	28/11/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
2263	TDS.01.3412	CAO HOÀNG NHƯ	Ý	16/01/2007	Nữ	Bóng chuyền	9.25	
2264	TDS.01.3414	NGUYỄN NHÃ	Ý	09/03/2007	Nữ	Điện kinh	10	UTXT
2265	TDS.01.3415	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	28/11/2007	Nữ	Bóng đá	9.5	
2266	TDS.01.3418	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	04/04/2007	Nữ	Bóng chuyền	8.5	
2267	TDS.01.3420	ĐOÀN HẢI	YẾN	05/03/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
2268	TDS.01.3422	LÊ HOÀNG PHI	YẾN	11/07/2006	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2269	TDS.01.3426	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	29/10/2007	Nữ	Cầu lông	7.75	
2270	TDS.01.3429	VÕ THỊ KIM	YẾN	12/03/2005	Nữ	Võ thuật	10	UTXT
2271	TDS.01.3431	CAO NGUYỄN VIỆT	TRỌNG	28/11/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
2272	TDS.01.3432	TRẦN MINH	TƯỜNG	01/01/2007	Nam	Bơi lội	9.5	
2273	TDS.01.3433	BÙI NHẬT GIA	KHÔI	10/02/2006	Nam	Bóng rổ	9.0	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2274	TDS.01.3434	TRƯƠNG VIỆT	HÙNG	20/09/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2275	TDS.01.3435	ĐẶNG VÕ ANH	KHOA	26/05/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
2276	TDS.01.3436	HUỖNH TẤN	ĐẠT	27/08/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
2277	TDS.01.3437	VŨ THU	HIỀN	17/12/2007	Nữ	Võ thuật	8.5	
2278	TDS.01.3438	PHẠM QUỐC	MINH	10/12/2007	Nam	Cầu lông	5.75	
2279	TDS.01.3439	ĐỖ ĐÌNH	ĐỨC	09/06/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
2280	TDS.01.3440	PHẠM PHÚ	TRỌNG	18/03/2007	Nam	Năng khiếu chung	7.5	
2281	TDS.01.3441	LÂM AN	THỊNH	14/08/2007	Nam	Bóng đá	4.5	
2282	TDS.01.3442	NGUYỄN CHẤN	KHANH	10/03/2007	Nam	Bóng đá	6.5	
2283	TDS.01.3443	HỒ QUỐC	VŨ	22/09/2007	Nam	Bóng đá	9.75	
2284	TDS.01.3444	LÊ NGỌC	NHI	13/08/2007	Nữ	Võ thuật	9.5	
2285	TDS.01.3445	VÕ ĐÌNH	HIẾU	10/12/2006	Nam	Điền kinh	7.25	
2286	TDS.01.3446	PHAN HỮU THẾ	ANH	28/03/2007	Nam	Bóng đá	3.0	
2287	TDS.01.3447	PHẠM VĂN	QUANG	22/04/2003	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2288	TDS.01.3448	PHẠM THÁI	SƠN	16/11/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
2289	TDS.01.3449	TRẦN LÊ	HUY	01/12/2007	Nam	Bóng rổ	10	UTXT
2290	TDS.01.3450	HÀ GIA	HUY	28/10/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
2291	TDS.01.3451	LÊ TRUNG	QUÂN	03/02/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
2292	TDS.01.3452	TRẦN KHẮC	TÍNH	01/10/2007	Nam	Bơi lội	9.25	
2293	TDS.01.3453	LÂM VĂN	LŨY	26/10/2006	Nam	Cầu lông	5.75	
2294	TDS.01.3454	NGÔ THANH	PHONG	12/03/2007	Nam	Bơi lội	8.75	
2295	TDS.01.3455	NGUYỄN DUY	KHANG	05/11/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
2296	TDS.01.3456	PHẠM ĐĂNG	QUÝ	07/03/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
2297	TDS.01.3457	NGUYỄN THANH	PHONG	14/12/2007	Nam	Bóng đá	9.25	
2298	TDS.01.3458	ĐẶNG VIỆT	KHANG	01/02/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
2299	TDS.01.3460	PHẠM QUỐC	ĐẠI	28/02/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
2300	TDS.01.3461	NGUYỄN THANH	HIỀN	28/04/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
2301	TDS.01.3462	MAI CÔ QUỐC	KHÁNH	02/09/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
2302	TDS.01.3463	NGUYỄN CHÂU MINH	THÀNH	07/08/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.75	
2303	TDS.01.3464	HỒ TƯỜNG	ÂN	13/12/2004	Nam	Võ thuật	9.5	
2304	TDS.01.3465	LÊ SỸ NHẬT	HÀO	01/10/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
2305	TDS.01.3466	TRẦN THẾ	ANH	21/01/2007	Nam	Bóng đá	3.25	
2306	TDS.01.3467	DIỆP ĐẠI	NGUYỄN	29/05/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
2307	TDS.01.3468	NGUYỄN BẢO	LONG	25/10/2007	Nam	Điền kinh	9.5	
2308	TDS.01.3469	TRẦN NHỰT	LINH	18/08/2006	Nam	Bóng đá	10	UTXT
2309	TDS.01.3470	NGUYỄN THANH	BÌNH	16/10/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
2310	TDS.01.3471	NGUYỄN KHẮC	VINH	26/07/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
2311	TDS.01.3472	NGUYỄN CAO DUY	BẢO	12/02/2006	Nam	Bóng đá	8.5	
2312	TDS.01.3474	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	20/08/2007	Nam	Võ thuật	8.5	
2313	TDS.01.3475	HÀ NGUYỄN	CHẤN	13/11/2007	Nam	Bóng đá	4.25	
2314	TDS.01.3476	ĐOÀN CÔNG	ĐẠT	06/09/2002	Nam	Võ thuật	9.0	
2315	TDS.01.3477	LÊ XUÂN	HẢI	02/09/2007	Nam	Năng khiếu chung	9.5	
2316	TDS.01.3478	TRẦN ĐỨC	QUÝ	01/01/2007	Nam	Bóng đá	7.75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2317	TDS.01.3479	NGUYỄN NHẬT	ANH	17/02/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
2318	TDS.01.3480	NGŨ THÀNH	HOÀNG	05/08/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
2319	TDS.01.3481	LÊ THỊ YẾN	NHI	18/01/2007	Nữ	Năng khiếu chung	6.0	
2320	TDS.01.3482	NGUYỄN KHÁNH	LINH	01/09/2006	Nữ	Bóng đá	8.5	
2321	TDS.01.3483	BÙI VĂN	CHIẾN	11/11/2007	Nam	Bóng đá	7.5	
2322	TDS.01.3484	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	01/03/2007	Nam	Võ thuật	9.5	
2323	TDS.01.3485	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/05/2001	Nam	Võ thuật	10	UTXT
2324	TDS.01.3486	TRẦN THỊ YẾN	THY	17/01/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
2325	TDS.01.3487	TRẦN LÊ HOÀNG	BẢO	09/11/2005	Nam	Bóng đá	3.25	
2326	TDS.01.3488	PHAN TẤN	LỘC	12/05/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	
2327	TDS.01.3489	NGUYỄN VĂN TRUNG	HẬU	12/02/2007	Nam	Bóng đá	5.75	
2328	TDS.01.3490	MAI THẾ	BẢO	19/11/2007	Nam	Bóng đá	5.5	
2329	TDS.01.3491	ĐINH NGUYỄN GIA	KHANG	22/02/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2330	TDS.01.3492	PHAN BÁ	VŨ	03/04/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
2331	TDS.01.3493	PHAN VĂN	KHẢI	25/06/2004	Nam	Võ thuật	9.5	
2332	TDS.01.3494	TRẦN MẠNH	TÙNG	27/06/2007	Nam	Bóng đá	8.5	
2333	TDS.01.3495	TRẦN NGUYỄN CÔNG	VINH	03/02/2007	Nam	Cầu lông	6.25	
2334	TDS.01.3496	NGUYỄN THÀNH	LẬP	11/09/2007	Nam	Bóng đá	8.75	
2335	TDS.01.3497	BÙI DOãn QUỐC	HÙNG	01/10/2007	Nam	Bóng rổ	8.25	
2336	TDS.01.3498	ĐẬU THANH	PHONG	06/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2337	TDS.01.3499	NGUYỄN ĐỖ VÂN	ANH	27/02/2006	Nữ	Năng khiếu chung	6.25	
2338	TDS.01.3500	NGUYỄN TRUNG	NAM	22/06/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
2339	TDS.01.3501	LÝ THÁI	SƠN	02/06/2006	Nam	Bóng đá	6.5	
2340	TDS.01.3502	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	KHOA	29/04/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
2341	TDS.01.3503	PHẠM LÊ HOÀNG	TRUY	16/01/2007	Nam	Bóng đá	7.25	
2342	TDS.01.3504	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	24/09/2002	Nam	Cầu lông	4.0	
2343	TDS.01.3505	HUỲNH	GIAO	11/09/2007	Nam	Bóng chuyền	6.75	
2344	TDS.01.3506	LÊ VŨ	LUÂN	27/11/2006	Nam	Bóng đá	9.0	
2345	TDS.01.3507	LÊ NGUYỄN HOÀNG	ANH	09/10/2007	Nam	Bóng đá	9.0	
2346	TDS.01.3508	LÊ ANH	KIỆT	04/01/2007	Nam	Bóng chuyền	8.25	
2347	TDS.01.3509	NGUYỄN VĂN	PHONG	18/08/2006	Nam	Bóng đá	7.5	
2348	TDS.01.3510	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	05/11/2006	Nam	Bóng chuyền	8.75	
2349	TDS.01.3511	NGUYỄN MINH	TRÍ	20/12/2007	Nam	Võ thuật	10	UTXT
2350	TDS.01.3512	LÊ THÀNH	NGHIÊM	09/01/2004	Nam	Bóng đá	4.5	
2351	TDS.01.3513	PHAN NHÃ	THƯ	24/08/2007	Nữ	Bơi lội	8.75	
2352	TDS.01.3514	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	16/03/2007	Nam	Bóng chuyền	9.5	
2353	TDS.01.3515	NGUYỄN VĂN	TIẾP	09/02/2007	Nam	Điền kinh	7.5	
2354	TDS.01.3516	HÀ PHẠM THU	HƯƠNG	1/05/2007	Nữ	Cầu lông	5.0	
2355	TDS.01.3517	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	17/06/2007	Nam	Bóng rổ	9.25	
2356	TDS.01.3518	KLONG JU	KY	01/09/2007	Nam	Bóng đá	8.25	
2357	TDS.01.3519	HUỲNH NHỰT	THIÊN	14/06/2007	Nam	Bóng đá	6.75	
2358	TDS.01.3520	PHAN TUẤN	KIỆT	02/11/2007	Nam	Bóng ném	9.75	
2359	TDS.01.3521	TRẦN QUANG	VINH	02/12/2007	Nam	Bóng đá	1.75	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn năng khiếu	Điểm năng khiếu	Ghi chú
2360	TDS.01.3522	TRẦN QUỐC	VIỆT	26/06/2007	Nam	Cầu lông	4.5	
2361	TDS.01.3523	ĐÀO TRỌNG LONG	NHUẬN	15/09/2007	Nam	Bóng chuyền	7.5	
2362	TDS.01.3524	ĐỖ SỸ	HIỆP	05/02/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
2363	TDS.01.3525	NGUYỄN HUỲNH LONG	GIANG	24/11/2007	Nam	Năng khiếu chung	8.25	
2364	TDS.01.3526	THÁI NGỌC	KHÁ	15/01/2007	Nam	Bóng đá	8.0	
2365	TDS.01.3527	NGUYỄN TRẦN	THOÀN	13/12/2007	Nam	Bóng chuyền	8.0	
2366	TDS.01.3528	LÊ QUANG	HUY	20/04/2007	Nam	Bóng chuyền	7.25	

Ghi chú: UTXT: Ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu).

Tổng số: 2366 thí sinh./.



TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
TS. Võ Quốc Thắng